

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**



(Giấy CNĐKKD số 0300542187 (số cũ 4103003152) (đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/6/2010) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 01/03/2005.)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

(Quyết định niêm yết số.../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán cấp ngày... tháng... năm ...)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI**

**Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn**

Trụ sở: 8 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3 8 22 40 65 Fax : (08) 3 8 22 53 82

**Công ty Chứng khoán NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

➤ **Trụ sở chính:** Tầng 10, VINCOM A, 191 Bà Triệu, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: (04) 222 00 672 Fax: (04) 222 00 669

➤ **Chi nhánh:** Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (08) 3 8 21 88 83/ 86 Fax: (08) 3 8 21 85 10

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ông: **Nguyễn Đình Hiền** – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 08 Lê Duẩn – Q 1 – TP.HCM Điện thoại: (08) 38 224 065

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

# **BẢN CÁO BẠCH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN**

### **THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**



*(Giấy CNĐKKD số 0300542187 (số cũ 4103003152) (đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 12/10/2009) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 01/03/2005.)*

### **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

### **TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

*(Quyết định niêm yết số.../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán cấp ngày... tháng... năm ...)*

#### **BẢN CÁO BẠCH NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI**

#### **Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn**

Trụ sở: 8 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3 8 22 40 65 Fax : (08) 3 8 22 53 82

#### **Công ty Chứng khoán NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

➤ *Trụ sở chính:* Tầng 10, VINCOM A, 191 Bà Triệu, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 222 00 672 Fax: (04) 222 00 669

➤ *Chi nhánh:* Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3 8 21 88 83/ 86 Fax: (08) 3 8 21 85 10

#### **PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ông: **Nguyễn Đình Hiền** – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 08 Lê Duẩn – Q 1 – TP.HCM Điện thoại: (08) 38 224 065

# CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN



(Giấy CNĐKKD số 0300542187 (số cũ 4103003152) (đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 12/10/2009) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 01/03/2005.)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng
Tổng số lượng niêm yết:	8.060.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	80.600.000.000 đồng (theo mệnh giá)

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

##### Công ty kiểm toán và dịch vụ tin học (AISC)

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3 9 30 51 63

Fax: (08) 3 9 30 42 81

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN

##### Công ty Chứng khoán NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam

➤ Trụ sở chính: Tầng 10, VINCOM A, 191 Bà Triệu, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 222 00 672

Fax: (84-4) (04) 222 00 669

➤ Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3 8 21 88 83/ 86

Fax: (08) 3 8 21 85 10

**MỤC LỤC****PHẦN I – CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT..... - 5 -**

1. Rủi ro về kinh tế..... - 5 -
2. Rủi ro về luật pháp..... - 5 -
3. Rủi ro về thị trường ..... - 6 -
4. Rủi ro đặc thù ..... - 6 -
5. Rủi ro về tỷ giá..... - 6 -
6. Rủi ro của dự án đầu tư..... - 6 -
7. Rủi ro của đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2010 ..... - 7 -
8. Rủi ro khác..... - 8 -

**PHẦN II – NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ..... - 9 -**

1. Tổ chức đăng ký niêm yết..... - 9 -
2. Tổ chức tư vấn niêm yết..... - 9 -

**PHẦN III – CÁC KHÁI NIỆM ..... - 10 -****PHẦN IV – TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT ..... - 11 -**

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... - 11 -
2. Cơ cấu tổ chức Công ty..... - 15 -
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty ..... - 17 -
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và cổ đông sáng lập: ..... - 22 -
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty: ..... - 23 -
6. Hoạt động kinh doanh: ..... - 23 -
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất và quý 2 năm 2010 ..... - 36 -
8. Vị trí của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành..... - 37 -
9. Chính sách đối với người lao động..... - 40 -
10. Chính sách cổ tức ..... - 41 -
11. Tình hình hoạt động tài chính ..... - 42 -
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc: ..... - 45 -

13. Tài sản .....	- 56 -
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức.....	- 57 -
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	- 64 -
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty .....	- 64 -
17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết.....	- 65 -

## **PHẦN V – CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT..... - 66 -**

1. Loại chứng khoán.....	- 66 -
2. Mệnh giá.....	- 66 -
3. Tổng số chứng khoán đăng ký niêm yết:.....	- 66 -
4. Giá dự kiến niêm yết:.....	- 66 -
5. Phương pháp tính giá.....	- 66 -
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài .....	- 67 -
7. Các loại thuế có liên quan.....	- 67 -

## **PHẦN VI – CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT ..... - 70 -**

1. Tổ chức tư vấn:.....	- 70 -
2. Tổ chức kiểm toán:.....	- 70 -

## **PHẦN VII – PHỤ LỤC ..... -71-**

# PHẦN I – CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

## 1. Rủi ro về kinh tế

**T**ốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước đa phần ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế xã hội và Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn cũng không ngoại lệ. Tuy không trực tiếp sản xuất nhưng hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty cũng chịu tác động dây chuyền từ những biến động tăng, giảm của nền kinh tế nước nhà.

Việt Nam sau giai đoạn tăng trưởng ổn định 2005 – 2007, GDP đạt mức trên 8%, đã trải qua giai đoạn khó khăn, GDP năm 2008 giảm đạt 6,23% và năm 2009 GDP chỉ đạt mức 5,32%. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu làm suy giảm đáng kể nhu cầu đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu. Trước tình hình đó, Chính phủ đã đưa ra những chủ trương điều chỉnh phù hợp nhằm khắc phục suy thoái kinh tế và đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng. Thực vậy, theo Báo kinh tế Việt Nam, 6 tháng đầu năm 2010 hầu hết các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong nước đều đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn so với năm 2009. GDP quý II/2010 tăng 6,2-6,4%, tạo nên mức tăng trưởng kinh tế 6 tháng đạt khoảng 6,1% so với cùng kỳ năm 2009. Chỉ riêng khu vực TP.HCM, nơi đóng góp trên ¼ GDP cả nước, tăng 11%, gần bằng tốc độ tăng trưởng cao của thời kỳ 2005 – 2007.

Để đối phó kịp thời với rủi ro kinh tế, Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật diễn biến của thị trường trong nước và trên thế giới từ đó tổng hợp, phân tích và đưa ra những nhận định, phán đoán áp dụng cho từng thời kỳ kinh doanh của mình đảm bảo phản ứng linh hoạt với các biến động của thị trường.

## 2. Rủi ro về luật pháp

**H**oạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ gặp những rủi ro về luật pháp như sau:

- Chính sách thuế xuất nhập khẩu khi Việt Nam gia nhập WTO và các tổ chức thương mại khác... nhất là thuế nhập khẩu;
- Luật doanh nghiệp năm 2005;
- Luật đầu tư năm 2005;
- Các chuẩn mực kế toán kiểm toán mới;

- Hệ thống pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam.

Tuy nhiên, do hệ thống pháp luật của nước ta đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra và việc thay đổi chính sách pháp luật về thuế sẽ ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty.

### 3. Rủi ro về thị trường

Hơn 30 năm hoạt động kinh doanh, trải qua biết bao thăng trầm của nền kinh tế xã hội Công ty đã tự xây dựng cho mình thương hiệu Machinco đứng vững trong thị trường nhập khẩu, mua bán ô tô, xe máy, máy xây dựng, máy công cụ, phụ tùng thay thế; thị trường xuất khẩu hàng nông, lâm hải sản và thi công xây dựng công trình nhà ở, công trình kho. Mỗi lĩnh vực kinh doanh được Công ty nghiên cứu chuyên sâu từ khâu đầu vào đến khâu tiêu thụ sản phẩm, với đội ngũ nhân viên nhiệt tình, chuyên nghiệp, cùng việc năng động đầu tư đa ngành, san sẻ rủi ro cho nhau góp phần làm giảm rủi ro về thị trường.

### 4. Rủi ro đặc thù

Các mặt hàng kinh doanh của Công ty chủ yếu được phân phối theo hình thức bán sỉ, giữa Công ty và khách hàng luôn có mối quan hệ tín dụng thương mại thông qua việc bán hàng trả chậm nên rủi ro về thanh toán trong hoạt động kinh doanh là tương đối cao. Tuy nhiên, Công ty thường xuyên thực hiện việc nghiên cứu năng lực tài chính, uy tín của từng đối tượng khách hàng để quyết định một hạn mức thích hợp nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro trong thanh toán.

### 5. Rủi ro về tỷ giá

Giá vốn hàng bán cụ thể là giá thành thiết bị phụ tùng nhập khẩu chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí của Công ty (khoảng 65 - 70%) do đó tỷ giá nhập khẩu hàng hóa là yếu tố quan trọng hàng đầu ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro trong thanh toán ngoại tệ và tỷ giá hối đoái, Machinco đã áp dụng các biện pháp: ký hợp đồng bán hàng bằng ngoại tệ và thanh toán bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán, đồng thời ký hợp đồng mua USD kỳ hạn với các Ngân hàng để thanh toán tiền hàng nhập khẩu và tự cân đối nguồn ngoại tệ từ các hợp đồng xuất khẩu.

### 6. Rủi ro của dự án đầu tư

Công ty đang kêu gọi vốn góp đầu tư cho dự án Nhà máy thủy điện Đakglun tại xã Bù Gia Mập, huyện Phước Long và xã ĐakNhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; dự án

Trung tâm thương mại và khách sạn 5 sao tại 458 Nguyễn Tất Thành, Q4, TPHCM; dự án Chung cư Saigon Machinco tại 230 A Kha Vạn Cân, Thủ Đức; dự án Trung tâm Thương mại – Dịch vụ – Khách sạn Quốc tế tại 8 -12 Lê Duẩn, Quận I, TPHCM, trong đó 1) dự án Nhà máy thủy điện Đakglun đã được khởi công vào tháng 09/2009 và dự kiến quý 1/năm 2011 sẽ hoàn thành đi vào hoạt động. Hiện nay, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 2519/ QĐ-UBND tỉnh Bình Phước ngày 03/6/2009 về việc giao đất, cho thuê và cấp GCNQSD đất cho Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn để xây dựng công trình Nhà máy thủy điện Đakglun; 2) dự án Trung tâm thương mại và khách sạn 5 sao tại 458 Nguyễn Tất Thành đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục pháp lý; thiết kế cơ sở và thẩm định thiết kế cơ sở ... 3) Các dự án còn lại, Công ty đang tiến hành các thủ tục đầu tư nên rủi ro về mặt pháp lý dẫn đến chậm hoặc không thực hiện được dự án là hoàn toàn có thể xảy ra.

## 7. Rủi ro của đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2010

Năm 2010, Công ty có phát hành 806.000 trái phiếu chuyển đổi, thông tin chi tiết về đợt phát hành được trình bày tại Phần IV, mục 16 Bản cáo bạch này. Theo phương án phát hành, thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu là 30/06/2011.

Rủi ro pha loãng cổ phiếu khi trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu:

*DVT: đồng*

STT	SỐ LIỆU	TRƯỚC KHI CHUYỂN ĐỔI	SAU KHI CHUYỂN ĐỔI
1	Lợi nhuận sau thuế 2010 (theo kế hoạch)	23.750.000.000	23.750.000.000 (*)
2	Số lượng cổ phần	8.060.000	16.120.000
3	Nguồn vốn chủ sở hữu (ước tính)	115.303.281.712	195.903.281.712
4	Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) (=1/2)	2.947	1.473
5	Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS) (=3/2)	14.306	12.153

(\*) Lợi nhuận sau thuế năm 2010 sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu không bị giảm bởi lãi trái phiếu chuyển đổi. Lãi cho trái chủ được hạch toán phân bổ vào giá thành của các dự án đầu tư và được trừ dần vào chi phí khi dự án chính thức đi vào hoạt động và sinh lời.



Tuy nhiên việc pha loãng chỉ mang tính tạm thời, sức hấp dẫn của một cổ phiếu chính là nội lực và tiềm năng tăng trưởng của Công ty trong tương lai. Machinco luôn chú trọng việc đầu tư vào các dự án có hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời cũng không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, chuyên môn giỏi. Theo Machinco, đây chính là những yếu tố cốt lõi góp phần cho sự tăng trưởng bền vững của giá trị cổ phiếu của Công ty trong tương lai.

## 8. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng khác như thiên tai, hỏa hoạn,... tuy ít có khả năng xảy ra nhưng là những rủi ro không thể tránh khỏi, nếu xảy ra sẽ làm thiệt hại đến tài sản, nhân lực và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

## PHẦN II – NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Nguyễn Đình Hiền	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Đào Xuân Quý	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Hữu Hưng	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Đức Phú	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Lê Thị Phương Mai	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thanh Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lý Thị Hồng Vinh	Trưởng Phòng Kế toán

**C**húng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty trong tương lai, cũng như đánh giá về cổ phiếu niêm yết.

### 2. Tổ chức tư vấn niêm yết

Ông Nguyễn Quốc Tín	Phó Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) – Giám đốc Chi nhánh BSC TP. HCM
---------------------	--

**B**ản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn (SAIGON MACHINCO). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá, lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn cung cấp.

## PHẦN III – CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- ◆ UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ◆ SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán
- ◆ Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty CP Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- ◆ Tổ chức tư vấn niêm yết: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)
- ◆ Công ty: Công ty CP Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- ◆ SAIGON MACHINCO: Công ty CP Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- ◆ Cổ phiếu: Cổ phiếu của Công ty CP Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- ◆ DNNN: Doanh nghiệp Nhà nước
- ◆ HĐQT: Hội đồng quản trị
- ◆ ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ◆ BKS: Ban kiểm soát
- ◆ VNĐ: Đồng Việt Nam
- ◆ TNDN: Thu nhập doanh nghiệp
- ◆ GTGT: Giá trị gia tăng
- ◆ GCNQSD: Giấy chứng nhận quyền sử dụng
- ◆ TCVN: tiêu chuẩn Việt Nam

## PHẦN IV – TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn tiền thân là DNNN với tên gọi là Công ty Thiết bị Kim khí Miền Nam, trực thuộc Tổng Cục Kỹ Thuật Vật Tư Miền Nam, được thành lập năm 1974 chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng.

Tháng 12/1975, theo quyết định số 517/VT-QĐ ngày 30/12/1975 của Tổng Cục Kỹ Thuật Vật Tư Miền Nam tách Công ty Thiết bị Kim khí Miền Nam thành 02 Công ty: Công ty Kim khí Miền Nam & Công ty Thiết bị Phụ tùng Miền Nam.

Công ty Thiết bị Phụ tùng Miền Nam lúc này gồm 07 Phòng ban, 249 nhân sự, 4 xưởng sửa chữa ô tô, máy và 5 cụm kho chỉ làm nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý tài sản gồm: văn phòng, nhà xưởng, cụm kho vật tư, thiết bị phụ tùng, nhiên liệu tại Sài Gòn do Nhà nước giao và cung ứng theo lệnh của Nhà nước.

Tháng 7/1976 Công ty Thiết bị Phụ tùng Miền Nam được đổi tên thành Công ty Thiết Bị Phụ Tùng Khu Vực II vừa có nhiệm vụ quản lý tài sản Nhà nước giao, đồng thời tiếp nhận hàng hóa, thiết bị ô tô, phụ tùng của Nhà nước nhập về, đưa về các kho cất giữ, bảo quản, cung ứng theo lệnh của Nhà nước cho các đơn vị làm nhiệm vụ trong nền kinh tế quốc dân cũng như an ninh quốc phòng.

Tháng 9/1985 Công ty Thiết bị Phụ tùng Miền Nam được đổi tên thành Công ty Thiết Bị Phụ Tùng TP. HCM trực thuộc Tổng Công ty Thiết bị phụ tùng - Bộ Vật Tư và đến tháng 9/2003 trực thuộc Bộ Thương Mại.

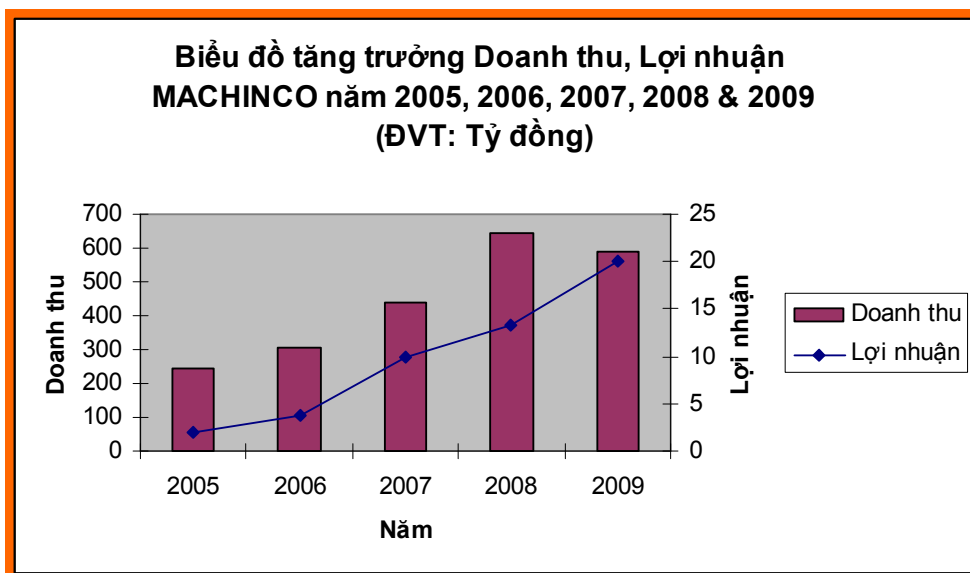
Tháng 01/2005, theo Quyết định số 0233/QĐ-BTM ngày 17/02/2005 và 1326/2004/QĐ-BTM ngày 20/9/2004 của Bộ Thương mại, Công ty Thiết Bị Phụ Tùng TP. HCM được chuyển thành Công ty cổ phần với tên mới Công ty Cổ Phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn.

Công ty Cổ Phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn chính thức hoạt động từ ngày 01/03/2005 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003152 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM cấp ngày 01/03/2005.

Chuyển sang hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, kế thừa năng lực sẵn có và bề dày kinh nghiệm sau gần 35 năm hoạt động trong lĩnh vực vật tư – thiết bị phụ tùng Công ty đã không ngừng nỗ lực nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị phần, gia tăng giá trị doanh

nghiệp, ngày càng chứng tỏ được khả năng của mình trong cạnh tranh trên đường hội nhập và góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Doanh thu của Công ty từ khi cổ phần hóa qua các năm đều tăng, cụ thể doanh thu năm 2006 tăng 26%, năm 2007 tăng 44%, năm 2008 tăng 47%. Năm 2009, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên doanh thu năm 2009 có giảm hơn so với năm 2008 nhưng vẫn đạt mức trên 587 tỷ đồng.



### Những thành tích đã đạt được:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2006 về thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Huân chương lao động hạng 3 của Chủ tịch nước năm 2007
- Cờ thi đua của Bộ Công Thương về thành tích vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2007.
- Cờ thi đua của Chính phủ về thành tích hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2008 của Bộ Công thương.
- Cờ thi đua của Bộ Công Thương về thành tích vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2009.

## 1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- Tên tiếng Anh: Saigon Machinery Spare Parts Joint Stock Company
- Tên viết tắt: SAIGON MACHINCO

- Logo:



- Trụ sở: 8 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3 8 22 40 65
- Fax: (08) 3 8 22 53 82
- Website: [www.saigonmachinco.com.vn](http://www.saigonmachinco.com.vn)
- Email: [machinco@hcm.vnn.vn](mailto:machinco@hcm.vnn.vn)

Quá trình tăng vốn của Công ty từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần:

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 11.000.000.000 đồng được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 01/03/2005.

Cho đến nay, Công ty đã tăng vốn 02 lần, cụ thể:

- *Lần 1: tăng vốn từ 11.000.000.000 đồng lên 65.000.000.000 đồng, chia làm 02 đợt như sau:*
  - *Đợt 1: tăng vốn từ 11.000.000.000 đồng lên 22.000.000.000 đồng*
    - ĐHĐCĐ bất thường thông qua ngày 30/09/2006
    - Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.100.000 cổ phiếu
    - Giá phát hành: 11.000 đồng / cổ phần
    - Hình thức phân phối: phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1. Cổ phần của cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua do Hội đồng quản trị quyết định phân bổ cho đối tượng khác (cổ đông hiện hữu có nhu cầu mua thêm và cổ đông mới) theo giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.
  - *Đợt 2: tăng vốn từ 22.000.000.000 đồng lên 65.000.000.000 đồng*
    - ĐHĐCĐ bất thường thông qua ngày 30/9/2006
    - Số lượng cổ phiếu phát hành: 4.300.000 cổ phiếu
    - Giá phát hành:

- 11.000 đồng / cổ phần cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt
- 20.000 đồng / cổ phần cho đối tác chiến lược
- Hình thức phân phối: phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2:3, một số cán bộ chủ chốt, cổ đông chiến lược. Cổ phần của cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua do Hội đồng quản trị quyết định phân bổ cho đối tượng khác (cổ đông hiện hữu có nhu cầu mua thêm và cổ đông mới) theo giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.
- *Lần 2: tăng vốn từ 65.000.000.000 đồng lên 80.600.000.000 đồng.*
  - ĐHDCĐ thường niên năm 2008 thông qua ngày 08/03/2008
  - Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.560.000 cổ phiếu
  - Hình thức phân phối: chia cổ phiếu thưởng
  - Nguồn thực hiện: thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển đến ngày 31/12/2007.

Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn hiện nay: **80.600.000.000 VND.**

**Cơ cấu Vốn điều lệ tại thời điểm 08/05/2010 là:**

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	409.200	5,08
- Cổ đông nội bộ	2.636.768	32,71
- Cổ đông bên ngoài	5.014.032	62,21
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.060.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 08/05/2010)

### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán máy các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, thiết bị bưu chính viễn thông, nguyên liệu vật tư cho sản xuất, hàng công nghiệp, hàng tiêu dùng; điện tử - phân bón – kim loại màu – hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ tùng, linh kiện đồng bộ phục vụ cho sản xuất và phục vụ bảo dưỡng - sửa chữa, vật liệu xây dựng, sản phẩm từ composite, hàng điện lạnh, nông-lâm-hải sản, đồ gỗ, hàng may mặc. Mua bán ô tô, xe máy, tàu thủy, thiết bị đồng bộ phụ vụ công nghiệp, vật liệu xây dựng. Mua bán vật tư, trang thiết bị y tế. Mua bán mỹ phẩm. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở).

- Kinh doanh nhà hàng và lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Kinh doanh nhà ở. Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê. Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, khu du lịch.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, môi giới vận tải. Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê nhà xưởng, kho, bãi, văn phòng, máy móc thiết bị. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- San lấp mặt bằng. Tháo dỡ công trình. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi.
- Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, thiết kế quy hoạch, giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán).
- Đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý vận tải đường. Đại lý bán vé máy bay ô tô tàu hỏa.
- Chế biến nông-lâm-hải sản, sản xuất hàng may mặc (không chế biến sản xuất tại trụ sở). Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và sản phẩm bằng kim loại (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất đá mài, đá cắt (không hoạt động tại trụ sở).
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây cao su. Trồng cây cà phê.
- Khai thác đá (không hoạt động tại trụ sở). Khai thác cát, sỏi (không hoạt động tại trụ sở). Khai thác đất sét (Không hoạt động tại trụ sở).

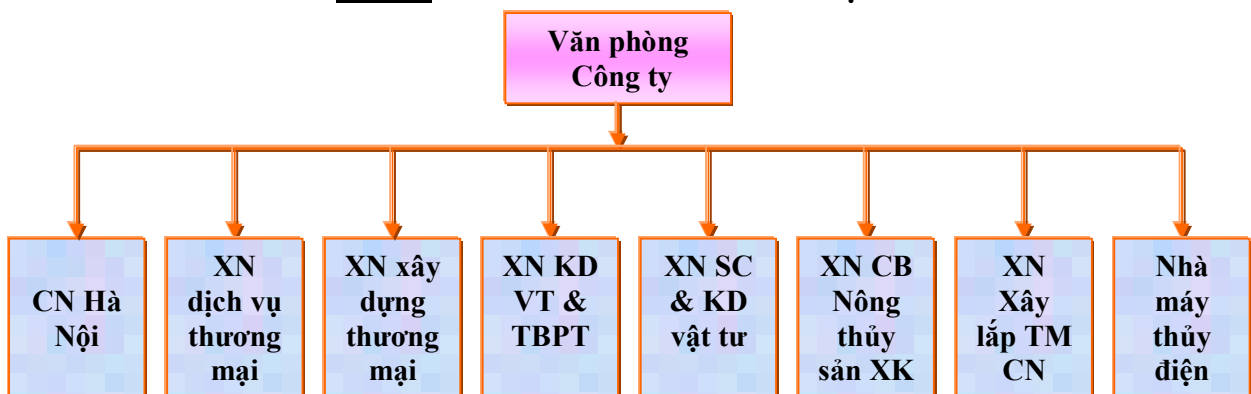
## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Trụ sở: 08 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3 8 29 58 12 – 3 8 29 38 33

Fax: (08) 3 8 22 53 82

### Sơ đồ 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC THEO HỆ THỐNG





Các đơn vị trực thuộc Công ty

STT	Đơn vị	Sản phẩm chính	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn tại Hà Nội	Nhập khẩu, kinh doanh đồng, nhôm, kẽm, chì, Niken, dây cáp điện, các loại Fero, thép phục vụ cho sản xuất Pin, ắc quy, phụ tùng ô tô, xe máy, mạt kẽm cho thiết bị điện, tôn, tấm lợp, luyện thép đúc hợp kim...theo tiêu chuẩn LME LONDON; Xuất khẩu đá ốp lát nguyên khối.	Phòng 201 - 18T1 Lê Văn Lương - Thanh Xuân - Hà Nội
2	Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại	Kinh doanh vận tải bằng đầu kéo container, cho thuê kho bãi, mua bán máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, hóa chất, kim khí điện máy	Số 8, Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận I, TPHCM
3	Xí nghiệp Xây dựng Thương mại	San lấp mặt bằng, tháo dỡ các công trình; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Tư vấn xây dựng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh nền nhà ở; Kinh doanh thương mại.	Số 8, Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận I, TPHCM
4	Xí nghiệp Kinh doanh vật tư và Thiết bị Phụ tùng	Cung cấp sảm lốp xe ô tô chuyên dùng trong khai thác hầm mỏ; Mua bán phụ tùng ô tô; Nhập khẩu, kinh doanh xe máy các loại; Nhập khẩu, kinh doanh sắt thép, ngành xây dựng, hóa chất, giấy (định lượng cao).	Lầu 3 - Số 8, Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận I, TPHCM
5	Xí nghiệp Sửa chữa và Kinh doanh vật tư	Mua bán các loại phương tiện vận tải; thiết bị, vật tư phụ tùng, máy móc như máy tàu, máy công cụ, máy tiện, máy hàn, máy	300/14 Nguyễn Văn Linh, P. Bình Thuận, Q 7, TPHCM

		phay. và các thiết bị chuyên dùng; Mua bán và sửa chữa máy phát điện cỡ lớn; Cung cấp nhớt cho các phương tiện vận tải.	
6	Xí nghiệp Chế biến Nông Thủy sản xuất khẩu	Sản xuất xuất khẩu mặt hàng nông thủy sản các loại.	230 A – Kha Vạn Cân – P. Linh Trung – Q. Thủ Đức
7	Xí nghiệp Xây lắp Thương mại Công nghiệp	Mua bán máy móc các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, vật liệu xây dựng; Bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện tử, điện lạnh trong khu công nghiệp, khu chế xuất...	68/9 Đào Duy Anh - Phường 09 – Q. Phú Nhuận, TPHCM
8	Chi nhánh Nhà máy thủy điện Dakglun – Tỉnh Bình Phước	Sản xuất điện năng cung cấp cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN).	Áp 6, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước

*Ghi chú: Xí nghiệp chế biến Nông Thủy sản xuất khẩu đã giải thể ngày 31/12/2009.*

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách hành chính nhân sự, công tác đoàn thể.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh đầu tư.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nhà máy Thủy điện; kinh doanh kho, bãi, dịch vụ.
- Trưởng Phòng Kế toán: tổ chức công tác hạch toán kế toán trong công ty và lập báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước và chế độ kế toán; Kiểm tra các đơn vị trực thuộc về chính sách tài chính, kế toán. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ hạch toán và báo cáo tài chính theo đúng quy định của pháp luật; Phân

tích hoạt động kinh tế tài chính phục vụ cho việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của lãnh đạo công ty.

- Trưởng Phòng Kinh doanh đầu tư: Phân tích, lập kế hoạch kinh doanh hàng năm, xây dựng chiến lược kinh doanh và theo dõi việc thực hiện kế hoạch để có điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo mục tiêu đề ra. Nghiên cứu, phân tích và đánh giá khách hàng để cung ứng hàng hóa một cách phù hợp và hiệu quả nhất. Thường xuyên theo dõi thực hiện hợp đồng thực hiện đúng cam kết và theo dõi thu hồi công nợ. Tham gia xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.
- Trưởng Phòng Hành chính: Tổ chức và điều hành hoạt động hành chính văn phòng; Quản lý tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động về chế độ chính sách, lương bổng đãi ngộ cho cán bộ công nhân viên công ty; Hoạch định chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Thực hiện tuyển dụng nhân sự theo quá trình và quy mô phát triển của Công ty.
- Trưởng Phòng Kinh doanh dịch vụ: Chịu trách nhiệm trong công tác kinh doanh cho thuê nhà xưởng, kho bãi và các dịch vụ khác của Công ty. Theo dõi thực hiện hợp đồng theo đúng cam kết và thực hiện thanh toán của khách hàng.
- Giám đốc các đơn vị, chi nhánh.

### **Đại hội đồng cổ đông:**

Là cơ quan quyết định cao nhất mọi vấn đề về hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua điều lệ, định hướng phát triển của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định cơ cấu vốn của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ của Công ty quy định.

### **Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý cao nhất trong Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. HĐQT có quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển và kế hoạch kinh doanh của công ty;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, giám sát hoạt động của Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty;
- Quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ của Công ty quy định.

### **Ban kiểm soát:**

Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

### **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc gồm 06 thành viên: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách hành chính, nhân sự, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính và Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nhà máy Thủy điện; kinh doanh kho, bãi và dịch vụ khác.

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc có quyền và nhiệm vụ sau:

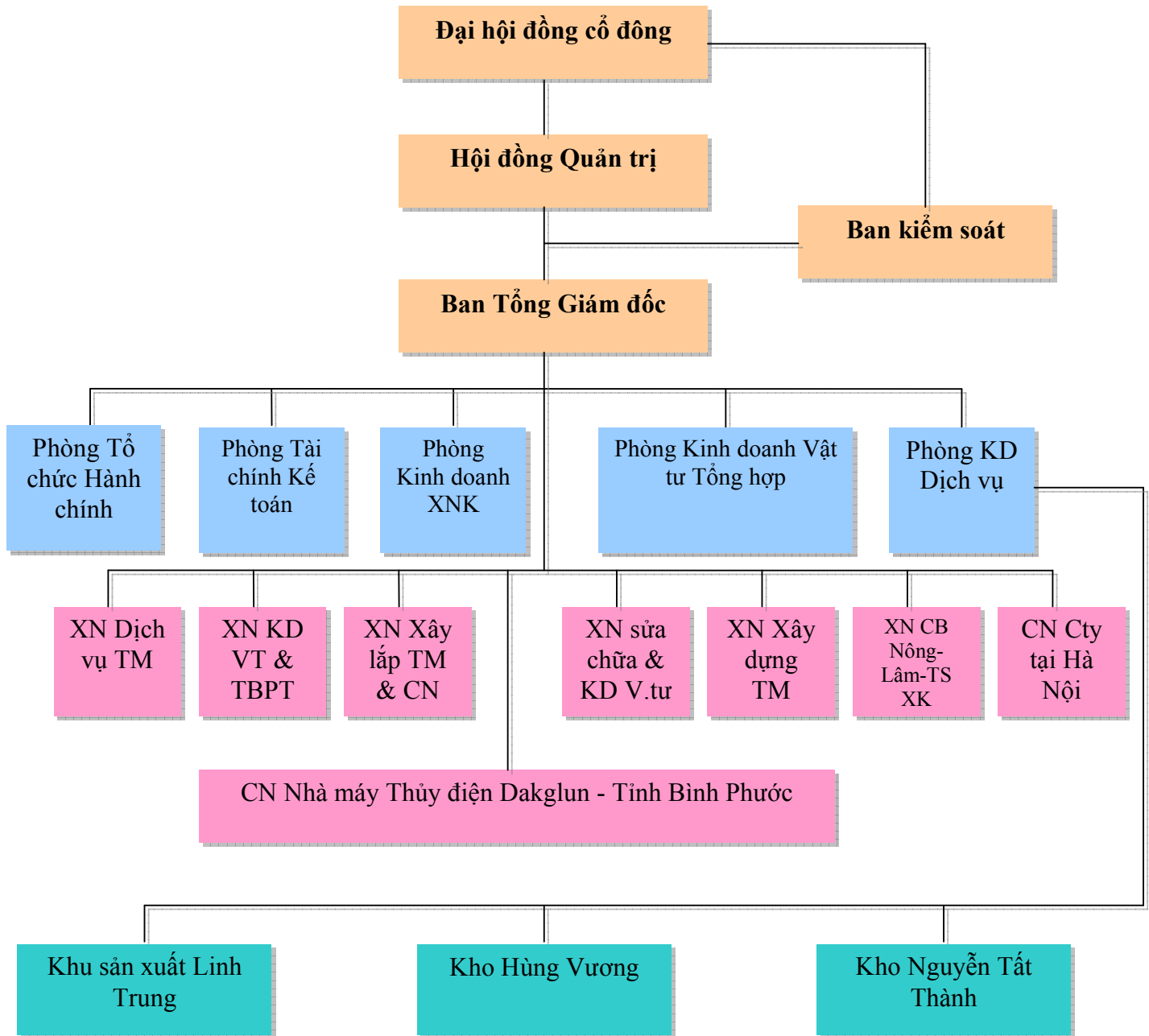
- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty không cần thông qua HĐQT;
- Thực hiện các quyết định của HĐQT, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty theo đúng Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ của Công ty quy định.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thức hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các Phó Tổng Giám đốc.

**C**ác phòng ban chức năng:

- Phòng Tổ chức hành chính
- Phòng Tài chính Kế toán
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu
- Phòng Kinh doanh Vật tư tổng hợp
- Phòng Kinh doanh dịch vụ

**Sơ đồ 2: CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY**



## 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và cổ đông sáng lập:

### 4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại ngày 08/05/2010:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	<b>Nhà nước</b>				
1	Tổng Công ty Kinh doanh và Đầu tư Nhà nước	06 Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, Hà Nội	409.200	4.092.000.000	5,08
	Người đại diện: Nguyễn Đình Hiền	163/53-55 Thành Thái-P. 14 - Quận 10 – TP. HCM			
	<b>Cổ đông</b>				
1	Nguyễn Văn Lượng	332/1 Phan Văn Trị, P11, Q. Bình Thạnh TP. HCM	437.360	4.373.600.000	5,43
2	Vũ Thị Diễm Ly	18A Nam Quốc Cang - P. Phạm Ngũ Lão - Q. 1 - TP. HCM	473.258	4.732.580.000	5,87
3	Trần Đức Phú	18A Nam Quốc Cang - P. Phạm Ngũ Lão - Q. 1 - TP. HCM	496.000	4.960.000.000	6,15
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.815.818</b>	<b>18.158.180.000</b>	<b>22,53</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 08/05/2010)

### 4.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Tên cổ đông hiện hành	Số CP sở hữu	Giá trị vốn góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Đại diện vốn Nhà Nước</b>	<b>409.200</b>	<b>4.092.000.000</b>	<b>5,08</b>
1	Nguyễn Đình Hiền	409.200	4.092.000.000	5,08
<b>II</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>7.588.800</b>	<b>75.888.000.000</b>	<b>94,15</b>
1	Tổ chức	339.264	3.392.640.000	4,21

2	Cá nhân	7.249.536	72.495.360.000	89,94
<b>III</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>62.000</b>	<b>620.000.000</b>	<b>0,77</b>
1	Tổ chức			-
2	Cá nhân	62.000	620.000.000	0,77

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 08/05/2010)

(*Ghi chú: Theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 có hiệu lực thi hành 01/07/2006, Điều 84, mục 5: “Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ”. Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn thành lập từ ngày 01/03/2005 đến nay đã hơn 05 năm nên quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực).*

## 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:

**K**hông có.

## 6. Hoạt động kinh doanh:

### 6.1. Các nhóm sản phẩm của Công ty:

**L**à Công ty đa ngành, hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu, mua bán máy móc thiết bị, chế biến nông, lâm, thủy hải sản xuất khẩu và xây dựng công trình dân dụng, công trình kho. Cụ thể:

- Lĩnh vực nhập khẩu, mua bán máy móc thiết bị:
  - Nhập khẩu, mua bán ô tô các loại- phụ tùng thay thế.
  - Nhập khẩu, mua bán xe gắn máy- phụ tùng thay thế.
  - Nhập khẩu, mua bán máy xây dựng, bốc dỡ, máy công cụ các loại.
  - Nhập khẩu, mua bán săm lốp ô tô, bình điện, vòng bi.
  - Nhập khẩu, mua bán sắt thép và kim loại màu.
  - Nhập khẩu, mua bán vải địa kỹ thuật, màng chống thấm, bấc thấm.
- Lĩnh vực kinh doanh trong nước:



- Mua bán xi măng, đại lý cho một số nhãn hiệu xi măng lớn như Holcim, Fico, Cotec, Nghi Sơn, Cẩm Phả, ...
- Khai thác và kinh doanh đá các loại từ mỏ đá vật liệu tại Nhà máy thủy điện Dakglun. Sản phẩm đá được Công ty thuê ngoài gia công.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh xuất khẩu:
  - Nông sản: chế biến đậu phộng các loại (đậu phộng rang muối, đậu phộng da cá, đậu phộng bọc đường, cà phê, đậu phộng tằm gia vị: mù tạt, phô mai...), chuối sấy, dưa chuột ngâm giấm....
  - Thủy hải sản: cá khô tằm gia vị
  - Lâm sản: gỗ xẻ các loại
- Lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình kho:
  - Khu nhà ở 22 căn hộ 448 Nguyễn Tất Thành- Quận 4- Tp. HCM
  - Khu nhà ở 10 căn hộ số 1 Tôn Thất Thuyết- Quận 4- Tp. HCM
  - Khu nhà ở số 449/4 Kinh Dương Vương- Quận 6- Tp. HCM
  - Khu chợ Cai Lậy – Tiền Giang
  - Tổng kho Linh Trung- Thủ Đức- Tp. HCM
  - Khu dân cư tại Thị trấn Thanh Bình - Tỉnh Đồng Tháp
  - ....
- Lĩnh vực kinh doanh khác:
  - Cung cấp hệ thống ống gió bằng Tole tráng kẽm cho hệ thống điều hoà không khí ở khu vực Casino- Công trình Khách sạn Mặt trời Las Vegas- Campuchia, Nhà máy Dược phẩm Đạt Vi Phú, Nhà máy sợi DTY- Công ty TNHH Đông Tiến Hưng, Công ty Sợi Việt – Italia...
  - Cung cấp hệ thống cáp, máng điện bằng Tole dầu và thép không rỉ, phụ kiện cho Công ty TNHH Shinning nin Việt nam, Công ty TNHH G-Tech...

Tất cả các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh đều được Công ty nghiên cứu chuyên sâu từ khi lập kế hoạch, lên dự án đầu tư và thực thi dự án.

**M**ột số chức năng và ứng dụng các sản phẩm kinh doanh tiêu biểu của Công ty:

- Vải địa kỹ thuật
  - *Chức năng*: gia cường, phân cách, bảo vệ, tiêu thoát nước và lọc ngược trong kết cấu kỹ thuật trên nền đất yếu.

- *Ứng dụng:* Sử dụng rộng rãi trong xây dựng cầu đường, gia cố đất móng, các lĩnh vực xây dựng dân dụng, thủy lợi, cầu cảng, đường sắt, hầm tunnel, các hệ thống tiêu thoát nước, ...
- **Màng chống thấm HDPE**
  - *Chức năng:* Dạng tấm nhựa HDPE bền với môi trường, không thấm nước, thực hiện chức năng chống thấm cho các công trình xây dựng, ...
  - *Ứng dụng:* Dạng tấm nhựa HDPE bền với môi trường, không thấm nước, thực hiện chức năng chống thấm cho các công trình xây dựng, ...
- **Bấc thấm ngang**
  - *Chức năng:* dùng để thoát nước
  - *Ứng dụng:* thay thế lớp đệm cát trong hệ thống PVD, thay thế ống thoát nước đục lỗ trong hệ thống PVD, Thay thế vật liệu thoát nước ngầm (thoát nước trong tường chắn, công viên, vườn, sân golf, nền đường sắt...).
- **Bấc thấm đứng:**
  - *Chức năng:* giảm thiểu tối đa sự xáo trộn các lớp đất; khả năng tương thích cao của lõi cũng như vỏ bấc thấm với nhiều loại đất; dễ dàng thi công, hiệu suất có thể đạt tới 8.000m/ngày; không cần cấp nước khi thi công; bấc có thể được đóng xuống độ sâu trên 40m.
  - *Ứng dụng:* gia cố nền đất yếu, bấc thấm đứng được sử dụng để xử lý gia cố nền đất yếu, trong thời gian ngắn có thể đạt tới 95% độ ổn định dài hạn, tạo khởi động cho quá trình ổn định tự nhiên ở giai đoạn sau. Quá trình gia cố có thể được tăng tốc bằng gia tải.  
  
Lợi thế thi công: tiết kiệm được khối lượng đào đắp, rút ngắn được thời gian thi công, giảm được chi phí vận chuyển, chi phí thi công.
- **Tole sinh thái**
  - *Đặc điểm:* không có Amiang; nhẹ, bền, cách âm, cách nhiệt tốt; không thấm nước; chịu được hóa chất, không bị ăn mòn; chịu được mọi khí hậu thời tiết khắc nghiệt, kể cả khí hậu miền biển; dễ lắp đặt, bảo quản, dễ vận chuyển; chống rêu, nấm, rỉ sét; hiệu quả kinh tế.
  - *Ứng dụng:* làm tấm lợp các loại.



## 6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

### Doanh thu từng nhóm sản phẩm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Lĩnh vực	Năm 2008				Năm 2009				Quý 2 Năm 2010			
	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)
Lĩnh vực nhập khẩu, mua bán máy móc thiết bị	89.818	13,89	5.400	11,92	98.566	16,78	6.160	13,13	35.763	14,45	2.399	11,35
Thép các loại	170.724	26,40	9.100	20,08	118.600	20,19	9.160	19,52	48.365	19,55	2.609	12,35
Vải địa kỹ thuật	19.971	3,09	2.200	4,86	30.127	5,13	4.100	8,74	4.426	1,79	777	3,68
Phụ tùng	107.724	16,66	6.700	14,79	135.677	23,10	7.640	16,28	49.787	20,12	3.506	16,59
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh xuất khẩu	33.038	5,11	1.410	3,11	72.678	12,37	3.210	6,84	34.049	13,76	2.233	10,57
Lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình kho	10.058	1,56	904	1,99	16.150	2,80	1.500	3,20	15.123	6,11	1.005	4,76
Lĩnh vực kinh doanh khác	205.552	31,78	11.500	25,38	102.824	17,51	6.248	13,32	52.074	21,05	3.033	14,35
Hàng hóa & dịch vụ khác	9.817	1,52	8.100	17,88	12.707	2,16	8.900	18,97	7.836	3,17	5.570	26,36
<b>Tổng cộng</b>	<b>646.702</b>	<b>100</b>	<b>45.314</b>	<b>100</b>	<b>587.329</b>	<b>100</b>	<b>46.918</b>	<b>100</b>	<b>247.423</b>	<b>100</b>	<b>21.132</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Số liệu Công ty)

### 6.3. Nguyên vật liệu

#### a) Nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty:

- Lĩnh vực nhập khẩu, mua bán máy móc thiết bị: nguồn cung đầu vào chủ yếu là nhập khẩu từ Mỹ, Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc... Hàng hóa nhập về được cung ứng theo yêu cầu đơn đặt hàng của khách hàng và chủ yếu phân phối theo hình thức bán sỉ.
- Lĩnh vực kinh doanh trong nước: Công ty làm đại lý cung ứng xi măng cho các công trình xây dựng trong nước, xi măng được mua từ các nhà cung ứng có thể mạnh thương hiệu trên thị trường như Holcim, Fico, Cotec, Nghi Sơn, Cẩm Phả, ... nên nguồn cung đầu vào rất đa dạng về mẫu mã, chất lượng cũng như rất dồi dào về số lượng; sản phẩm đá các loại được khai thác trực tiếp tại mỏ đá của nhà máy thủy điện Đakglun, ngoài việc thuê ngoài gia công sản phẩm đá để cung ứng cho việc xây dựng nhà máy thủy điện Đakglun, Công ty còn bán ra bên ngoài cho các công trình xây dựng khác.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh xuất khẩu: nguyên liệu đầu vào được thu mua từ các nhà cung cấp trong nước, chủ yếu ở Miền Nam và một số tỉnh miền Trung.
- Lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình kho: nguyên vật liệu xây dựng được cung cấp bởi các nhà sản xuất trong nước chuyên về vật liệu xây dựng như: Xi măng Hà Tiên, Holcim; thép Vinasteel, vinakyoei; gạch Đồng Nai, cát... nên rất dồi dào, Công ty không phải bận tâm về việc thiếu nguyên liệu.

#### b) Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

**S**ự ổn định của nguồn nguyên vật liệu đầu vào là rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm và tăng áp lực giảm doanh thu của Công ty. Nhận thức rõ điều này, Công ty luôn tạo mối quan hệ hợp tác tốt với các nhà cung ứng đặc biệt là thanh toán các khoản công nợ tới hạn. Chính điều này đã hình thành nên một nguồn cung ứng đáng tin cậy và ổn định giúp Công ty an tâm sản xuất kinh doanh mà không cần quan tâm nhiều đến việc thiếu hụt, giá tăng, chất lượng không theo yêu cầu của nguồn nguyên vật liệu.

Đối với hàng hóa mua bán nhập khẩu từ nước ngoài, đối tác của Công ty là những công ty, tập đoàn lớn có uy tín trên thế giới nên trong mọi thời điểm đều đảm bảo được nguồn hàng theo yêu cầu của Công ty. Sản phẩm nhập về luôn đạt chuẩn quốc tế, đáp

ứng được nhu cầu về chất lượng, tính năng hoạt động và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

c) Sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

**D**oanh thu của Công ty chủ yếu từ mảng kinh doanh thế mạnh là nhập khẩu, mua bán máy móc thiết bị chuyên dụng, kinh doanh trong nước, sản xuất, chế biến nông lâm hải sản xuất khẩu và xây dựng công trình dân dụng.

Sự biến động tăng, giảm của tỷ giá đồng nội tệ so với đồng USD là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự tăng, giảm trong giá nhập khẩu và giá xuất khẩu của Công ty. Tuy nhiên, do đặc điểm kinh doanh của Công ty vừa nhập khẩu vừa xuất khẩu nên sự biến động tỷ giá phần nào được bù trừ lẫn nhau, bên cạnh đó để hạn chế sự biến động của tỷ giá, ngoài nguồn ngoại tệ dự trữ, Công ty chủ động ký hợp đồng mua ngoại tệ kỳ hạn với các Ngân hàng để thanh toán tiền hàng nhập khẩu.

Yếu tố thời tiết, mùa màng ảnh hưởng rất lớn đến nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào cho lĩnh vực sản xuất, chế biến nông lâm hải sản. Trong những năm qua, thời tiết không diễn biến theo mùa, lũ lụt, áp thấp nhiệt đới làm cho nguyên liệu đầu vào khan hiếm, giá thu mua tăng cao. Công ty áp dụng thu mua dự trữ vào mùa thu hoạch và mức tăng giá từ từ, không tăng đột ngột chủ yếu để duy trì nguồn khách hàng truyền thống, ổn định và duy trì thị trường. Do đó giá nguyên liệu cũng phần nào làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

d) Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguồn nguyên vật liệu:

**H**àng hóa nhập khẩu để mua bán trên thị trường nội địa được nhập từ nhiều nguồn khác nhau ở nhiều quốc gia trên thế giới nên rất phong phú. Hàng nhập về được mua theo đơn đặt hàng, quy định cụ thể đơn giá, mặt hàng, quy cách sản phẩm, thời gian giao hàng, trong đó Công ty đã tính toán, dự trù thêm thời gian giao hàng chậm do các thủ tục pháp lý liên quan.

Đối với nguồn nguyên liệu nông lâm hải sản mua trong nước, Công ty đã chủ động lập kế hoạch về nguồn liệu sử dụng trong năm để ký hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp nên không phải quan tâm nhiều đến nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước. Kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu được xưởng sản xuất lập rất chi tiết, cụ thể theo tháng, quý, năm và luôn có sự điều chỉnh kịp thời khi nguồn cung và giá nguyên vật liệu thay đổi. Trên cơ sở nhu cầu nguyên vật liệu của xưởng sản xuất, Công ty sẽ tổng hợp kế hoạch mua hàng để ký trước hợp đồng khung, đặt hàng trước khoảng từ 03-07 ngày và

dự trữ hàng hợp lý để đảm bảo được tồn kho hiệu quả và cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho các xưởng sản xuất.

#### 6.4. Chi phí sản xuất

**G**hiảm thiểu chi phí sản xuất đến mức thấp nhất là mục tiêu hàng đầu của Công ty để tăng lợi nhuận và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm về giá cả cũng như chất lượng trên thị trường nên nguyên liệu được kiểm soát ngay từ khâu nhập kho đến khi xuất kho đưa vào dây chuyền sản xuất.

Các biện pháp kiểm soát chi phí sản xuất áp dụng tại Công ty:

- Trong lĩnh vực nhập khẩu, mua bán: Công ty tận dụng kinh nghiệm, khả năng nắm bắt thông tin và các mối quan hệ trong kinh doanh nhằm tìm hiểu, so sánh giá mua mặt hàng nhập khẩu để đảm bảo tìm được nguồn hàng nhập khẩu có chất lượng, giá thành kinh tế nhất theo yêu cầu của khách hàng. Hơn nữa, là đối tác lâu năm nên Công ty tận dụng được lợi thế giảm giá áp dụng cho khách hàng có mối quan hệ lâu dài và đáp ứng được doanh số nhập khẩu trong năm trước đó.
- Trong lĩnh vực sản xuất: Công ty xây dựng định mức tiêu hao cơ bản riêng biệt cho từng loại sản phẩm từ khi bắt đầu đưa vào sản xuất đến lúc ra thành phẩm và tăng giảm trong hạn mức cho phép. Khi có sự biến động vượt định mức tiêu hao nguyên liệu cho phép, bộ phận sản xuất sẽ tiến hành rà soát ngay từng khâu xử lý sản phẩm để tìm cách khắc phục hậu quả nên tránh được thiệt hại lớn cho Công ty.
- Trong lĩnh vực xây dựng: trên cơ sở định mức cơ bản của Nhà nước quy định Công ty xây dựng định mức dự toán cho từng công trình cụ thể một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

Bằng kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn cao trong việc tính toán và đưa ra định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng sản phẩm như trên, Công ty đã giám sát chặt chẽ được quá trình đưa nguyên vật liệu vào sản xuất cũng như chi phí phát sinh thêm ngoài dự toán nhằm tiết kiệm tối đa chi phí và góp phần tăng lợi nhuận trong kinh doanh.

Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty:

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Yếu tố chi phí	Năm 2008		Năm 2009		Quý 2 Năm 2010	
		Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	601.388	93,00%	540.411	92,01%	226.292	91,46%
2	Chi phí QLDN	23.111	3,57%	17.066	2,91%	7.387	2,99%
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>624.499</b>	<b>96,57%</b>	<b>557.477</b>	<b>94,92%</b>	<b>233.679</b>	<b>94,45%</b>

(Nguồn: BCTC năm 2008, 2009 và Quý 2 năm 2010)

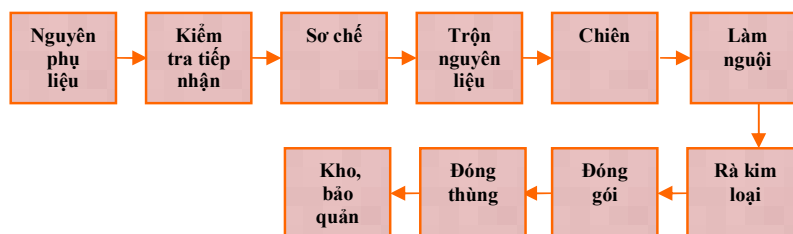
**6.5. Trình độ công nghệ**

Bộ phận quản lý trong Công ty được trang bị hệ thống máy tính, được nối mạng LAN và đường truyền ADSL tốc độ cao để việc trao đổi thông tin giữa các phòng ban, đơn vị trong Công ty cũng như giao dịch với khách hàng được thực hiện một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất.

Các thiết bị phụ trợ trong văn phòng như máy photo, máy fax, máy scan, ... được trang bị đầy đủ, phù hợp với điều kiện làm việc của nhân viên với những tính năng ưu việt và tiết kiệm điện năng tiêu thụ.

Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản do đặc thù ngành nghề, đa phần những thiết bị chuyên dụng đặc biệt như thiết bị thi công được sản xuất tại Châu Âu, Nhật vừa an toàn vừa hiệu quả góp phần giảm thiểu chi phí thi công.

Công nghệ trong dây chuyền sản xuất, chế biến nông lâm hải sản đều mang thương hiệu Việt, chỉ duy nhất thiết bị đóng gói là kế thừa công nghệ của Đài Loan.

**QUI TRÌNH CHẾ BIẾN ĐẬU PHỘNG TÂM GIA VỊ (TỔNG QUÁT)****6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Sản phẩm mới là giải pháp hàng đầu mang lại lợi ích tiềm năng rất lớn cho Công ty. Ý thức được điều này Công ty đã thành lập bộ phận chuyên nghiên cứu, tìm hiểu và

phát triển sản phẩm mới để phát triển Công ty theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, ngành nghề.

Không dừng lại ở sản phẩm truyền thống, Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực mới - điện - một trong những ngành hấp dẫn đầu tư nhất khu vực do tốc độ tăng trưởng kinh tế và nhu cầu điện năng của Việt Nam đang tăng cao. Cách đây 02 năm SAIGON MACHINCO đã tiến hành thăm dò thị trường, địa hình, nghiên cứu dự án xây dựng nhà máy điện Đakglun tại Bình Phước, đến nay dự án đã được khởi công và dự kiến quý 1/năm 2011 sẽ hoàn thành đi vào hoạt động, sản lượng điện dự kiến là 76 triệu KW/năm.

Thêm vào đó, năm 2010 Công ty đưa dự án khai thác mỏ đá vật liệu tại khu vực đất dự án Thủy điện Đak Glun vào hoạt động. Mỏ đá này, dự kiến cho trữ lượng khoảng 800.000 m<sup>3</sup>, doanh thu đạt khoảng 140 tỷ đồng/năm và sản lượng khai thác trong vòng 5 năm.

## 6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

### a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Công ty áp dụng chương trình quản lý chất lượng nội bộ do Công ty xây dựng, được đúc kết từ kinh nghiệm của 35 hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đà hội nhập, cần có sự thống nhất với các tiêu chuẩn quản lý chất lượng của Việt Nam và quốc tế, từ tháng 12/2007, Công ty thực hiện quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và được Quacert - Tổ chức chứng nhận của Việt Nam trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng do Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) - cấp giấy Chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ngày 27/12/2007.

### b) Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm:

#### ➤ Lĩnh vực nhập khẩu:

- Đối với phương tiện vận tải (ô tô các loại, xe chuyên dùng, xe tải..) phải đáp ứng được yêu cầu về chất lượng của cơ quan đăng kiểm Việt nam về an toàn sinh mạng con người, tài sản và giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường.
- Đối với các loại hàng hóa khác: yêu cầu người bán/ nhà sản xuất cung cấp chứng nhận chất lượng hàng hóa. Trường hợp cần kiểm tra lại chất lượng Công ty yêu cầu Vinacontrol hoặc cơ quan giám định khác giám định lại.

#### ➤ Lĩnh vực sản xuất, chế biến hàng nông lâm hải sản:



**Quy trình kiểm tra sản phẩm:**

*Kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào trước khi nhập kho:*

- Chủng loại
- Số lượng được kiểm tra theo phiếu giao nhận hàng hóa của từng đợt giao hàng
- Một số mặt hàng như đường, dầu ăn, bột các loại theo tiêu chuẩn quy định của TCVN. Đối với mặt hàng lạc nhân (đậu phộng), Công ty lấy mẫu và phối hợp với Vinacontrol để kiểm định chất lượng nguyên liệu.

*Trong dây chuyền sản xuất:*

- Kiểm tra từng sản phẩm dở dang hoàn thành
- Liệt kê chi tiết từng khoản mục phí của từng giai đoạn

*Kiểm tra thành phẩm:*

- Kiểm tra tổng quát sản phẩm hoàn thành: chất lượng, quy cách
- Đóng gói thành phẩm: theo yêu cầu của từng loại sản phẩm
- Tiến hành lấy mẫu để kiểm định cho việc công bố chất lượng sản phẩm theo yêu cầu an toàn thực phẩm của Nhà nước quy định.
- Từng đợt xuất hàng Công ty đều phải thực hiện kiểm dịch thực vật theo đúng quy định của Nhà nước cũng như yêu cầu của nhà nhập khẩu.

➤ *Lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công trình kho:*

- Kiểm tra trước thi công: tiến hành bàn giao mặt bằng, khoan trắc địa để kiểm tra tính chất của đất cho việc xây dựng nền móng.
- Kiểm tra trong thi công: thường xuyên có cán bộ kỹ thuật tại công trường thực hiện việc kiểm tra giám sát cùng cán bộ giám sát do bên đầu tư thuê. Việc xuất, nhập nguyên vật liệu tại công trình sẽ được kiểm tra thường xuyên bởi kế toán công trình kết hợp với thủ kho công trình.
- Kiểm tra sau khi thi công: từng hạng mục thi công hoàn thành theo yêu cầu sẽ được tiến hành kiểm tra, nghiệm thu dưới sự chứng kiến của chủ đầu tư và bên thi công. Công trình hoàn thành được hưởng chế độ bảo hành miễn phí trong thời hạn 12 tháng hoặc dài hơn tùy theo giá trị công trình nhằm đảm bảo chất lượng cung cấp cho khách hàng là tốt nhất.

## 6.8. Hoạt động Marketing

### *Hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu:*

Mỗi Công ty đều xây dựng cho mình một thương hiệu riêng, nó là yếu tố xác định vị thế của Công ty trên thương trường. Thương hiệu mang một sứ mệnh quan trọng hàng đầu quyết định sự sống còn của Công ty. Nhận thức được điều này ngay từ buổi đầu khởi nghiệp, Công ty đã đầu tư xây dựng thương hiệu MACHINCO, củng cố và phát triển để vị trí của Công ty ngày một đứng vững trên thị trường.

Trong hoạt động nhập khẩu, mua bán máy móc thiết bị, Công ty chú trọng hoạt động marketing hướng theo khách hàng nhằm thỏa mãn những yêu cầu và mong muốn của khách hàng, trong đó phối hợp đan xen với nhau về nghiên cứu sản phẩm mới, tính năng mới, sản phẩm thay thế có cùng chức năng nhưng giá thành rẻ hơn để phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

### *Hoạt động quảng cáo, tiếp thị*

Công việc quảng cáo, tiếp thị được Công ty lập chương trình và lên ngân sách thực hiện ngay từ đầu năm. Công ty có bộ phận chuyên về thiết kế các mẫu biểu quảng cáo và theo dõi các thông tin về xúc tiến thương mại. Các hoạt động quảng cáo, tiếp thị của Công ty gồm:

- Quảng cáo thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo đài, truyền hình;
- Quảng bá logo Công ty ngay trên sản phẩm bao bì;
- Tổ chức các chương trình khuyến mãi hấp dẫn cho nhà phân phối, khách hàng kinh doanh sỉ;

### *Quan hệ cộng đồng và công tác xã hội từ thiện*

- Tích cực tham gia ủng hộ cho công tác Xóa đói giảm nghèo tại địa phương nơi trú đóng cũng như ở Bộ chủ quản.
- Cứu trợ đồng bào bị thiên tai: đóng góp kịp thời ngay sau khi các địa phương xảy ra bão, lũ lụt.
- Ủng hộ cho các Quỹ khuyến học; quỹ xóa đói giảm nghèo tại Thành phố cũng như địa phương nơi có dự án đầu tư

***Hệ thống phân phối***

Công ty tổ chức phân phối theo hình thức bán sỉ cho mặt hàng sản xuất kinh doanh của mình, riêng đối với hàng hóa nhập khẩu được mua theo yêu cầu đơn đặt hàng đã được thỏa thuận trước về quy cách, chủng loại.

Hiện nay, công nghệ thông tin với hệ thống mạng rộng khắp toàn cầu, cũng như những Công ty khác SAIGON MACHINCO đã bắt đầu xâm nhập vào kênh đặt hàng qua mạng nhanh chóng, tiện lợi cho khách hàng.

Sản phẩm xuất khẩu của Công ty được bán trực tiếp cho đối tác nước ngoài theo hợp đồng thương mại, không qua môi giới, trung gian nên giá cả rất cạnh tranh. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu sang các nước Mỹ, Cộng hòa liên bang Nga, ...

***Chính sách giá cả***

Giá bán là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Chính sách giá cả hợp lí, linh hoạt, cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn được Công ty hướng đến để tạo niềm tin cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm của Công ty.

Công ty áp dụng chính sách chiết khấu bán hàng theo thời gian thanh toán, giảm giá theo giá trị hàng bán và thời gian thanh toán.

**6.9. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

- Nhận hiệu đăng ký: **Công ty Cổ Phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn**

- Logo:



- Thời gian bảo hộ: 10 năm kể từ ngày 24.03.2008
- Nhận hiệu: MACHINCO
- Giấy phép số: 147326 theo Quyết định số 10607/QĐ-SHTT ngày 07.06.2010
- Cơ quan cấp: Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và Công nghệ

**6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:**

STT	Số hợp đồng	Tri giá (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	236/2009/SĐ505-TBPT.SG	115	Đang thực hiện	Xi măng, cát, đá..	Công ty CP Sông Đà 505
2	01/TBPTSG-HTP/2009	HĐ nguyên tắc	Đang thực hiện	Thép lá các loại	Công ty TNHH TM-DV Hiệp Thành Phúc
3	92/2009/HĐ	2,5	Đang thực hiện	Cung cấp vôi địa	Cty CP Dầu tư xây dựng dầu khí IDICO
4	01/TBPT-TTT	11	Đang thực hiện	Cung cấp cần cẩu	Công ty TNHH Thuận Thành Tâm
5	61/HĐKT-KD2	18	Đang thực hiện	Săm lốp chuyên dụng	Xi nghiệp TM & XD Hà Nội
6	06/HĐNT/2008	HĐ nguyên tắc	Đang thực hiện	Săm lốp chuyên dụng	Tổng Công ty Đông Bắc
7	245/2009/MAC-LILAMA45.1	26	Đang thực hiện	Xi măng, cát, đá	Công ty CP Lilama 45.1
8	0110-HĐKT/MC-ANP	HĐ nguyên tắc	Đang thực hiện	Vải địa kỹ thuật	Công ty CP An Nam Phát
9	01/TBPTSG-MP/2010	HĐ nguyên tắc	Đang thực hiện	Clinker	Công ty CP Hoá chất và VLXD Minh Phú
10	01/2010/ARME-MACHINCO	5,8	Đang thực hiện	Thiết bị y tế	Cty Dược và Trang thiết bị Y tế Quân đội

*(Nguồn: Số liệu Công ty)*

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất và quý 2 năm 2010

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2 năm 2010
Tổng giá trị tài sản	204.787	417.932	629.630
Doanh thu thuần	646.702	587.329	247.423
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.018	20.010	8.399
Lợi nhuận khác	176	(47)	9
Lợi nhuận trước thuế	13.194	19.964	8.408
Lợi nhuận sau thuế	11.619	18.075	6.306
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	15,5	15%	tạm ứng 6%

(Nguồn: BCTC năm 2008, 2009 và Quý 2 năm 2010)

### ***Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2009 và Quý 2 năm 2010:***

Doanh thu năm 2009 giảm 9% so với năm 2008, tuy nhiên lợi nhuận thuần của Công ty tăng cao đạt mức tăng 54% so với năm 2008 là do Công ty thực hiện tốt chính sách kiểm soát chi phí của mình, đồng thời năm 2009 dự án thủy điện Đakglun đã đi vào thi công xây dựng, một số chi phí khảo sát, thăm dò, nghiên cứu thị trường để thực hiện dự án đã được hạch toán hết trong năm 2008, cụ thể chi phí quản lý năm 2009 giảm hơn 26% so với năm 2008.

Giá trị tổng tài sản của Công ty năm 2009 tăng hơn gấp đôi so với năm 2008 và chỉ số (doanh thu thuần / tổng tài sản) năm 2008 là 3,16 giảm xuống còn 1,41 lần trong năm 2009 không phải do hiệu quả sử dụng vốn của Công ty không tốt mà nguyên nhân do Công ty đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đakglun và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư huyện Thanh Bình - Đồng Tháp để phân lô, bán nền.

Sáu tháng đầu năm 2010 nền kinh tế đã dần dần hồi phục, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ như tình hình kinh tế có dấu hiệu lạm phát làm cho các doanh nghiệp khó tiếp cận được các nguồn vốn vay ngân hàng, lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hóa đầu vào tăng cao ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty. Lợi nhuận từ nguồn khai thác đá chưa cao do chi phí ban đầu lớn (chi phí dọn dẹp mặt bằng, bóc đất đá tầng phủ...).

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2010 là 6.306 triệu đồng, bằng 27% kế hoạch đề ra năm 2010, giảm 29% so với cùng kỳ năm 2009. Nguyên nhân:

- Quý 1 là quý đầu năm, vướng gần 01 tháng nghỉ Tết dương lịch và âm lịch nên tình hình kinh doanh của Công ty chưa đi vào hoạt động bình thường. Các hợp đồng khung, hợp đồng nguyên tắc về cung cấp xi măng, cát, đá, vôi địa kỹ thuật, ... đều bắt đầu từ quý 2 trở đi.
- Chi phí cho giai đoạn đầu khai thác đá tại mỏ đá Đakglun (diện tích mỏ đá: 3,5 ha) khá cao, cụ thể:
  - Chi phí dọn dẹp mặt bằng, thi công đường vào mỏ, lắp đặt trạm biến áp và đường điện thi công...: khoảng 03 tỷ đồng, thời gian thi công: 01/9/2009 đến 30/01/2010.
  - Chi phí bóc đất đá tầng phủ sâu 2m, vận chuyển đổ thải: khoảng 1,5 tỷ đồng, thời gian thi công: 01/12/2009 đến 28/02/2010.
  - Quý 2/2010 do thiếu điện nên tình hình khai thác đá và thi công xây dựng của Công ty cũng bị ảnh hưởng: thời gian chạy máy và công suất khai thác đá chỉ đạt 50%. Công ty cũng đã khắc phục bằng việc trang bị thêm máy phát điện nhưng chi phí cao dẫn đến giá thành cao.
- Tình hình kinh doanh xuất nhập khẩu: do trong 06 tháng đầu năm 2010, Ngân hàng Nhà nước đã có 02 lần điều chỉnh tỷ giá vào tháng 02 và 08 nên cũng có một phần ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán và việc thanh toán nợ vay của Công ty. Tuy nhiên, Công ty cũng dự đoán được trước tình hình này nên đã ký hợp đồng mua USD trước với Ngân hàng để dự phòng. Vì vậy vẫn đảm bảo lượng ngoại tệ trong thanh toán hàng nhập khẩu và mức chênh lệch tỷ giá là không đáng kể.
- Năm 2010, Công ty hết thời gian miễn giảm thuế TNDN.

Công ty đã có uy tín và thương hiệu gần 35 trong lĩnh vực mà mình đang thực hiện, khách hàng truyền thống vẫn được duy trì và tiếp tục tìm tòi, phát triển thêm khách hàng mới. Công ty cũng đã phát triển thêm các mặt hàng mới: như Clinker, thiết bị gia dụng, linh kiện điện tử ... cùng với những đơn hàng và lợi thế sẵn có, thì kế hoạch đặt ra trong năm 2010 là trong tầm tay.

## **8. Vị trí của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành**

### **8.1. Vị thế của Công ty trong ngành:**

Với gần 35 năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp máy móc, thiết bị, phụ tùng vật tư các loại, thương hiệu Machinco đã giữ vững được vị thế trên thị trường do khả năng

cung cấp hàng hóa phù hợp yêu cầu của khách hàng cũng như chính sách giá cả hợp lý. Chất lượng hàng hóa cung cấp luôn luôn ổn định và được cung cấp bởi các nhà sản xuất có uy tín từ Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, các nước Châu Âu.....và trở thành đối tác tin cậy của khách hàng trong nước cũng như nhà cung cấp trong và ngoài nước.

Với uy tín của mình, Công ty đã được chọn là nhà phân phối cho Công ty ThaiMiltec (Thailand) về mặt hàng bắc thám đứng dùm trong lĩnh vực xây dựng giao thông cầu đường. Đồng thời cũng được chọn là nhà cung cấp cho nhiều dự án cấp quốc gia: điển hình là cung cấp xi măng cho các công trình thủy điện lớn như Buôn Kốp, Buôn Tuôsa – Đaklak.

Thương hiệu SAIGON MACHINCO trong ngành xây dựng đang từng bước tạo dựng niềm tin cũng như uy tín của khách hàng thông qua những công trình mà công ty đã thực hiện.

## **8.2. Những lợi thế cạnh tranh nổi bật của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành:**

- Thị trường tiêu thụ đã ổn định trong nhiều năm qua và đang mở rộng thêm thị trường tiêu thụ tiềm năng, đặc biệt là thị trường gỗ xuất khẩu;
- Đội ngũ nhân viên có trình độ năng lực chuyên môn, nhạy bén và năng động, có khả năng nắm bắt được nhu cầu và thị hiếu của khách hàng;
- Giá cả cạnh tranh, ý thức tốt trong tổ chức chăm sóc tốt khách hàng;
- Sản phẩm nhiều chủng loại, đa dạng về mẫu mã, khẩu vị, ... đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;
- Sản phẩm được nghiên cứu chuyên sâu trước khi sản xuất đưa vào sử dụng;
- Có tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe người lao động, xây dựng môi trường thân thiện và phát triển bền vững.
- Mạnh dạn mở rộng đầu tư sang lĩnh vực mới, cụ thể là dự án Nhà máy thủy điện Đakglun sẽ mang lại những lợi thế cho Saigon Machinco:
  - Thuế TNDN: được hưởng thuế suất ưu đãi 15%; Miễn thuế 04 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo tính từ khi có lãi.
  - Thuế xuất nhập khẩu: Được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị nhập khẩu cho Nhà máy.

- Giá thuê đất là 0.25%/năm trên đơn giá đất do UBND tỉnh Bình Phước ban hành; được miễn 15 năm tiền thuê đất.
- Tiền sử dụng đất: Được miễn theo quy định hiện hành
- Được vay với lãi suất ưu đãi: 6.9% năm
- Được hỗ trợ lãi suất 4% năm đối với khoản vay đã giải ngân năm 2009.
- Năm 2010 được hỗ trợ theo quy định 2% năm

### 8.3. Triển vọng phát triển của ngành:

Hiện nay và trong tương lai, Việt Nam đang tập trung rất nhiều cho việc công nghiệp hóa, phát triển sản xuất công nghiệp cũng như đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng do vậy nhu cầu về máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu dùng trong các lĩnh vực này là rất lớn.

Thị trường xuất khẩu gỗ sang Hồng Kông, Trung Quốc rất tiềm năng, dân số ngày một tăng nhanh, nhu cầu nhà ở cũng như đồ trang trí nội thất bằng gỗ cũng tăng theo. Hơn nữa, Trung Quốc là nước đông dân (hơn 1,3 tỷ người), bên cạnh những người có thu nhập cao, phần còn lại đa số là trung bình thấp, việc lựa chọn sản phẩm đồ gỗ có sẵn với giá cao trở nên không còn phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, thay vào đó là tự thiết kế theo sở thích và quy cách phù hợp với không gian nhà.

Đối với thị trường nội địa, xuất phát từ nhu cầu điện năng cung ứng cho nền kinh tế ngày càng cao và nguy cơ thiếu điện luôn tiềm ẩn trong các cảnh báo về việc tiết kiệm điện năng tiêu thụ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Ban Giám đốc Công ty bằng sự nhạy bén với thị trường đã rất quyết đoán trong việc lập dự án xây dựng nhà máy thủy điện Đakglun với công suất lắp máy 18MW, dự kiến cung cấp 75.810.000 KW điện/năm.

### 8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:

Đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh tạo ra giá trị gia tăng trên hàng hóa, sản phẩm, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển là phù hợp với định hướng chung của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới. Với phương châm sản xuất kinh doanh của Công ty là “Chung sức hợp tác, phát triển bền vững”, trong đó chất lượng dịch vụ hoàn hảo hướng đến lợi ích khách hàng được Công ty lưu tâm hàng đầu. SAIGON MACHINCO luôn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, càng đa dạng của người tiêu dùng trong nước cũng như ngoài nước và luôn sẵn sàng ở thế hội nhập vào nền kinh tế thế giới.



## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2009 là 105 người. Cơ cấu lao động phân theo trình độ được thể hiện dưới bảng sau:

Phân theo trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
- Cán bộ có trình độ đại học & trên đại học:	36	34,29%
- Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp:	23	21,90%
- Lao động có tay nghề:	36	34,29%
- Lao động phổ thông:	10	9,52%
<b>Tổng cộng:</b>	<b>105</b>	<b>100,00</b>

### 9.2. Chính sách đối với người lao động

Với chiến lược phát triển hiện nay, Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn xác định yếu tố “con người” sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của Công ty.

#### *Chính sách đối với người lao động*

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, thu nhập của người lao động ngày một được cải thiện. Ngoài thu nhập từ lương, người lao động còn có thêm thu nhập từ lợi nhuận được chia theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty nếu Công ty làm ăn có lãi.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với quy định của pháp luật.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.
- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển Công ty nhằm gia tăng về chất.

### *Chính sách đào tạo nguồn nhân lực*

Công ty đặt mục tiêu đầu tư đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, tri thức cao để đảm bảo sự phát triển của Công ty trong xu thế hội nhập. Một số hoạt động đào tạo Công ty đã và đang thực hiện:

- Tất cả lao động phổ thông khi tuyển dụng vào làm việc trên dây chuyền sản xuất đều được Công ty tổ chức đào tạo tay nghề từ 1 đến 3 tháng tùy theo công việc đảm nhận.
- Đối với lao động từ tổ trưởng cho đến nhân viên và cán bộ quản lý, hàng năm Công ty cử đi học các lớp bồi dưỡng ngắn hạn để nâng cao nghiệp vụ.
- Đối với tất cả lao động có nhu cầu tự học tập để nâng cao trình độ (đại học, cao đẳng,...) Công ty tạo điều kiện theo khả năng của Công ty.
- Đối với lao động thuộc diện quy hoạch cán bộ quản lý của Công ty, thì Công ty tạo điều kiện cử đi học và chịu toàn bộ chi phí trong quá trình học.

## **10. Chính sách cổ tức**

Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn vào Công ty.

Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp.
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm hoạt động và kế hoạch trong năm tới, tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức số cổ tức dự kiến.
- Cổ tức năm 2008 là 15,5%/mệnh giá tương đương 1.550 đồng/cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu), cổ tức năm 2009 là 15%/mệnh giá tương đương 1.500 đồng/cổ phiếu.

- Cổ tức năm 2010 theo kế hoạch là 15%/mệnh giá, 6 tháng đầu năm 2010 Công ty tạm ứng 6% cổ tức cho cổ đông và tiền cổ tức đã được chi trả cho cổ đông trong tháng 8/2010.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### Trích khấu hao tài sản cố định:

Công ty sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn của Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính ban hành về Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao TSCĐ của Công ty:

Danh mục	Năm
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	05-18
- Máy móc, thiết bị	04-09
- Phương tiện vận tải	03
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

#### Mức lương bình quân:

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2009 và 6 tháng đầu năm 2010 là: 6.000.000 đồng/người/tháng.

#### Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay.

#### Các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2009 và 30/06/2010

*DVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2009	30/06/2010
Thuế GTGT	512	496
Thuế xuất, nhập khẩu	401	138
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.694	3.087
Thuế thu nhập cá nhân	3	3
Các loại thuế khác	2	2
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.613</b>	<b>3.726</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009 và BCTC Quý 2 năm 2010)

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

Tình hình trích lập các quỹ tại Công ty năm 2008, 2009:

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Tỷ lệ/LN sau thuế	Năm 2009	Tỷ lệ/LN sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	2.504	21,55%	3.459	19,14%
Quỹ dự phòng tài chính	489	4,21%	1.895	10,48%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	415	3,57%	787	4,35%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009)

Tổng dư nợ vay

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2 năm 2010
Vay ngắn hạn	61.630	70.168	63.745
Vay dài hạn	0	82.498	260.600

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 2 năm 2010)

Ghi chú: khoản vay dài hạn trên BCTC Quý 2/2010 gồm 02 khoản:

- Vay Ngân hàng Phát triển Bình Phước để thực hiện xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Đakglun – Bình Phước: 180.000 triệu đồng.
- Phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2010: 80.600 triệu đồng

Nguồn trả lãi vay dài hạn của Công ty không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2010 và năm 2010 (nhất là chỉ tiêu EPS). Năm 2009 Công ty vay 82.498 triệu đồng, 6 tháng đầu năm 2009 vay dài hạn là 0 đồng, 6 tháng đầu năm 2010 vay dài hạn của Công ty là 260.600 triệu đồng. Khoản vay dài hạn chủ yếu phục vụ cho dự án Nhà máy thủy điện Đakglun (Quý 1 năm 2011 hoàn thành đi vào hoạt động) và các dự án khác. Tiền lãi vay của khoản nợ vay dài hạn này được hạch toán trực tiếp vào trong chi phí hình thành và xây dựng các Dự án, được trừ dần vào chi phí khi dự án đi vào hoạt động và có lãi, do vậy không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tình hình công nợ hiện nay:

**Các khoản phải thu:***DVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Quý 2 năm 2010	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu khách hàng	81.873	0	183.013	0	199.910	0
Trả trước cho người bán	17.716	0	105.812	0	78.845	0
Phải thu khác	3.163	0	2.996	0	12.791	0

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 2 năm 2010)***Các khoản phải trả:***DVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Quý 2 năm 2010	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải trả cho người bán	27.288	0	114.037	0	152.686	0
Người mua trả tiền trước	14.657	0	43.988	0	42.872	0
Phải trả công nhân viên	48	0	4	0	1	0
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.229	0	2.613	0	3.726	0
Các khoản phải trả khác	5.545	0	7.540	0	4.912	0

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 2 năm 2010)***11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2 năm 2010
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,65	1,58	1,64
TSLĐ / Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,11	1,33	1,37
TSLĐ – Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số nợ / Tổng tài sản	57,49%	77,87%	84,38%
+ Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	136,25%	355,49%	542,91%

<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho (lần)	9,14	8,83	3,35
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản (lần)	3,16	1,41	0,39
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1,80%	3,08%	2,55%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	13,45%	19,74%	6,44%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	5,67%	4,32%	1,00%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	2,01%	3,41%	3,39%

## 12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc:

### 12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

#### a) Chủ tịch HĐQT – Ông Nguyễn Đình Hiền:

Họ và tên:	<b>NGUYỄN ĐÌNH HIỀN</b>
Giới tính:	Nam
Ngày, tháng, năm sinh:	26/02/1962
Nơi sinh:	Hung Đông – TP. Vinh – Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	163/53-55 Đường Thành Thái – Phường 14 – Quận 10 – TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.38224065
Trình độ văn hóa:	12/12
Chuyên môn	Đại học Bách Khoa – Ngành hóa Công nghiệp
Quá trình công tác:	
- Từ 07/1986 – 11/1988:	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp đời sống Công ty Cao su Daklak.
- Từ 12/1988 – 12/1989:	Cán bộ kỹ thuật Xưởng sản xuất Công ty Cao su Daklak.
- Từ 01/1990 – 02/1992:	Phó Xưởng Trưởng Xưởng sản xuất Công ty Cao su Daklak.
- Từ 03/1992 – 04/1992:	Cán bộ tổng hợp – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 05/1992 – 11/1993:	Cửa hàng Phó Cửa hàng số 7 – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM

- Từ 12/1993 – 03/2001:	Cửa hàng Trường Cửa hàng số 7 – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 04/2001 – 01/2004:	Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh vật tư và Thiết bị Phụ tùng số 7 – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 02/2004 – 02/2005:	Phó Giám đốc Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM.
- Từ 03/2005 – nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Số cổ phần nắm giữ:	360.760 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương thưởng theo chính sách Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Chính sách đối với người lao động của Công ty
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ:	Bà Nguyễn Thị Sâm (chị) nắm giữ: 36.304 cổ phần

b) Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Hữu Hưng:

Họ và tên:	<b>NGUYỄN HỮU HƯNG</b>
Giới tính:	Nam
Ngày, tháng, năm sinh:	03/5/1953
Nơi sinh:	Tương Giang – Từ Sơn – Bắc Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú:	77/5B Quang Trung - Phường 10 – Quận Gò Vấp – TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.38222803
Trình độ văn hóa:	10/10
Chuyên môn	Đại học Bách Khoa – Ngành Ô tô-máy kéo, Khoa động lực
Quá trình công tác:	
- Từ 01/1973 – 10/1977:	Bộ đội sửa chữa pháo mặt đất E55 – F341
- Từ 06/1982 – 07/1985:	Đại học Bách khoa TP. HCM

- Từ 08/1985 – 08/1988:	- Tổ trưởng kỹ thuật kho thiết bị Thủ Đức - Trạm Phó Trạm tiếp nhận vận tải – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 09/1988 – 04/1992:	Phó Phòng Kế hoạch tổng hợp – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 05/1992 – 12/2000:	Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 01/2001 – 02/2005:	Phó Giám đốc Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 03/2005 – nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Số cổ phần nắm giữ:	24.224 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương thưởng theo chính sách Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Chính sách đối với người lao động của Công ty
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ:	Không

c) Thành viên HĐQT – Bà Lê Thị Phương Mai:

Họ và tên:	<b>LÊ THỊ PHƯƠNG MAI</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày, tháng, năm sinh:	05/01/1958
Nơi sinh:	Sơn Lộc – Can Lộc - Hà Tĩnh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	127/15 Hoàng Hoa Thám - Quận Tân Bình – TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.38295812
Trình độ văn hóa:	10/10
Chuyên môn	Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ 03/1978 – 10/1980:	Cán bộ cải tạo tư sản thương nghiệp các ĐV XN Bộ



	Tài chính
- Từ 11/1980 – 07/1985:	Kế toán Liên hiệp cung ứng vật tư Khu vực II
- Từ 08/1985 – 04/1991:	Kế toán viên – Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 05/1991 – 03/1998:	Phó Phòng Kế toán – Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 04/1998 – 02/2005:	Kế toán Trưởng – Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 03/2005 – nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Số cổ phần nắm giữ:	129.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương thưởng theo chính sách Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Chính sách đối với người lao động của Công ty
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	- Ông Trương Văn Trường (chồng) nắm giữ: 62.000 cổ phần - Lê Phúc Quý (em) nắm giữ: 141.360 cổ phần

d) Thành viên HĐQT – Ông Đào Xuân Quý:

Họ và tên:	<b>ĐÀO XUÂN QUÝ</b>
Giới tính:	Nam
Ngày, tháng, năm sinh:	25/02/1953
Nơi sinh:	Thọ An – Đan Phượng – Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	448 Nguyễn Tất Thành - Phường 18 - Quận 4 – TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.38223565
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp vật tư
Quá trình công tác:	

- Từ 08/1971 – 03/1976: Bộ đội – Thượng sỹ trợ lý Quân khu ĐĐ 587 – Quân khu 5
  - Từ 04/1976 – 07/1978: Chuyển ngành tiếp tục học Trung cấp vật tư
  - Từ 08/1978 – 05/1980: Cán bộ Phòng Tổ chức – Tổng Công ty Thiết bị, Bộ Vật tư
  - Từ 06/1980– 04/1985: Cán bộ nhân sự – Liên hiệp cung ứng vật tư KV I – Bộ Vật tư
  - Từ 05/1985 – 12/1989: Phó Phòng Tổ chức – Tổng Công ty Thiết bị – Bộ Vật tư
  - Từ 01/1990 – 10/1991: Cán bộ Phòng Tổ chức – Tổng Công ty Thiết bị Phụ tùng – Bộ Thương mại
  - Từ 11/1991 – 08/1992: Phó Phòng Tổ chức – Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
  - Từ 09/1992 – 12/1999: Cửa hàng Trưởng Cửa hàng 9 – Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. Hồ Chí Minh
  - Từ 01/2000 – 02/2005: Giám đốc Xí nghiệp sản xuất và kinh doanh vật tư – Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. Hồ Chí Minh
  - Từ 03/2005 – 10/2005: Trưởng Phòng Kinh doanh dịch vụ – Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
  - Từ 11/2005 – 03/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
  - Từ 04/2009 - nay Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Dakglun – Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc và Phụ trách Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Dakglun Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
- Số cổ phần nắm giữ: 69.916 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương thưởng theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Chính sách đối với người lao động của Công ty
- Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Bà Trần Thị On (vợ) nắm giữ: 74.400 cổ phần

e) Thành viên HĐQT – Ông Trần Đức Phú:

Họ và tên: **TRẦN ĐỨC PHÚ**  
Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh:	10/3/1965
Nơi sinh:	Phú Thọ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	18A Nam Quốc Cang – Phường Phạm Ngũ Lão – Quận 1 – TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.54042304
Trình độ văn hóa:	12/12
Chuyên môn	Đại học dệt Matxcova
Quá trình công tác:	
- Từ 01/1998 – 03/2000:	Cán bộ phụ trách kinh doanh Cửa hàng số 12 - Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 04/2000 – 02/2005:	Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất dịch vụ Tổng hợp – Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 03/2005 – 09/2005:	Trưởng Phòng Kinh doanh đầu tư – Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- Từ 10/2005 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác	- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Titan - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tư lự Bảo Lộc - Ủy viên Hội đồng quản trị Cty cổ phần xây dựng công trình giao thông 610
Số cổ phần nắm giữ:	496.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương thưởng theo chính sách Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Chính sách đối với người lao động của Công ty
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ:	- Bà Vũ Thị Diễm Ly (vợ) nắm giữ: 473.258 cổ phần  - Ông Trần Quang Vinh (em) nắm giữ: 88.412 cổ phần

**12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:****a) Trưởng Ban Kiểm soát – Bà Nguyễn Thanh Tâm**

Họ và tên:	<b>NGUYỄN THANH TÂM</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày, tháng, năm sinh:	06/10/1966
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú:	553/47A Nguyễn Kiệm - Phường 9 - Quận Phú Nhuận – TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.38220059
Trình độ văn hóa:	12/12
Chuyên môn	Đại học Tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ 01/1990 – 10/1992:	Kế toán – Phòng Kế toán, Công ty Thiết bị Phụ tùng TP.HCM
- Từ 11/1992 – 04/2000:	Kế toán Cửa hàng 07 – Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. Hồ Chí Minh
- Từ 05/2000 – 04/2001:	Cửa hàng Trưởng Cửa hàng 247 – Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. Hồ Chí Minh
- Từ 05/2001 – 04/2004:	Phó Giám đốc Xí nghiệp số 7 - Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 03/2004 – nay:	Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh vật tư và Thiết bị Phụ tùng - Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
Chức vụ công tác hiện nay:	Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh vật tư và Thiết bị Phụ tùng - Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Số cổ phần nắm giữ:	29.520 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương thưởng theo chính sách Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Chính sách đối với người lao động của Công ty

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Không

b) Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Hồ Văn Hiệp:

Họ và tên: **HỒ VĂN HIỆP**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày, tháng, năm sinh: 09/8/1969  
 Nơi sinh: TP. HCM  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: TP. HCM  
 Địa chỉ thường trú: 11 Đường 28 - Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân – TP. HCM  
 Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 08.62602578  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác:  
 - Từ 1991 – 1998: Phòng Kinh doanh – Cty gạch men Đồng Tâm  
 - Từ 08/1998 – 7/2003: Giám đốc Công ty Quảng Đăng  
 - Từ 08/2003 – nay: Giám đốc Cty TNHH SX TM Hiệp Thành Phúc  
 Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Cty TNHH SX TM Hiệp Thành Phúc  
 Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Phụ cấp Ban kiểm soát  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không  
 Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Cty TNHH SX TM Hiệp Thành Phúc (Giám đốc): 209.064 cổ phần

c) Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Phan Quang Thông:

Họ và tên: **PHAN QUANG THÔNG**  
 Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh:	17/02/1984
Nơi sinh:	Hàm Liêm – Hàm Thuận Bắc – Bình Thuận
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Thuận
Địa chỉ thường trú:	Hàm Thạnh – Hàm Thuận Nam – Bình Thuận
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.54042304
Trình độ văn hóa:	12/12
Chuyên môn	Đại học Khoa học Tự nhiên – Khoa Môi trường
Quá trình công tác:	
- Từ 4/2007 – nay:	Nhân viên Phòng Đầu tư – Công ty cổ phần Đầu tư TITAN (18A Nam Quốc Cang - Quận 1 – TP. HCM)
Chức vụ công tác hiện nay:	Nhân viên Phòng Đầu tư – Công ty cổ phần Đầu tư TITAN (18A Nam Quốc Cang - Quận 1 – TP. HCM)
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Phụ cấp Ban kiểm soát
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Phụ cấp Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ:	Không

### 12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

a) Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Đình Hiền:

Xem lý lịch phần a của Hội đồng quản trị.

b) Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Hữu Hưng

Xem lý lịch phần b của Hội đồng quản trị.

c) Phó Tổng Giám đốc – Bà Lê Thị Phương Mai

Xem lý lịch phần c của Hội đồng quản trị.

d) Phó Tổng Giám đốc – Ông Đào Xuân Quý

Xem lý lịch phần d của Hội đồng quản trị.

e) Phó Tổng Giám đốc – Ông Trần Đức Phú

Xem lý lịch phần e của Hội đồng quản trị.

f) Phó Tổng Giám đốc – Bà Phạm Thị Ngọc Anh:

Họ và tên:	<b>PHẠM THỊ NGỌC ANH</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày, tháng, năm sinh:	26/8/1958
Nơi sinh:	Hải Phòng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	TP. HCM
Địa chỉ thường trú:	107/7 Trương Định - Phường 6 - Quận 3 – TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.38231133
Trình độ văn hóa:	12/12
Chuyên môn	Đại học kinh tế quốc dân Kiev
Quá trình công tác:	
- Từ 01/1981 – 07/1985:	Nhân viên thống kê Phòng Kế hoạch – Liên hiệp Cung ứng vật tư Khu vực II
- Từ 08/1985 – 02/2001:	Nhân viên thống kê Phòng Kinh doanh - Cty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 03/2001 – 02/2005:	Phó Phòng Kinh doanh– Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 03/2005 – 12/2009:	Trưởng Phòng Kinh doanh đầu tư – Cty CP Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- Từ 01/2010 – nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn.
Số cổ phần nắm giữ:	37.200 cổ phiếu
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương thưởng theo chính sách Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Chính sách đối với người lao động của Công ty
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ:	Ông Phạm Bá Đạt (bố) nắm giữ: 24.800 cổ phần

g) Kế toán trưởng – Bà Lý Thị Hồng Vinh:

Họ và tên:	<b>LÝ THỊ HỒNG VINH</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày, tháng, năm sinh:	12/02/1956
Nơi sinh:	Bến Thủy – Vinh - Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	149X/B4 Tô Hiến Thành - Phường 13 - Quận 10 – TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.38222790
Trình độ văn hóa:	10/10
Chuyên môn	Trung cấp Kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ 04/1978 – 10/1980:	Cán bộ cải tạo tư sản thương nghiệp các ĐV XN – Bộ Tài chính
- Từ 11/1980 – 07/1985:	Kế toán Liên hiệp cung ứng vật tư Khu vực II
- Từ 08/1995 – 01/2001:	Kế toán – Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. HCM
- Từ 02/2001 – 02/2005:	Phó Phòng Kế toán – Công ty Thiết bị Phụ tùng TP.HCM
- Từ 03/2005 – 12/2005:	Phó Phòng Kế toán - Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
- Từ 01/2006 – nay:	Trưởng Phòng Kế toán – Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng Phòng Kế toán – Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn
Số cổ phần nắm giữ:	10.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không



Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương thưởng theo chính sách Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Chính sách đối với người lao động của Công ty
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ:	Bà Bùi Quỳnh Phương (con) nắm giữ: 22.000 cổ phần

### 13. Tài sản

Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Công ty thời điểm 31/12/2009

#### NHÀ XƯỞNG, VẬT KIẾN TRÚC, MMTB :

*DVT: triệu đồng*

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
<b>I</b>	<b>TSCĐ Hữu hình</b>	<b>17.784</b>	<b>6.574</b>	<b>36,97 %</b>
	Nhà cửa vật kiến trúc	12.408	3.721	29,99 %
	Máy móc thiết bị	1.448	481	33,22 %
	Phương tiện vận tải	3.658	2.315	63,29 %
	Thiết bị văn phòng	249	56	22,49 %
	TSCĐ khác	20	0	0 %
<b>II</b>	<b>TSCĐ Vô hình</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.784</b>	<b>6.574</b>	<b>36,97 %</b>

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 của Công ty)*

#### ĐẤT ĐAI

STT	Khoản mục	Địa chỉ	Diện tích M <sup>2</sup>	Thời hạn (năm)	Ghi chú
1	Văn phòng	8 Lê Duẩn, Q1, TP. HCM	1.816,51	hợp đồng khung	Thuê
2	Kho, xưởng SX	230A Kha Vạn Cân, Q. Thủ Đức, TP. HCM	29.256	50	Thuê
3	Kho, bãi	458 Nguyễn Tất Thành, Q4, TP.	2.637	hợp đồng khung	Thuê

		HCM			
4	Kho, bãi	449/4 Kinh Dương Vương, Q.6, TP. HCM	2.922	hợp đồng khung	Thuê

(Nguồn: Số liệu Công ty năm 2009)

Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Công ty thời điểm 30/06/2010

**NHÀ XƯỞNG, VẬT KIẾN TRÚC, MMTB :**

*DVT: triệu đồng*

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
<b>I</b>	<b>TSCĐ Hữu hình</b>	<b>19.372</b>	<b>7.361</b>	<b>38,00 %</b>
	Nhà cửa vật kiến trúc	12.434	3.346	26,91 %
	Máy móc thiết bị	2.990	1.962	65,62 %
	Phương tiện vận tải	3.658	2.003	54,76 %
	Thiết bị văn phòng	270	50	18,52 %
	TSCĐ khác	20	0	0 %
<b>II</b>	<b>TSCĐ Vô hình</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.372</b>	<b>7.361</b>	<b>38,00 %</b>

(Nguồn: Số liệu Công ty Quý 2/2010)

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức**

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011	
	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2009	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2010
Doanh thu thuần	680.000	15,78 %	790.000	16,18%
Lợi nhuận sau thuế	23.750	31,40%	35.250	48,42%
LN sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	3,5	0,42%	4,46	0,96%
LN sau thuế/ Vốn CSH (%)	20,25	0,51%	21,30	1,05%
Tỷ lệ cổ tức (%)	15	0%	16	1%

(Nguồn: Số liệu Công ty)

**Khả năng thực hiện:**

- Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 doanh thu thuần của Công ty là 587 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế trên 18 tỷ đồng.
- Năm 2010 dự kiến doanh thu thuần tăng 16% so với năm 2009 do các nguồn thu từ:
  - Dự án khai thác mỏ đá vật liệu tại khu vực đất dự án Thủy điện Đăk Glun cho trữ lượng khoảng 800.000 m<sup>3</sup> / năm, với mức giá bình quân dao động trong mức 170.000 – 175.000 đồng / m<sup>3</sup> đá thì doanh thu đạt khoảng 140 tỷ đồng/năm, dự kiến sản lượng khai thác trong vòng 3 năm.
  - Dự án Khu dân cư tại Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp, diện tích 4 ha (trong đó diện tích đất thổ cư là 12.006 m<sup>2</sup>), giá mua quyền sử dụng đất trúng thầu là 2.200.000 đồng/m<sup>2</sup>. Công ty đã xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng quy hoạch được 153 nền nhà ; Hiện nay đã và đang giao dịch, giá đất hiện tại bình quân 4.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.
  - Doanh thu kinh doanh thương mại – dịch vụ dự kiến tăng 15-20%.
- Năm 2011 Saigon Machinco dự kiến mức doanh thu tăng 16% so với năm 2010, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần khoảng 4%-5% và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu khoảng 21%.
- Số liệu kế hoạch được Saigon Machinco lập trên cơ sở thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty và dự kiến nguồn thu mang lại từ những dự án đưa vào khai thác.
- Bên cạnh đó, Công ty đang tập trung mọi nguồn lực, lợi thế để đầu tư các dự án: Khu dân cư Huyện Thanh Bình Đồng Tháp; Chung cư 230 A Kha Vạn Cân Thủ Đức; Trung tâm thương mại - Văn phòng - Khách sạn 458 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TPHCM; Trung tâm Thương mại - Dịch vụ - khách sạn Quốc tế năm sao tại địa chỉ số 8-12 Lê Duẩn, Quận 1, TPHCM; Trung tâm thương mại và khu dân cư tại 230A Kha Vạn Cân, Thủ Đức nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng phát triển bền vững.

**Cơ sở đạt được kế hoạch dự kiến:**

- Yếu tố khách quan: từ kết quả theo dõi, cập nhật, tổng hợp và phân tích thông tin về diễn biến của thị trường Công ty đưa ra nhận định: từ Quý II/2010, tình hình

kinh tế đã dần tăng trưởng, lãi suất ngân hàng, tỷ giá ngoại tệ, giá cả đầu vào ổn định sẽ tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- Yếu tố chủ quan: từ báo cáo hoạt động kinh doanh thực tại Công ty:
  - Dự án khai thác đá của Công ty tại mỏ đá Đakglun – Bình Phước đã đi vào ổn định, sản lượng sản xuất không ngừng tăng lên, cho lợi nhuận gộp khoảng hơn 1,2 tỷ đồng/tháng. Các hợp đồng cung ứng đá xây dựng cho Công ty Cổ phần Sông Đà 505, Cty Lilama 45.1 đã được thực hiện, cụ thể:
    - Sản lượng: khoảng 15.000 – 20.000 m<sup>3</sup>/tháng
    - Giá vốn bình quân: 100.000 – 110.000 đồng/m<sup>3</sup>
    - Giá bán bình quân: 180.000 – 190.000 đồng/m<sup>3</sup>
  - Dự án khu dân cư tại thị trấn Thanh Bình - Tỉnh Đồng Tháp đã bắt đầu khai thác, các hợp đồng chuyển nhượng nền đang được triển khai đúng kế hoạch mang lại lợi nhuận cho Công ty, cụ thể:
    - Số lượng nền nhà: 153 nền (15.000m<sup>2</sup>)
    - Giá vốn: 2.200.000 – 2.500.000 đồng/m<sup>2</sup>
    - Giá bán: 4.000.000 đồng/m<sup>2</sup>

#### **Định hướng đầu tư của Công ty từ năm 2009 – 2015:**

- **Dự án xây dựng nhà máy thủy điện Đakglun:**



- Vị trí dự án: Xã Bù Gia Mập – Huyện Phước Long và Xã ĐakNhau – Huyện Bù Đăng – Tỉnh Bình Phước.

- Văn bản pháp lý liên quan:
  - Công văn số 6225/CV/EVN – TĐ của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam ngày 22/11/2007 về việc thỏa thuận phương án đầu nối nhà máy thủy điện Đakglun vào hệ thống điện Quốc gia.
  - Giấy chứng nhận đầu tư số 44121000017 do UBND Tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/02/2008.
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 2519/ QĐ-UBND tỉnh Bình Phước ngày 03/6/2009 về việc giao đất, cho thuê và cấp GCNQSD đất cho Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài gòn để xây dựng công trình thủy điện Đakglun.
- Tổng mức đầu tư dự kiến theo đơn giá quý II/2009: 540 tỷ đồng, trong đó NH Phát Triển Bình Phước cho vay 300 tỷ đồng.
- Diện tích đất sử dụng: 3.936.467 m<sup>2</sup>, trong đó đất giao: 3.040.738 m<sup>2</sup>; đất thuê 50 năm: 895.739 m<sup>2</sup>.
- Công suất lắp máy: 18 MW
- Thời gian thực hiện:
  - Giai đoạn 1: chuẩn bị đầu tư từ 2005-2008
  - Giai đoạn 2: thi công nhà máy tháng 8/2009 – quý 4/2010
- Dự kiến thời gian đi vào hoạt động: Quý I/2011
- Thời gian vận hành khai thác: 50 năm
- Sản lượng điện dự kiến: 75.810.000 KW/năm
- Doanh thu dự kiến / năm: 64tỷ đồng/năm
- **Dự án xây dựng trung tâm thương mại - dịch vụ - khách sạn quốc tế:**



- Vị trí dự án: Số 458 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, quận 4, TP Hồ Chí Minh. Cách trung tâm Quận 1 là 4 km, sát Cảng du lịch Sài Gòn, gần trung tâm quận 2, quận 7. Giao thông thuận lợi.
- Diện tích xây dựng: 4.798 m<sup>2</sup>
- Văn bản pháp lý liên quan: quy hoạch chi tiết 1/500
- Diện tích xây dựng: 4798 m<sup>2</sup> (mặt đường Nguyễn Tất Thành dài 47m, hai bên là đường dự kiến mở rộng 20m và 8m, phía sau là đường dự kiến mở rộng 8m).
- Kiến trúc – Xây dựng – Quy hoạch: tòa nhà được xây dựng 2 tầng hầm và 30 tầng nổi. Mật độ xây dựng 40%. Hệ số sử dụng: 9. Sản phẩm của dự án:
  - Tầng hầm: hai tầng hầm làm bãi đậu xe diện tích 9.200 m<sup>2</sup>.
  - Tổng diện tích sàn xây dựng ( không kể tầng hầm): 54.485 m<sup>2</sup>
  - Đã được Thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
- Tổng mức đầu tư: khoảng 50 triệu USD, tương đương 900 tỷ Việt nam đồng.
- Hình thức đầu tư: liên doanh, góp vốn đầu tư.
- Tiến độ đầu tư: được triển khai như sau
  - Từ tháng 12/2007 đến tháng 12/2009: thực hiện các thủ tục pháp lý, quyết định đầu tư dự án và các công tác chuẩn bị đầu tư khác; Lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở.
  - Từ tháng 01/2010 đến tháng 9/2010: thiết kế kỹ thuật thi công; thẩm định thiết kế kỹ thuật, đấu thầu thi công.
  - Từ tháng 10/2010 đến tháng 6/2012: Tổ chức thi công - xây lắp

- Tháng 7/2012: tổ chức khai thác kinh doanh; ổn định tổ chức khai thác để hoàn vốn cho dự án; tổng quyết toán, bàn giao.
- Doanh thu dự kiến năm: 344 tỷ đồng
- **Dự án xây dựng chung cư SAIGON MACHINCO:**



- Vị trí dự án: 230A Kha Vạn Cân, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TPHCM.
- Quy mô công trình:
  - Quy mô tầng cao: 16 tầng (15 tầng nổi và 1 tầng hầm).
  - Tổng diện tích sàn xây dựng: 11.138 m<sup>2</sup>
  - Tổng số căn hộ: 120 căn, có 4 loại căn hộ: 51m<sup>2</sup>, 87,2m<sup>2</sup>, 83 m<sup>2</sup> và 91m<sup>2</sup>  
Trong đó, tầng 1 và tầng hầm thuộc quyền sở hữu và khai thác của Công ty.
- Văn bản pháp lý liên quan: đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ pháp lý
- Tổng vốn đầu tư: 60tỷ
- Thời gian thực hiện:
  - Thiết kế kỹ thuật và thẩm định thiết kế kỹ thuật: quý III & IV/2010
  - Thi công: quý I/2011 đến 2012
- Dự kiến thời gian đi vào hoạt động: 2012
- Nguồn khách hàng dự kiến: bán cho cổ đông của công ty
- Doanh thu dự kiến: 75 tỷ
- **Dự án xây dựng khu dân cư huyện Thanh Bình – Đồng Tháp:**



- Địa điểm đầu tư: Huyện Thanh Bình – Tỉnh Đồng Tháp
- Tổng diện tích xây dựng: 40.000 m<sup>2</sup>
- Sản phẩm: 153 nền đất
- Tổng mức đầu tư: 25,5 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của Công ty.
- Tiến độ thực hiện: đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng; đã và đang giao dịch bán.
- **Dự án Trung tâm Thương mại – Dịch vụ – Khách sạn Quốc tế năm sao:**
  - Địa điểm: Số 8 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận I, TPHCM
  - Diện tích xây dựng: 4.500 m<sup>2</sup>
  - Tiến độ xây dựng:
    - Văn bản số 5206/UBND – ĐTMT ngày 06/10/2009 và Văn bản số 933/TB-VP ngày 30/12/2009 đồng ý cho Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn và 3 công ty thuộc Bộ Công Thương và Công ty Quản lý nhà Thành Phố được đầu tư dự án tại số 8- 12 Lê Duẩn, Quận I.
    - Dự kiến Quý II/2010 sẽ thành lập Công ty cổ phần và tiến hành các thủ tục đầu tư.
- **Dự án Trung tâm Thương mại và khu dân cư:**
  - Địa điểm đầu tư: số 230 A Kha Vạn Cân; Thủ Đức
  - Diện tích xây dựng: 23.256 m<sup>2</sup>
  - Công ty dự kiến sẽ chuyển đổi công năng từ tổng kho sang khu dân cư và trung tâm thương mại.
  - Hình thức đầu tư: liên doanh



## 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn cùng với việc phân tích thị trường trong nước và thế giới. Công ty Chứng khoán Đầu tư cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của MACHINCO dự kiến trong giai đoạn năm 2010 và 2011 là có thể đạt được nếu không chịu những ảnh hưởng của những sự kiện bất khả kháng.

Chúng tôi lưu ý rằng nhận xét trên của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

## 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi năm 2010 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 27/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2010. Phương án phát hành cụ thể:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi MACHINCO 2010
- Đơn vị tiền tệ của trái phiếu: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu (một trăm nghìn đồng/trái phiếu)
- Khối lượng trái phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 806.000 trái phiếu
- Giá phát hành: 100.000 đồng/trái phiếu
- Kỳ hạn trái phiếu: 01 năm
- Ngày hoàn tất đợt phát hành: 30/06/2010
- Ngày chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: 30/06/2011
- Loại trái phiếu phát hành: Trái phiếu chuyển đổi không có đảm bảo.
- Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi sổ
- Lãi suất trái phiếu phát hành: 16%/năm/mệnh giá
- Phương thức thanh toán lãi trái phiếu:

Tiền lãi của trái phiếu không được tính để chuyển đổi thành cổ phiếu và được Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn chi trả cho người sở hữu trái phiếu bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại thời điểm trái phiếu được chuyển thành cổ phiếu.

- Sử dụng tiền thu được: Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng vào việc:
  - a) Bổ sung vốn để thực hiện các dự án của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn: Nhà máy thủy điện Dakglun – Bình Phước; Trung tâm thương mại dịch vụ – Khách sạn 5 sao số 458 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM; Chung cư Sài Gòn Machinco số 230 A Kha Vạn Cân, Quận Thủ Đức, TP. HCM theo đúng tiến độ và đảm bảo hiệu quả của các dự án.

- b) Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ của Công ty.
- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (một trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng.)
  - Phương thức phát hành: phát hành riêng lẻ theo Nghị định số 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
  - Nguồn thanh toán lãi trái phiếu: thu nhập từ dự án Nhà máy thủy điện Dakglun – Bình Phước và từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết**

Công ty hiện không có các tranh chấp, kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết.

## PHẦN V – CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

### 3. Tổng số chứng khoán đăng ký niêm yết:

Tổng số chứng khoán đăng ký niêm yết là 8.060.000 cổ phiếu, trong đó tổng số cổ phiếu cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng là:

- Hội đồng quản trị: 1.079.900 cổ phiếu
- Ban Giám đốc: 37.200 cổ phiếu
- Ban kiểm soát: 29.520 cổ phiếu
- Kế toán trưởng: 10.000 cổ phiếu

### 4. Giá dự kiến niêm yết:

Giá niêm yết dự kiến là 16.200 đồng / cổ phiếu

### 5. Phương pháp tính giá

Giá khởi điểm của cổ phiếu Công ty được xác định là giá trung bình các kết quả tính được từ 02 phương pháp giá trị sổ sách (P/B) và phương pháp P/E.

#### 5.1. Phương pháp giá trị sổ sách (P/B):

Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu khi niêm yết lần đầu được tính bằng:

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu (ngày 31/12/2009)}}{\text{Tổng số cổ phiếu của công ty}} = \frac{91.553.281.712}{8.060.000} = 11.359 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

#### 5.2. Phương pháp P/E:

Phương pháp P/E được tính dựa vào P/E bình quân của các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 06/09/2010.

Hệ số P/E bình quân 50 tổ chức niêm yết có Market Cap lớn nhất trên thị trường thời điểm 06/09/2010 là: 13,49 (số liệu bản tin thị trường chứng khoán ngày 07/09/2010).

Hệ số P/E bình quân điều chỉnh hợp lý:  $70\% \times 13,49 = 9,4$

Theo số liệu Báo cáo kiểm toán năm 2009, EPS của Công ty là 2.243 đồng / cổ phiếu.

Giá cổ phiếu Công ty được tính theo phương pháp P/E như sau:

$$P = \text{EPS} \times \text{P/E trung bình} = 2.243 \times 9,4 = 21.084$$

5.3. Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty CP Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn:

Giá hợp lý của cổ phiếu Công ty được tính bình quân từ 02 phương pháp trên, cụ thể:

Phương pháp	Giá cổ phiếu (đồng)	Tỷ trọng	Bình quân
Phương pháp P/B	11.359	50%	5.680
Phương pháp P/E	21.084	50%	10.542
<b>Giá bình quân</b>			<b>16.222</b>

Như vậy giá tham chiếu cổ phiếu của Công ty ngày đầu tiên giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM được làm tròn là: 16.200 đồng / cổ phiếu. Tuy nhiên, Machinco sẽ thông báo chính thức giá niêm yết trước thời điểm đưa cổ phiếu Machinco vào giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

*Ghi chú: kết quả xác định giá trên chỉ mang tính tham khảo.*

## 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu niêm yết của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành (hiện nay là 49%).

Cổ đông là người nước ngoài tại Công ty đến thời điểm 08/05/2010 là 01 cổ đông nắm giữ 62.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,77% vốn điều lệ.

## 7. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Thuế xuất nhập khẩu:

- Theo Biểu thuế xuất nhập khẩu của Bộ Công thương ban hành cũng như các Nghị định của Chính Phủ, Thông tư của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện.
- Về thuế GTGT:
  - Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2008 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2009;
  - Nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế VAT;
  - Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.
- Về thuế TNDN:
  - Trong 02 năm đầu cổ phần hóa (2005 và 2006) Công ty được miễn giảm 100% thuế thu nhập doanh nghiệp theo điểm 1.2 mục III phần E thông tư số: 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003.
  - Trong 03 năm tiếp theo (2007, 2008 và 2009) Công ty được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo điểm 1.2 mục III phần E thông tư số: 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003.
  - Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2009 với thuế suất chung áp dụng cho các doanh nghiệp là 25%, thay cho mức 28% trước đó;
  - Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế TNDN;
  - Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập cá nhân:
  - Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2009;
  - Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN;

- Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNCN và hướng dẫn thi hành Nghị định 100/2008/NĐ-CP.

Khi cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ chịu sự chi phối của Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập cá nhân, và các quy định hiện hành trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính, UBCKNN và SGDCK.

## PHẦN VI – CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

### 1. Tổ chức tư vấn:

**Cty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)**

*Website:* [www.bsc.com.vn](http://www.bsc.com.vn)

*Email:* [service@bsc.com.vn](mailto:service@bsc.com.vn)

*Trụ sở:* Tầng 10, toà nhà VINCOM A, 191 Bà Triệu, Hà Nội

*Điện thoại:* (04) 222 00 672

*Fax:* (04) 222 00 669

**Chi nhánh BSC tại Tp. Hồ Chí Minh**

*Địa chỉ:* Lầu 9 – 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

*Điện thoại:* (08) 3 8 21 88 83 / 86

*Fax:* (08) 3 8 21 85 10

### 2. Tổ chức kiểm toán:

**Công ty kiểm toán và dịch vụ tin học (AISC)**

*Địa chỉ:* 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

*Điện thoại:* (08) 3 9 30 51 63

*Fax:* (08) 3 9 30 42 81

**PHẦN VII – PHỤ LỤC**

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Phụ lục II: Điều lệ Công ty.

Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.

Phụ lục IV: Các báo cáo tài chính kiểm toán 2008, 2009 và BCTC quý 2/2010.

Phụ lục V: Các tài liệu khác.

TPHCM, ngày 01 tháng 03 năm 2010

<p><b>CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ</b></p> <p><b>GIÁM ĐỐC CN TP. HCM</b> <i>Sân</i></p> 	<p><b>TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p><b>CHỦ TỊCH</b></p> 
<p><b>NGUYỄN QUỐC TÍN</b></p>	<p><b>NGUYỄN ĐÌNH HIẾN</b></p>
<p><b>TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</b></p> 	<p><b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b></p> 
<p><b>NGUYỄN THANH TÂM</b></p>	<p><b>LÝ THỊ HỒNG VINH</b></p>



BỘ CÔNG THƯƠNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN

-----000-----



PHỤ LỤC I  
**GIẤY ĐĂNG KÝ KINH  
DOANH**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ THUẾ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số: **0300542187**

*Đăng ký lần đầu, ngày 01 tháng 03 năm 2005, Số ĐKKD: 4103003152  
Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 01 tháng 06 năm 2010*

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ  
TÙNG SÀI GÒN**  
(Được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà  
nước: Công ty Thiết bị phụ tùng thành phố  
Hồ Chí Minh, số ĐKKD: 102779 do Trọng  
tài Kinh tế cấp ngày: 15/06/1993)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON MACHINERY SPARE PARTS JOINT  
STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MACHINCO

2. Địa chỉ trụ sở chính: **8 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1**

Điện thoại: **08.8224065**

Fax: **08.8225382**

Email: **kddt@saigonmachinco.com.vn** Website: **www.saigonmachinco.com.vn**

3. Ngành, nghề kinh doanh: *Mua bán máy các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, thiết bị bù chính viễn thông, nguyên liệu vật tư cho sản xuất, hàng công nghiệp, hàng tiêu dùng: điện tử-phân bón-kim loại màu-hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ tùng, linh kiện đồng bộ phục vụ sản xuất và phục vụ bảo dưỡng-sửa chữa, vật liệu xây dựng, sản phẩm từ composite, hàng điện lạnh, nông-lâm-hải sản, đồ gỗ, hàng may mặc. Kinh doanh nhà hàng và lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ giao nhận hàng hóa, môi giới vận tải. Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê nhà xưởng, kho, bãi, văn phòng, máy móc thiết bị. Mua bán ô tô, xe máy, tàu thủy, thiết bị đồng bộ phục vụ công nghiệp, vật liệu xây dựng. San lấp mặt bằng. Tháo dỡ công trình. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, thiết kế quy hoạch, giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý vận tải đường biển. Đại lý bán vé máy bay-ô tô-tàu hỏa. Chế biến nông-lâm-hải sản, sản xuất hàng may mặc (không chế biến, sản xuất tại trụ sở). Mua bán vật tư, trang thiết bị y tế. Kinh doanh nhà ở. Mua bán mỹ phẩm. Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê. Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, khu du lịch. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất đá mài, đá cắt (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và sản*



*Quell*

phẩm bằng kim loại (không sản xuất tại trụ sở). Bổ sung: Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây cao su. Trồng cây cà phê. Khai thác đá (không hoạt động tại trụ sở). Khai thác cát, sỏi (không hoạt động tại trụ sở). Khai thác đất sét (không hoạt động tại trụ sở). Bổ sung: Kinh doanh bất động sản.

**(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng những quy định của pháp luật)**

4. Vốn điều lệ : **80.600.000.000 đ (Tám mươi tỷ sáu trăm triệu đồng).**

5. Vốn pháp định:

6. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số Giấy chứng minh nhân dân / Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
1	Trần Đức Phú	18A Nam Quốc Cang, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1		124.380	12.438.000	15,43	021773414
2	Đại diện vốn nhà nước : Nguyễn Đình Hiền	575/B3/5-6 Nguyễn Tri Phương, Phường 14, Quận 10		33.000	3.300.000	4,09	023751977
3	Lê Thị Phương Mai	1D-268 Bis Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10		18.000	1.800.000	2,23	022597431
4	Đào Xuân Quý	Phòng 6, số 448 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4		17.090	1.709.000	2,12	011753795
5	Nguyễn Hữu Hưng	77/5B Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp		7.260	726.000	0,90	020137889
6	Và 171 cổ đông khác			450.270	45.027.000	55,86	

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Họ và tên : **NGUYỄN ĐÌNH HIÊN**

(Nam)

Sinh ngày: *26/2/1962*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số chứng minh nhân dân số : *023751977*

Ngày cấp : *19/11/1999*

Nơi cấp : *Công an Thành phố Hồ Chí Minh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : *575/B3/5-6 Nguyễn Tri Phương, Phường 14, Quận 10*

Chỗ ở hiện tại : *575/B3/5-6 Nguyễn Tri Phương, Phường 14, Quận 10*

Chữ ký:



**TRƯỜNG PHÒNG**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**Phó Trưởng Phòng**



**Lâm Thị Thu Cúc**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**

-----\*\*\*-----



**PHỤ LỤC II  
ĐIỀU LỆ**

TP. HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**  
-----\*\*\*-----



**ĐIỀU LỆ**

**TP. HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2010**

# MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	6
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu.....	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác. ....	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	13
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	23
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	24
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	27
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Điều 29. Cán bộ quản lý.....	27
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành.....	27
Điều 31. Thư ký Công ty.....	29

IX.	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ .....	29
	Điều 32. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý .....	29
	Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	29
	Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	31
X.	BAN KIỂM SOÁT .....	31
	Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát .....	31
	Điều 36. Ban kiểm soát .....	32
XI.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....	33
	Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	33
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....	34
	Điều 38. Công nhân viên và công đoàn .....	34
XIII.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN .....	34
	Điều 39. Cổ tức .....	34
	Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận .....	35
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN .....	35
	Điều 41. Tài khoản ngân hàng .....	35
	Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ .....	35
	Điều 43. Năm tài khóa .....	35
	Điều 44. Hệ thống kế toán .....	36
XV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....	36
	Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý .....	36
	Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng .....	36
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY .....	37
	Điều 47. Kiểm toán .....	37
XVII.	CON DẤU .....	37
	Điều 48. Con dấu .....	37
XVIII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....	37
	Điều 49. Chấm dứt hoạt động .....	37
	Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông .....	38
	Điều 51. Gia hạn hoạt động .....	38
	Điều 52. Thanh lý .....	38
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....	39
	Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	39
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....	39
	Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	39
XXI.	NGÀY HIỆU LỰC .....	40
	Điều 55. Ngày hiệu lực .....	40
	Điều 56. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./ .....	40



## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được cổ đông của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 03 năm 2010.

### **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. Định nghĩa**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.

g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

h. "Phiếu biểu quyết": là một cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

### **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN
- Tên tiếng Anh: Sai Gon Machinery Spare Parts Joint Stock Company

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN
- Tên viết tắt: SAIGON MACHINCO

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 8 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (08) 3 8 22 40 65 / 3 8 29 58 12
- Fax: (08) 3 8 22 53 82
- E-mail: [machinco@hcm.vnn.vn](mailto:machinco@hcm.vnn.vn)
- Website: [www.saigonmachinco.com.vn](http://www.saigonmachinco.com.vn)

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49.2 và Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán máy các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, thiết bị buru chính viển thông, nguyên liệu vật tư cho sản xuất, hàng công nghiệp, hàng tiêu dùng; điện tử - phân bón – kim loại màu – hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ tùng, linh kiện đồng bộ phục vụ cho sản xuất và phục vụ bảo dưỡng - sửa chữa, vật liệu xây dựng, sản phẩm từ composite, hàng điện lạnh, nông-lâm-hải sản, đồ gỗ, hàng may mặc. Mua bán ô tô, xe máy, tàu thủy, thiết bị đồng bộ phục vụ công nghiệp, vật liệu xây dựng. Mua bán vật tư, trang thiết bị y tế. Mua bán mỹ phẩm. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở).

- Kinh doanh nhà hàng và lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Kinh doanh nhà ở. Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê. Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, khu du lịch.

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, môi giới vận tải. Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê nhà xưởng, kho, bãi, văn phòng, máy móc thiết bị. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

- San lấp mặt bằng. Tháo dỡ công trình. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi.

- Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, thiết kế quy hoạch, giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán).

- Đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý vận tải đường. Đại lý bán vé máy bay ô tô tàu hỏa.

- Chế biến nông-lâm-hải sản, sản xuất hàng may mặc (không chế biến sản xuất tại trụ sở)... Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và sản phẩm bằng kim loại (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất đá mài, đá cắt (không hoạt động tại trụ sở).

- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây cao su. Trồng cây cà phê.

- Khai thác đá (không hoạt động tại trụ sở). Khai thác cát, sỏi (không hoạt động tại trụ sở). Khai thác đất sét (Không hoạt động tại trụ sở).

*\* Ngành nghề kinh doanh và mặt hàng kinh doanh của Công ty có thể được thay đổi và bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Công ty có thể tiến hành kinh doanh bất kỳ hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.*

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Công ty cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn được thành lập nhằm chuyển đổi sở hữu từ sở hữu Nhà nước sang sở hữu cổ đông trong Công ty cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp. Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, khai thác mọi tiềm năng, tăng cường sản xuất kinh doanh và dịch vụ để thu lợi nhuận tối đa. Nâng cao lợi tức cho các cổ đông, tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ tạo nhiều việc làm cho người lao động, góp phần phát triển địa phương, đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước.

## **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

## **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 80.600.000.000 VND (Tám mươi tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.060.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu

cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

### **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

### **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất không kỳ hạn của Ngân hàng tại thời điểm phát sinh) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng Giám đốc điều hành;
- d. Ban kiểm soát.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
- b. Nhận cổ tức;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:**

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2 và Điều 35.2;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.



Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 15. Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông

tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

### **Điều 18. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các

cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

### **Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu biểu quyết cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ

toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc đề đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

13. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

### **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ

thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm thành viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu thành viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy thành viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám thành viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

### **Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
  - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
  - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
  - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
  - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
  - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
- j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ

trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

### **Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu biểu quyết cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu biểu quyết cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

#### 9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 33.4a và Điều 33.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó

tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY**

### **Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành, một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc điều hành và Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

### **Điều 29. Cán bộ quản lý**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.

### **Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành**

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo



trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng Giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính **năm năm**.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

### **Điều 31. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

### **Điều 32. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ

chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu biểu quyết của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

## **Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **X. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời

hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm thành viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu thành viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy thành viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám thành viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

### **Điều 36. Ban kiểm soát**

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ theo ĐHCĐ quyết định. Mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.2 và Điều 35.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 38. Công nhân viên và công đoàn**

Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

### **Điều 39. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

#### **Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 41. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

#### **Điều 43. Năm tài khóa**

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.



## **Điều 44. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

### **Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho

cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 47. Kiểm toán**

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 48. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 49. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông**

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

#### **Điều 51. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 52. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;

- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì

những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 55. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 27 tháng 03 năm 2010 tại Số 08 Lê Duẩn – P. Bến Nghé - Quận 1 – TP. HCM và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương (nếu có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có liên quan);

b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố (nếu có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có liên quan);

c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty;

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**Điều 56.** Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

BỘ CÔNG THƯƠNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN

-----000-----



**PHỤ LỤC III**  
**QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP**  
**CÔNG TY & GIẤY CHỨNG**  
**NHẬN NHÃN HIỆU**

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI**  
**Về việc sửa đổi Điều 2, Quyết định số 1326/2004/QĐ-BTM ngày**  
**20/9/2004 của Bộ Thương mại về việc chuyển Công ty Thiết bị Phụ tùng**  
**Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng**  
**Thành phố Hồ Chí Minh**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 của Chính phủ  
qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương  
mại;

Xét đề nghị của Công ty Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh (tại  
Văn bản số 44/TBPT ngày 04/02/2005;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Sửa đổi tên Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ  
Chí Minh quy định tại mục a điều 2 Quyết định số 1326/2004/QĐ-BTM  
ngày 20/9/2004 của Bộ Thương mại về việc chuyển Công ty Thiết bị Phụ  
tùng thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty cổ phần như sau :

a) Tên gọi bằng tiếng Việt : Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài  
Gòn.

b) Tên bằng tiếng Anh : SAIGON MACHINERY SPARE PARTS  
JOINT STOCK COMPANY.

c) Tên viết tắt : MACHINCO

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bổ sung sửa đổi Quyết định số 1326/QĐ-BTM ngày 20/9/2004 của Bộ Thương mại.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng các Vụ chức năng có liên quan, Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Giám đốc Công ty Công ty Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *ĐĐ*

**K/T BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI**

Thứ trưởng



**Đỗ Như Đỉnh**

Nơi nhận :

- Như điều 4
- Ban chỉ đạo ĐM&PTDN (b/cáo)
- Bộ Tài chính (báo cáo)
- Lưu : VT, TCCB

**CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số Chứng thực: **73240**

Quyển số: **27** TP/CC-SCT/SGT

Ngày **20** Tháng **10** Năm **2009**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG BẾN NGHÉ**



**NGUYỄN HẢI QUÂN**



**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI**  
**V/v chuyển Công ty Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh**  
**thành công ty cổ phần**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Công ty Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh (tờ trình số 170/TBPT ngày 14 tháng 9 năm 2004) và ý kiến thẩm định phương án cổ phần hoá Công ty Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh của Ban Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.-** Phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh :

**1/ Hình thức cổ phần hoá :**

Bán một phần vốn của nhà nước hiện có tại doanh nghiệp để chuyển thành công ty cổ phần.

**2/ Vốn điều lệ :**

+ Vốn điều lệ của Công ty cổ phần : 11.000.000.000đ (Mười một tỷ đồng Việt Nam).

+ Cổ phần nhà nước giữ : 30% vốn điều lệ bằng 3.300.000.000đ (ba tỷ, ba trăm triệu đồng Việt Nam).

+ Cổ phần của người lao động trong doanh nghiệp : 57,71% vốn điều lệ bằng 6.348.500.000đ (sáu tỷ ba trăm bốn tám triệu năm trăm ngàn đồng Việt Nam).



+ Cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp : 12,29% vốn điều lệ bằng 1.351.500.000đ (một tỷ, ba trăm năm mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng Việt Nam).

**3/ Giá trị doanh nghiệp nhà nước** tại thời điểm để xác định giá trị doanh nghiệp theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 1060/QĐ-BTM ngày 04/8/2004 là 69.562.603.905 đồng (sáu mươi chín tỷ, năm trăm sáu hai triệu, sáu trăm lẻ ba ngàn, chín trăm lẻ năm đồng), trong đó giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 10.590.878.884 đồng (mười tỷ, năm trăm chín mươi triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm tám tư đồng Việt Nam).

#### **4/ Ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp :**

- Gồm 31.950 cổ phần, trị giá ưu đãi (30%) là 958.500.000 đồng (chín trăm năm mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng Việt Nam).

- Trong đó có 5.650 cổ phần bán chịu cho người lao động nghèo (chịu 70%) trị giá 395.500.000đ (ba trăm chín mươi năm triệu, năm trăm nghìn đồng Việt Nam).

#### **5/ Doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá được sử dụng tiền bán cổ phần như sau :**

- Chi phí cổ phần hoá thực hiện theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 76/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính và trình Bộ phê duyệt sau.

- Chi phí đào tạo và đào tạo lại thực hiện theo Quyết định số 85/2002/QĐ-BTC ngày 01/7/2002 của Bộ Tài chính và trình Bộ phê duyệt sau.

Số tiền còn lại thuộc phần vốn nhà nước được chuyển vào Kho bạc nhà nước theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Số tiền Công ty phát hành thêm được chuyển vào tài khoản của Công ty để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

**Điều 2.- Chuyển Công ty Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh thành công ty cổ phần:**

##### **a) Tên gọi :**

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

- Tên giao dịch quốc tế: HOCHIMINH CITY MACHINERY & SPARE PARTS JOINT STOCK COMPANY.
- Tên giao dịch viết tắt : MACHINCO 7

**b) Biểu tượng Công ty :**

**c) Trụ sở giao dịch :** Số 8 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

**d) Điện thoại :** (84.8) 8222803;

Fax : (84.8) 8225382.

Email : Machinco7@hcm.vnn.vn

**Điều 3.-** Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật; hoạt động theo điều lệ của công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp.

**Điều 4.-** Công ty cổ phần Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ kinh doanh:

**a) Kinh doanh :**

- Máy các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, thiết bị bưu chính viễn thông, nguyên liệu vật tư cho sản xuất, hàng công nghiệp hàng tiêu dùng.
- Các loại phụ tùng, linh kiện đồng bộ phục vụ cho sản xuất và phục vụ cho bảo dưỡng, sửa chữa.
- Vật liệu xây dựng (sắt, thép, xi măng...), sản phẩm từ nguyên liệu composite, hàng điện lạnh, nông, hải sản, lâm sản thành phẩm, đồ gỗ, hàng may mặc, nhà hàng, khách sạn.

**b) Dịch vụ :** Giao nhận vận tải, bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê nhà xưởng, kho, bãi, văn phòng, máy móc thiết bị.

**Điều 5.-** Giao Giám đốc Công ty Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tổ chức bán cổ phần lần đầu theo đúng quy định của nhà nước, tổ chức đại hội cổ đông của Công ty cổ phần và bàn giao tiền vốn, tài

sản, lao động... và các tài liệu có liên quan cho Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 6.-** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 7.-** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng các Vụ chức năng có liên quan và Giám đốc Công ty Thiết bị Phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *seal*

Nơi nhận :

- Như điều 7
- Ban Chỉ đạo ĐM&PTDN TW (để báo cáo)
- Bộ Tài chính (để báo cáo)
- Lưu: VT, TCCB.

K/T BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI  
THỨ TRƯỞNG



*Lương Văn Tự*  
Lương Văn Tự

**CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số Chứng thực:.....**73241**.....

Quyển số:.....**27**..... TP/CC-SCT/SGT

Ngày **20** .. Tháng **10** .Năm. **2009**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG BẾN NGHÉ**



*Nguyễn Hải Quân*  
**NGUYỄN HẢI QUÂN**



# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Số: 147326

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN (VN)  
8 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Số đơn: 4-2008-05900

Ngày nộp đơn: 24.03.2008

Cấp theo Quyết định số: 10607/QĐ-SHTT, ngày: 07.06.2010

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

**CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số Chứng thực: ...049974

Quyển số: .....

Ngày .. 08 Tháng .. 09 Năm 2010

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG BẾN NGHÉ



*Phạm Hoài Quang*

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Hữu Nam



VN 4-0147326

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 147326**

**Mẫu nhãn hiệu:**



**Màu sắc nhãn hiệu:** Xanh, đỏ cam, trắng.

**Loại nhãn hiệu:** Thông thường

**Nội dung khác:** Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "SG", "M".

**Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:**

**Nhóm 37:** Giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; xây dựng; xây dựng cảng, bến tàu; lắp đặt trang thiết bị nhà bếp; dịch vụ giám sát xây dựng công trình.



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 147326

Sửa đổi, gia hạn:



BỘ CÔNG THƯƠNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN

-----000-----



PHỤ LỤC IV  
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN  
NĂM 2008**





Số: 10.09.459/AISC - DN4

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
**Auditing & Informatic Services Company Limited**

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**

**Kính gửi: Quý Cổ Đông, Hội đồng Quản trị & Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn.**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ tài chính từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2008, được lập ngày 10 tháng 10 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn từ trang 04 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và các công bố trên báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc của Công ty; về sự phù hợp của các nguyên tắc, chế độ kế toán, việc áp dụng nhất quán và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng báo cáo tài chính tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2009

KIỂM TOÁN VIÊN

Trương Diệu Thúy

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV



Đặng Ngọc Tú

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV

Branch in Ho Nai: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VMECO Building, Phạm Hưng St, Cầu Gray Đét, Ho Nai

Branch in Da Nang: 92 A Quang Trung St, Hai Chau Dist, Da Nang  
Representative in Can Tho: 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St, Ninh Kiều Dist, Can Tho  
Representative in Hai Phong: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hai Phong

Tel: (04) 3782 0045 (46 /47) Fax: (04) 3782 0048 Email: aishn@thn.vn.vn  
Tel: (0511) 389 5619 Fax: (0511) 389 5620 Email: aisckt@ang.vn.vn  
Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765  
Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

104  
TY  
HỮU  
KHOA  
MINH  
ĐC



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/1/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>117.728.651.441</b>	<b>137.893.497.390</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>117.698.644.271</b>	<b>137.863.490.220</b>
1- Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	61.629.713.228	69.886.774.379
2- Phải trả cho người bán	312		27.287.612.982	31.958.869.141
3- Người mua trả tiền trước	313		14.656.937.383	25.937.133.431
4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.229.172.648	2.449.875.780
5- Phải trả công nhân viên	315		48.487.113	308.623.415
6- Chi phí phải trả	316		4.301.875.748	293.609.012
9- Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	5.544.845.169	7.028.605.062
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.007.170</b>	<b>30.007.170</b>
6- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.007.170	30.007.170
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.22</b>	<b>87.058.032.877</b>	<b>81.790.541.482</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>86.409.926.702</b>	<b>80.991.509.247</b>
1- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.600.000.000	63.223.319.091
2- Thặng dư vốn cổ phần	412			13.400.830.909
6- Quỹ đầu tư phát triển	416		4.637.038.890	3.663.506.112
7- Quỹ dự phòng tài chính	417		1.110.802.738	638.209.819
8- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		62.085.074	65.643.316
10- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>648.106.175</b>	<b>799.032.235</b>
1- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		648.106.175	799.032.235
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>204.786.684.318</b>	<b>219.684.038.872</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008	01/1/2008
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		98.538,25	271.631,22
- JPY		106,168	106.168,00

Ngày 10 tháng 10 năm 2009

Người Lập biểu



Kế toán trưởng



TRƯỞNG PHÒNG TCKT  
LÝ THỊ HỒNG VINH

Tổng Giám đốc



PHỤ TỔNG GIÁM ĐỐC  
LÊ THỊ PHƯƠNG MAI

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	656.229.241.932	440.323.779.375
2- Các khoản giảm trừ	02	VI.26	9.527.051.734	
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		646.702.190.198	440.323.779.375
4- Giá vốn hàng bán	11	VI.27	601.388.307.025	409.742.535.498
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.313.883.173	30.581.243.877
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	2.705.094.489	1.721.005.974
7- Chi phí tài chính	22	VI.29	11.889.938.253	5.094.432.526
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.455.464.422	4.854.597.257
8- Chi phí bán hàng	24			
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.110.952.163	17.273.921.350
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.018.087.246	9.933.895.975
11- Thu nhập khác	31		175.694.515	2.625.000
12- Chi phí khác	32		153.901	
13- Lợi nhuận khác	40		175.540.614	2.625.000
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.193.627.860	9.936.520.975
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	3.694.215.801	1.391.112.937
Trong đó: Chi phí thuế TNDN được miễn giảm			2.119.409.727	
16- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.618.821.787	8.545.408.039
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.838	1.352

Người Lập biểu



Kế toán trưởng


TRƯỜNG PHÒNG TCKT  
LÝ THỊ HỒNG VINH

Ngày 10 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
LÊ THỊ PHƯƠNG MAI

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
<b>I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	693.073.910.600	471.171.358.380
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(561.206.102.927)	(401.911.818.982)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.499.218.208)	(6.040.996.218)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(9.455.464.422)	(4.888.694.148)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	05	(233.731.570)	(273.304.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	467.612.834.962	339.056.536.567
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(528.691.469.350)	(401.829.197.065)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>54.600.759.085</b>	<b>(4.716.115.466)</b>
<b>II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.816.366.020)	(728.286.873)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.251.720.610	
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(564.645.410)</b>	<b>(728.286.873)</b>
<b>III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.307.849.000	54.148.474.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	127.175.798.323	152.828.450.091
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(187.922.763.569)	(168.369.650.269)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.672.300.240)	(2.532.650.903)
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(66.111.416.486)</b>	<b>36.074.622.919</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(12.075.302.811)</b>	<b>30.630.220.580</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>35.329.145.146</b>	<b>4.698.924.566</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>23.253.842.335</b>	<b>35.329.145.146</b>

Ngày 10 tháng 10 năm 2009

Người Lập biểu

Kế toán trưởng


  
 TRƯƠNG PHONG TCKT  
 LÝ THỊ HỒNG VINH


**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

**1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103003152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 12 năm 2008. Tên giao dịch: SAIGON MACHINERY SPARE PARTS JOINT STOCK COMPANY (Viết tắt: MACHINO).

**1. Hình thức sở hữu vốn: Công Ty Cổ phần**

Vốn điều lệ: 80.600.000.000 đồng

Địa chỉ trụ sở chính: số 8, đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

**\* Công ty có các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc:**

- Chi nhánh Hà Nội; Địa chỉ chi nhánh: P201-18T1 Đường Lê Văn Lương - Thanh Xuân- Hà Nội
- Xí nghiệp chế biến Nông Thủy Sản; Địa chỉ chi nhánh: 230A - Kha Vạn Cân - Thủ Đức -Tp.HCM.
- Xí nghiệp Xây dựng Thương mại; Địa chỉ chi nhánh: Số 8 (Lầu 3) Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận I - Tp.HCM.
- Xí nghiệp Kinh doanh Tổng Hợp Và Dịch Vụ; Địa chỉ chi nhánh: 458 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4 - Tp. HCM ( đã giải thể vào tháng 11 năm 2008).
- Xí nghiệp Xây Lấp Thương Mại; Địa chỉ chi nhánh: 68/9 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận.
- Xí nghiệp Dịch Vụ Thương Mại; Địa chỉ chi nhánh: .Số 8 ( Lầu 2 )Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Q1- Tp. HCM
- Xí nghiệp Kinh doanh Vật Tư và Thiết Bị Phụ Tùng; Địa chỉ chi nhánh: Số 8 (Lầu 3) Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.
- Xí nghiệp Sửa chữa và kinh doanh Vật Tư; Địa chỉ chi nhánh: C3/7 KP2, Đường 51-P Tân Quy Q7-Tp. HCM

**2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.****3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Mua bán máy các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, thiết bị bưu chính viễn thông, nguyên liệu vật tư cho sản xuất, hàng công nghiệp, hàng tiêu dùng: điện tử - phần bón - kim loại màu - hóa chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), phụ tùng, linh kiện đồng bộ phục vụ sản xuất và phục vụ bảo dưỡng - sửa chữa, vật liệu xây dựng, sản phẩm từ composite, hàng điện lạnh, nông - lâm - hải sản, đồ gỗ, hàng may mặc.
- Kinh doanh nhà hàng và lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở).
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, môi giới vận tải. Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng máy móc thiết bị
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, máy móc thiết bị.
- Mua bán ô tô, xe máy, tàu thủy, thiết bị đồng bộ phục vụ công nghiệp, vật liệu xây dựng.
- San lấp mặt bằng. Tháo dỡ công trình. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, thiết kế qui hoạch, giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).
- Đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý vận tải đường biển. Đại lý bán vé máy bay - ô tô - tàu hỏa.
- Chế biến nông - lâm - hải sản, sản xuất hàng may mặc ( không chế biến, sản xuất tại trụ sở).
- Mua bán vật tư trang thiết bị y tế. Kinh doanh nhà ở. Mua bán mỹ phẩm.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê. Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, khu du lịch.
- Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán:**

Niên độ đầu tiên : bắt đầu từ ngày 09 tháng 03 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các niên độ tiếp theo: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập báo cáo tài chính: Việt Nam đồng.****III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

**3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.****IV. Các chính sách kế toán áp dụng:****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được qui đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân của liên ngân hàng Nhà Nước tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch phát sinh do qui đổi ngoại tệ được kết chuyển vào lãi, lỗ của niên độ.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.(Thực hiện theo chuẩn mực số 02 "Hàng tồn kho").

Phương pháp xác định giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ: Thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: áp dụng theo thông tư 13/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

**3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được đưa vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc.

**8. Ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác, ...

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

Ghi nhận theo thực tế phát sinh và được hạch toán vào chi phí trong kỳ, không thực hiện việc trích trước chi phí hàng năm.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được xác định căn cứ theo giấy phép đăng ký kinh doanh và giá trị của các khoản vốn thực tế đã được ghi nhận trên sổ kế toán của Công ty.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

+ Năm 2008, Công ty tăng vốn Điều lệ từ 65.000.000.000 VND lên 80.600.000.000 VND theo Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông năm 2008

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của Hội đồng quản trị và theo Điều lệ Công Ty.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng bán hàng bị trả lại.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

## 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo):

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính (lãi tiền vay, chênh lệch tỉ giá) được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong kỳ.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Năm 2008, Công ty tiếp tục được miễn giảm 50% thuế TNDN theo qui định Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành Công Ty Cổ phần.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân Đối Kế Toán

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2008	01/1/2008
- Tiền mặt	12.948.570.461	19.546.114.372
- Tiền gửi ngân hàng	10.305.271.874	15.783.030.774
<b>Cộng</b>	<b>23.253.842.335</b>	<b>35.329.145.146</b>
03. Các khoản phải thu khác	31/12/2008	01/1/2008
- Phải thu khác		
Công ty kho bãi (Kỹ quỹ)	361.789.348	155.706.218
Công ty Việt Nga		3.762.000.000
Cổ phiếu của cổ đông nghèo	288.850.000	364.700.000
Trung tâm sinh thái môi trường và tài nguyên	52.380.952	35.000.000
Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng Sài Thành		170.000.000
Công ty TNHH tư vấn Phú Hòa		
Thuế thu nhập cá nhân	9.846.838	7.237.046
Bảo hiểm Xã hội	19.270	
Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản	16.000.000	
Công ty TNHH Eland Việt Nam	6.960.000	
Công ty TNHH TD & A		20.300.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng kỹ thuật Phú Hòa		90.000.000
Công ty TNHH quà tặng Minh Phúc		9.000.000
Công ty quảng cáo Thiên Hà		74.960.208
Công ty kho bãi		133.177.102
Hội trường Thống Nhất		10.000.000
Nguyễn Thị Anh (cho vay vốn theo Hợp đồng 14/KT ngày 09/12/2008 - lãi suất 2,5/tháng)	600.000.000	400.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

## 03. Các khoản phải thu khác (tiếp theo)

Nguyễn Phước Lộc		760.000.000
Lê Phúc Quý	1.081.314	
Nguyễn Đức Toàn	607.742	
Trần Hữu Chính	257.260	
Trần Văn Khang	39.690.000	39.690.000
Nguyễn Thanh Tâm	12.712.727	1.255.494
Nguyễn Việt Bắc	26.954.760	25.424.703
Bùi Ngọc Mỹ	869.908	
Bùi Quang Đạt	219.174	
Lê Thị Phương Mai		2.099.550
Nguyễn Thanh Tâm		3.696.072
Nguyễn Văn Hoàn		750.000.000
Trần Đức Phú		3.301.988.800
Trương Minh Hải	266.819	2.118.606
Trần Thị Xuân Thảo	130.078	601.908
Bùi Minh Thế		300.000
Nguyễn Đức Sáu	1.744.809.430	
<b>Cộng</b>	<b>3.163.445.620</b>	<b>10.119.255.707</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/1/2008</b>
- Tạm ứng	323.500.000	1.353.225.000
- Ký quỹ	22.500.000	564.456.708
<b>Cộng</b>	<b>346.000.000</b>	<b>1.917.681.708</b>

## 04. Hàng tồn kho

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/1/2008</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	2.438.034.971	1.314.232.408
- Công cụ dụng cụ	59.384.324	67.084.324
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	9.675.788.685	1.932.216.385
- Thành phẩm	1.124.973.129	318.567.471
- Hàng hóa	49.361.087.441	65.358.169.604
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>62.659.268.550</b>	<b>68.990.270.192</b>
- Chi phí sản xuất dở dang hàng nông sản	79.495.504	
- Chi phí sản xuất dở dang xây lắp công trình gồm	9.596.293.182	
+ Nhà xưởng Vũng Tàu	429.971.015	
+ Khu dân cư Thanh Bình - Đồng Tháp	7.856.254.394	
+ Colgate Bình Dương - Công Ty Văn Lang	1.115.168.071	
+ Bệnh Viện Chợ Rẫy	194.899.702	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

## 08 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư đầu năm	12.044.836.673	1.456.037.176	1.408.464.567	205.153.831	20.400.000	15.134.892.247
Mua trong năm	256.311.000	43.140.600	1.516.914.420			1.816.366.020
Số dư cuối năm	12.301.147.673	1.499.177.776	2.925.378.987	205.153.831	20.400.000	16.951.258.267
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	6.647.929.704	1.179.829.448	621.947.831	150.476.083	17.708.000	8.617.891.066
Khấu hao trong năm	1.042.338.224	108.932.420	369.064.696	31.243.518	2.692.000	1.554.270.858
Số dư cuối năm	7.690.267.928	1.288.761.868	991.012.527	181.719.601	20.400.000	10.172.161.924
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
Tại ngày đầu năm	5.396.906.969	276.207.728	786.516.736	54.677.748	2.692.000	6.517.001.181
Tại ngày cuối năm	4.610.879.745	210.415.908	1.934.366.460	23.434.230	-	6.779.096.343

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.720.932.390

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.324.578.533

<b>11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/1/2008</b>
Thủy điện Dakglun (Bình Phước)	3.612.204.728	
<b>Cộng</b>	<b>3.612.204.728</b>	
<b>13. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/1/2008</b>
Đầu tư dài hạn khác	999.990.000	7.022.340.000
Mua cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Vật Tư Bến Thành (Số lượng 2007: 234.078 - 2008:33.333CP) với giá 30.000 VNĐ/CP	999.990.000	7.022.340.000
Trích lập dự phòng	260.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>739.990.000</b>	<b>7.022.340.000</b>
<b>15. Vay ngắn hạn</b>	<b>31/12/2008</b>	<b>01/1/2008</b>
- Ngân hàng VCB Bình Tây	23.236.950.510	35.338.024.217
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn (SGD II)	12.624.217.567	11.261.896.803
- Ngân hàng BIDV Việt Nam	11.473.832.449	7.013.148.601
- Ngân hàng ACB		677.435.893
- Ngân hàng VCB		9.050.278.144
- Vay cá nhân	14.294.712.702	6.545.990.721
<b>Cộng</b>	<b>61.629.713.228</b>	<b>69.886.774.379</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	31/12/2008	01/1/2008
- Thuế giá trị gia tăng	2.086.394.325	1.147.057.129
- Thuế xuất, nhập khẩu	879.627.268	80.270.388
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.241.161.953	1.201.552.937
- Thuế thu nhập cá nhân	19.836.573	18.842.797
- Các loại thuế khác	2.152.529	2.152.529
<b>Cộng</b>	<b>4.229.172.648</b>	<b>2.449.875.780</b>

(\*) Thuế phải nộp được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2008	01/1/2008
- Phải trả về cổ phần hóa	339.850.000	364.700.000
- Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	174.092.263	132.508.844
- Phải trả khác	5.030.902.906	6.531.396.218
<i>Công ty Tâm Tâm</i>	<i>684.052</i>	<i>684.052</i>
<i>Công ty may Thái Dương</i>	<i>19.000.000</i>	<i>19.000.000</i>
<i>Bà Trương Huệ Thường (kỳ quỹ thuê kho)</i>	<i>22.950.000</i>	<i>22.950.000</i>
<i>Công ty TNHH Nhật Minh (kỳ quỹ thuê kho)</i>	<i>200.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
<i>Vốn góp của cán bộ công nhân viên</i>	<i>1.622.914.405</i>	<i>1.873.145.769</i>
<i>Cổ tức của cổ đông</i>	<i>511.500.000</i>	<i>3.806.200.240</i>
<i>Công đoàn Công ty</i>	<i>13.990.721</i>	
<i>DNTN nội thất văn phòng TVA (kỳ quỹ thuê kho)</i>	<i>140.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>
<i>Cổ phiếu CBCNV</i>		<i>49.750.000</i>
<i>Công ty CP ĐT &amp; PT năng lượng Tây Nguyên</i>		<i>329.500.000</i>
<i>Công ty TNHH VT KT Thái Việt</i>	<i>18.000.000</i>	
<i>Trái phiếu Nhà máy Thủy điện Dakglun</i>	<i>1.027.000.000</i>	
<i>Công ty TNHH Hoàng Minh</i>	<i>12.992.100</i>	
<i>Công ty TNHH TM DV Đại Mỹ</i>	<i>6.779.280</i>	
<i>Nguyễn Đình Tríết</i>	<i>9.039.700</i>	<i>9.039.700</i>
<i>Tiền điện</i>	<i>1.351.898</i>	<i>1.241.791</i>
<i>Nguyễn Thanh Tâm</i>	<i>12.000.000</i>	
<i>Lê Văn Minh</i>	<i>153.403.233</i>	
<i>Anh Lộc</i>	<i>1.244.544.767</i>	
<i>Chị Anh</i>	<i>14.652.750</i>	<i>11.842.990</i>
<b>Cộng</b>	<b>5.544.845.169</b>	<b>7.028.605.062</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B03- DN

Đơn vị tính: VND

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>11.000.000.000</b>		<b>1.991.428.744</b>	<b>357.245.389</b>	<b>65.643.316</b>		<b>13.414.317.449</b>
Tăng vốn năm trước	52.223.319.091	13.400.830.909	1.672.077.368	280.964.430			67.577.191.798
Lợi nhuận tăng năm trước					8.545.408.038		8.545.408.038
Giảm lãi do trích quỹ 2007					(1.953.041.798)		(1.953.041.798)
Chia cổ tức từ lãi năm 2007					(6.030.437.377)		(6.030.437.377)
Giảm khác (trích quỹ KT+PL...)					(561.928.863)		(561.928.863)
<b>Số dư cuối năm trước, đầu năm nay</b>	<b>63.223.319.091</b>	<b>13.400.830.909</b>	<b>3.663.506.112</b>	<b>638.209.819</b>	<b>65.643.316</b>	<b>-</b>	<b>80.991.509.247</b>
Tăng vốn năm nay	17.376.680.909	737.668.091					18.114.349.000
Lợi nhuận tăng năm nay					13.363.631.217		13.363.631.217
Tăng vốn từ lãi năm 2008			2.504.073.184	488.921.052	(2.923.954.830)		69.039.406
Giảm vốn tăng vốn đầu tư CSH		(14.138.499.000)	(1.530.540.406)	(16.328.133)	(3.558.242)		(15.688.925.781)
Chia cổ tức từ lãi năm 2008					(10.024.805.000)		(10.024.805.000)
Giảm khác (trích quỹ KT+PL)					(414.871.387)		(414.871.387)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.637.038.890</b>	<b>1.110.802.738</b>	<b>62.085.074</b>	<b>-</b>	<b>86.409.926.702</b>

\* Trong năm Công Ty tăng Vốn điều lệ theo Quyết định số 438/2008/QĐ-CTHDQT và đã điều chỉnh thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 12 năm 2008 Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 4103003152 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VNĐ

	31/12/2008	01/1/2008
<b>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn đầu tư của Nhà nước (5,08%)	4.092.000.000	3.300.000.000
Vốn đầu tư của các cổ đông (94,92%)	76.508.000.000	59.923.319.091
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.600.000.000</b>	<b>63.223.319.091</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận</b>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	63.223.319.091	11.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	17.376.680.909	52.223.319.091
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	80.600.000.000	63.223.319.091
Cổ tức lợi nhuận đã chia	15,50%	14%
<b>d. Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.060.000	6.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.060.000	6.322.332
+ Cổ phiếu phổ thông	8.060.000	6.322.332
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.060.000	6.322.332
+ Cổ phiếu thường	8.060.000	6.322.332
* Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000
<b>e. Mục đích trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính:</b>		
- Quỹ đầu tư phát triển: Đầu tư máy móc trang thiết bị, bổ sung vốn cho công ty khi gặp khó khăn trong huy động vốn và cần đổi mới máy móc thiết bị.		
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh và những khoản lỗ của Công ty theo Quyết định của Hội đồng quản trị.		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VNĐ

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

	Năm 2008	Năm 2007
<b>25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>656.229.241.932</b>	<b>440.323.779.375</b>
- Doanh thu bán hàng	626.826.983.301	421.844.127.006
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.344.260.548	11.035.389.988
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.057.998.083	7.444.262.381
<b>26. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>9.527.051.734</b>	<b>-</b>
- Hàng bán trị trả lại	9.391.823.820	
- Thuế xuất khẩu	135.227.914	
<b>27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>646.702.190.198</b>	<b>440.323.779.375</b>
- Doanh thu thuần bán hàng	617.299.931.567	421.844.127.006
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	19.344.260.548	11.035.389.988
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	10.057.998.083	7.444.262.381
<b>28. Giá vốn hàng bán</b>	<b>601.388.307.025</b>	<b>409.742.535.498</b>
- Giá vốn hàng bán	584.757.340.755	409.319.007.496
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.297.772.914	423.528.002
- Giá vốn công trình xây dựng	9.333.193.356	
<b>29. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>2.705.094.489</b>	<b>1.721.005.974</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.251.720.610	863.374.606
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thanh toán	496.373.565	346.609.387
- Lãi bán hàng trả chậm	955.185.314	502.219.881
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.815.000	8.802.100
<b>30. Chi phí tài chính</b>	<b>11.889.938.253</b>	<b>5.094.432.526</b>
- Lãi tiền vay	9.455.464.422	4.854.597.257
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thanh toán	2.174.473.831	239.835.269
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	260.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09- DN

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

31. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2008	Năm 2007
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.193.627.860	9.936.520.975
- Tổng thu nhập chịu thuế	13.193.627.860	
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.694.215.801	2.782.723.873
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 50% theo ND 164/2003	1.847.107.900	1.392.112.937
- Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị quyết CP 30/2008(Quy 4/2008x 30%)	272.301.827	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.574.806.073	
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	11.618.821.787	8.545.408.039

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2008	Năm 2007
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.567.647	176.620.227
Chi phí nhân công	4.929.690.908	4.743.003.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.554.270.858	1.325.810.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.051.742.140	9.623.970.168
Chi phí khác	1.502.823.648	1.404.516.675
<b>Cộng</b>	<b>23.182.095.201</b>	<b>17.273.921.350</b>

VII Những thông tin khác

7. Những thông tin khác:

Tại ngày lập Báo cáo kiểm toán, Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lần thứ 12 ngày 21 tháng 8 năm 2009. Nội dung thay đổi: " Bổ sung: Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây cao su. Trồng cây cà phê."

Sau ngày kết thúc năm tài chính, vào ngày 21 tháng 3 năm 2009, đầu tư những dự án trọng điểm mà Công ty đang thực hiện như: Nhà máy Thủy điện Dakglun, Chung cư Machinco - Thủ Đức, Trung tâm thương mại, Khách sạn 5 sao - 458 Nguyễn Tất Thành - Quận 4.

Ngày 10 tháng 10 năm 2009

Người Lập biểu



Kế toán trưởng



TRƯỞNG PHÒNG TCKT  
LÝ THỊ HỒNG VINH

Tổng Giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
LÊ THỊ PHƯƠNG MAI

BỘ CÔNG THƯƠNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN

-----000-----



PHỤ LỤC IV  
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN  
NĂM 2009**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: aisc@aic.com.vn Website: www.aic.com.vn



Số: 10.09.1097/ AISC - DN4

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**

**Kính gửi: Quý Cổ Đông, Hội đồng Quản trị & Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn.**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 02/02/2010 của CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN từ trang 4 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Trên căn bản thử nghiệm, chọn mẫu cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và các công hồ trên báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những sai đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc của Công ty; về sự phù hợp của các nguyên tắc, chế độ kế toán, việc áp dụng nhất quán và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng báo cáo tài chính tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của niên độ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các qui định pháp lý có liên quan.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Trương Diệu Thủy**

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV

TP.HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2010

**Phạm Văn Vinh**

Số chứng chỉ KTV: Đ0112/KTV

3510  
ĐƠN  
DÀN  
IC TÍN  
CHỨNG

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>382.912.320.810</b>	<b>193.655.393.247</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26.871.542.513	23.253.842.335
1- Tiền	111	V.01	26.871.542.513	23.253.842.335
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	-
1- Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	200.000.000	-
III. Các khoản phải thu	130		291.820.466.751	102.751.994.890
1- Phải thu của khách hàng	131		183.012.635.453	81.872.591.520
2- Trả trước cho người bán	132		105.811.528.753	17.715.957.750
3- Các khoản phải thu khác	138	V.03	2.996.302.545	3.163.445.620
IV. Hàng tồn kho	140		59.775.904.825	62.659.268.550
1- Hàng tồn kho	141	V.04	59.775.904.825	62.659.268.550
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.244.406.721	4.990.287.472
1- Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.900.000	75.608.887
2- Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.112.006.721	4.568.678.585
3- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	100.000.000	-
4- Tài sản ngắn hạn khác	158		22.500.000	346.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>35.019.614.976</b>	<b>11.131.291.071</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		34.279.624.976	10.391.301.071
1- Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	6.573.829.076	6.779.096.343
- Nguyên giá	222		17.784.083.517	16.951.258.267
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.210.254.441)	(10.172.161.924)
4- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	27.705.795.900	3.612.204.728
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		739.990.000	739.990.000
3- Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	999.990.000	999.990.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(260.000.000)	(260.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>417.931.935.786</b>	<b>204.786.684.318</b>

31/12/09

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>325.461.359.682</b>	<b>117.728.651.441</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>242.933.132.512</b>	<b>117.698.644.271</b>
1- Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	70.168.353.583	61.629.713.228
2- Phải trả cho người bán	312		114.036.579.539	27.287.612.982
3- Người mua trả tiền trước	313		43.987.628.112	14.656.937.383
4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.612.670.421	4.229.172.648
5- Phải trả công nhân viên	315		3.500.458	48.487.113
6- Chi phí phải trả	316	V.17	4.584.538.142	4.301.875.748
9- Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	7.539.862.257	5.544.845.169
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>82.528.227.170</b>	<b>30.007.170</b>
4- Vay và nợ dài hạn	334	V.20	82.498.220.000	
6- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.007.170	30.007.170
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.22</b>	<b>92.470.576.104</b>	<b>87.058.032.877</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>91.553.281.712</b>	<b>86.409.926.702</b>
1- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.600.000.000	80.600.000.000
2- Thặng dư vốn cổ phần	412			
6- Quỹ đầu tư phát triển	416		7.885.310.073	4.637.038.890
7- Quỹ dự phòng tài chính	417		3.005.886.565	1.110.802.738
8- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		62.085.074	62.085.074
10- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>917.294.392</b>	<b>648.106.175</b>
1- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		917.294.392	648.106.175
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>417.931.935.786</b>	<b>204.786.684.318</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		90.000,02	98.538,25
- JPY		106.168,00	106.168,00

Người Lập biểu

Kế toán trưởng

TRƯỞNG PHÒNG TKKT  
LÝ THỊ HỒNG VINH

TP. HCM, ngày 02 tháng 2 năm 2010



TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN ĐÌNH HIẾN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	588.053.115.782	656.229.241.932
2- Các khoản giảm trừ	02	VI.26	723.725.970	9.527.051.734
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	587.329.389.812	646.702.190.198
4- Giá vốn hàng bán	11	VI.28	540.411.065.734	601.388.307.025
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.918.324.078	45.313.883.173
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.618.567.300	2.705.094.489
7- Chi phí tài chính	22	VI.30	11.460.291.526	11.889.938.253
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.340.038.252	9.455.464.422
8- Chi phí bán hàng	24			
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.066.464.080	23.110.952.163
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.010.135.772	13.018.087.246
11- Thu nhập khác	31		305.367.965	175.694.515
12- Chi phí khác	32		351.982.290	153.901
13- Lợi nhuận khác	40		(46.614.325)	175.540.614
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.963.521.447	13.193.627.860
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1.888.432.765	3.694.215.801
<i>Trong đó: Chi phí thuế TNDN được miễn giảm</i>				2.119.409.727
16- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.075.088.682	11.618.821.787
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.243	1.442

TP.HCM, ngày 02 tháng 2 năm 2010

Người Lập biểu



Kế toán trưởng


TRƯỜNG PHÒNG TCKT  
LÝ THỊ HỒNG VINH

Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN ĐÌNH HIẾN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
<b>I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	496.493.996.409	693.073.910.600
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(338.546.239.226)	(561.206.102.927)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.842.623.759)	(6.499.218.208)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.586.675.961)	(9.455.464.422)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	05	(1.435.327.858)	(233.731.570)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	335.777.786.718	467.612.834.962
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(405.301.055.833)	(528.691.469.350)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>72.559.860.490</b>	<b>54.600.759.085</b>
<b>II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.507.065.785)	(1.816.366.020)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	255.367.965	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.251.720.610
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.251.697.820)</b>	<b>(564.645.410)</b>
<b>III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	37.700.000	3.307.849.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	130.345.008.437	127.175.798.323
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(187.892.210.929)	(187.922.763.569)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.180.960.000)	(8.672.300.240)
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(66.690.462.492)</b>	<b>(66.111.416.486)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.617.700.178</b>	<b>(12.075.302.811)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.253.842.335	35.329.145.146
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	26.871.542.513	23.253.842.335

Người Lập biên



Kế toán trưởng


TRƯƠNG PHONG TCKT  
LÝ THỊ HỒNG VINH



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### *Thành lập:*

Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103003152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lần thứ 12 ngày 21 tháng 8 năm 2009.

Tên giao dịch: SAIGON MACHINERY SPARE PARTS JOINT STOCK COMPANY (Viết tắt: MACHINCO).

Địa chỉ trụ sở chính: số 8, đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

## 1. Hình thức sở hữu vốn: Công Ty Cổ phần

Vốn điều lệ: 80.600.000.000 đồng

### \* Công ty có các Xí nghiệp và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Chi nhánh Hà Nội; Địa chỉ chi nhánh: P201-18T1 Đường Lê Văn Lương - Thanh Xuân- Hà Nội.

Xí nghiệp chế biến Nông Thủy Sản; Địa chỉ chi nhánh: 230A - Kha Vạn Cân - Thủ Đức -Tp.HCM *đã giải thể ngày 31 tháng 12 năm 2009.*

Xí nghiệp Xây dựng Thương mại; Địa chỉ chi nhánh: Số 8 (Lầu 3) Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1 - Tp.HCM.

Xí nghiệp Kinh doanh Tổng Hợp Và Dịch Vụ; Địa chỉ chi nhánh: 458 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4 - Tp. HCM (đã giải thể vào tháng 11 năm 2008).

Xí nghiệp Xây Lắp Thương Mại; Địa chỉ chi nhánh: 68/9 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận.

Xí nghiệp Dịch Vụ Thương Mại; Địa chỉ chi nhánh: Số 8 (Lầu 2) Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Q1- Tp. HCM.

Xí nghiệp Kinh doanh Vật Tư và Thiết Bị Phụ Tùng; Địa chỉ chi nhánh: Số 8 (Lầu 3) Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

Xí nghiệp Sửa chữa và kinh doanh Vật Tư; Địa chỉ chi nhánh: C3/7 KP2, Đường 51-P Tân Quy Q7-Tp. HCM.

## 2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

## 3. Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán máy các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, thiết bị bưu chính viễn thông, nguyên liệu vật tư cho sản xuất, hàng công nghiệp, hàng tiêu dùng: điện tử - phân bón - kim loại màu - hóa chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), phụ tùng, linh kiện đồng bộ phục vụ sản xuất và phục vụ bảo dưỡng - sửa chữa, vật liệu xây dựng, sản phẩm từ composite, hàng điện lạnh, nông - lâm - hải sản, đồ gỗ, hàng may mặc.

Kinh doanh nhà hàng và lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở).

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, môi giới vận tải. Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng máy móc thiết bị.

Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, máy móc thiết bị.

Mua bán ô tô, xe máy, tàu thủy, thiết bị đồng bộ phục vụ công nghiệp, vật liệu xây dựng.

San lấp mặt bằng. Tháo dỡ công trình. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, thiết kế qui hoạch, giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).

**3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo):**

Đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý vận tải đường biển, Đại lý bán vé máy bay - ô tô - tàu hỏa,  
Chế biến nông - lâm - hải sản, sản xuất hàng may mặc ( không chế biến, sản xuất tại trụ sở),  
Mua bán vật tư trang thiết bị y tế. Kinh doanh nhà ở. Mua bán mỹ phẩm,  
Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê. Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, khu du lịch.  
Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở).  
Kinh doanh vận tải bằng ô tô.

**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Niên độ kế toán:**

Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập báo cáo tài chính: Việt Nam đồng.**

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

**3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.**

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng:**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các luồng tiền xác định và không quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được qui đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân của liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các tài khoản tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày cuối niên độ được thực hiện theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

0-03  
C  
TRẮC  
KIỂM  
TIN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

**2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được xác định dựa vào đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời. (Thực hiện theo chuẩn mực số 02 "Hàng tồn kho").

Phương pháp xác định giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ: Thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: áp dụng theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được đưa vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên thời gian hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

**6. Xây dựng cơ bản dở dang:**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng Nhà máy Thủy điện Dakglun (Bình Phước), Trung tâm Thương mại Quận 4 và thể hiện theo nguyên giá, không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Đầu tư chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

**8. Ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác, ...

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

Ghi nhận theo thực tế phát sinh và được hạch toán vào chi phí trong kỳ, không thực hiện việc trích trước chi phí hàng năm.

10/03/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được xác định căn cứ theo giấy phép đăng ký kinh doanh và giá trị của các khoản vốn thực tế đã góp được ghi nhận trên sổ kế toán của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng bán hàng bị trả lại.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính (lãi tiền vay, chênh lệch tỷ giá) được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong kỳ.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm: thuế TNDN hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. (Thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 17 " Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế TNDN hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành \* thuế suất thuế TNDN năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh tăng, giảm cho các khoản doanh thu và chi phí không khấu trừ theo Luật thuế TNDN hiện hành và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Năm 2009, Công ty tiếp tục được miễn giảm 50% thuế TNDN theo qui định Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành Công Ty Cổ phần, và theo các văn bản qui định hiện hành của cơ quan quản lý thuế.

Thuế phải nộp được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

51;  
NG  
K1  
TH  
CHÍ  
91

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân Đối Kế Toán**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Tiền mặt	11.696.851.652	12.948.570.461
Tiền gửi ngân hàng	15.174.690.861	10.305.271.874
VND	13.508.993.552	
USD	1.655.662.752	
JPY	10.034.557	
<b>Cộng</b>	<b>26.871.542.513</b>	<b>23.253.842.335</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Đầu tư ngắn hạn khác	200.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	
<b>3. Các khoản phải thu khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Phải thu khác	2.996.302.545	3.164.931.599
<i>Công ty kho bãi (Ký quỹ)</i>	191.066.802	361.789.348
<i>Phải thu CNV</i>	236.800.000	288.850.000
<i>Trung tâm sinh thái môi trường và tài nguyên</i>		52.380.952
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	1.464.076	9.846.838
<i>Bảo hiểm Xã hội</i>		19.270
<i>Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản</i>	16.000.000	16.000.000
<i>Công ty TNHH Elund Việt Nam</i>		6.960.000
<i>Nguyễn Thị Anh (Hợp đồng 14/KT ngày 09/12/2008 - lãi suất 2,5/tháng)</i>		600.000.000
<i>Nguyễn Phước Lộc</i>	741.884.413	
<i>Lê Phúc Quý</i>		1.081.314
<i>Nguyễn Đức Toàn</i>		607.742
<i>Trần Hữu Chính</i>		257.260
<i>Trần Văn Khang</i>	38.893.306	39.690.000
<i>Nguyễn Thanh Tâm</i>		12.712.727
<i>Nguyễn Đức Sáu</i>	1.744.809.430	1.744.809.430
<i>Nguyễn Việt Bắc</i>	25.384.518	26.954.760
<i>Các khách hàng khác</i>		1.485.979
<b>Cộng</b>	<b>2.996.302.545</b>	<b>3.163.445.620</b>

4. Hàng tồn kho	31/12/2009	01/01/2009
Nguyên liệu, vật liệu	841.439.700	2.438.034.971
Công cụ dụng cụ	99.365.422	59.384.324
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	25.801.436.632	9.675.788.685
Thành phẩm	-	1.124.973.129
Hàng hóa	33.033.663.071	49.361.087.441
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>59.775.904.825</b>	<b>62.659.268.550</b>
(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:		
<i>Chi phí sản xuất dở dang hàng nông sản</i>		79.495.504
<i>Chi phí sản xuất dở dang xây lắp công trình gồm</i>	25.801.436.632	9.596.293.182
<i>Nhà xưởng Vũng Tàu</i>		429.971.015
<i>Khu dân cư Thanh Bình - Đồng Tháp</i>	24.626.910.135	7.856.254.394
<i>Colgate Bình Dương - Công Ty Văn Lang</i>		1.115.168.071
<i>Colgate Palmolive</i>	612.405.000	
<i>Bệnh Viện Chợ Rẫy</i>		194.899.702
<i>Nhà máy lọc dầu Dung Quất</i>	259.323.509	
<i>Vincom Eden</i>	302.797.988	
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế GTGT phải thu Nhà nước	100.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	

CHỈ  
 PHÉ  
 H  
 CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B03 - DN

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

8	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	<b>Khoản mục</b>						
	<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
	Số dư đầu năm	12.301.147.673	1.499.177.776	2.925.378.987	205.153.831	20.400.000	16.951.258.267
	<i>Mua trong năm</i>		<i>461.904.762</i>	<i>1.296.270.021</i>	<i>57.406.032</i>		<i>1.815.580.815</i>
	<i>Dứt XDCB hoàn thành</i>	<i>106.475.426</i>					<i>106.475.426</i>
	<i>Thanh lý nhượng bán</i>		<i>512.927.500</i>	<i>563.171.673</i>	<i>13.131.818</i>		<i>1.089.230.991</i>
	Số dư cuối năm	12.407.623.099	1.448.155.038	3.658.477.335	249.428.045	20.400.000	17.784.083.517
	<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
	Số dư đầu năm	7.690.267.928	1.288.761.868	991.012.527	181.719.601	20.400.000	10.172.161.924
	<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>996.517.670</i>	<i>190.977.467</i>	<i>563.473.777</i>	<i>24.372.304</i>		<i>1.775.341.218</i>
	<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		<i>512.927.500</i>	<i>211.189.383</i>	<i>13.131.818</i>		<i>737.248.701</i>
	Số dư cuối năm	8.686.785.598	966.811.835	1.343.296.921	192.960.087	20.400.000	11.210.254.441
	<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
	Tại ngày đầu năm	4.610.879.745	210.415.908	1.934.366.460	23.434.230	-	6.779.096.343
	Tại ngày cuối năm	3.720.837.501	481.343.203	2.315.180.414	56.467.958	-	6.573.829.076

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

2.272.681.156 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

2.815.633.320 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09- DN

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

	31/12/2009	01/01/2009
<b>11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Thủy điện Dakglun (Bình Phước)	26.342.159.537	3.612.204.728
Trung tâm thương mại Quận 4	1.363.636.363	
<b>Cộng</b>	<b>27.705.795.900</b>	<b>3.612.204.728</b>
<b>13. Đầu tư dài hạn khác</b>		
Đầu tư dài hạn khác	999.990.000	999.990.000
<i>Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Vật Tư Bến Thành - số lượng 33.333CP giá 30.000 VND/CP</i>	999.990.000	999.990.000
Trích lập dự phòng	(260.000.000)	(260.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>739.990.000</b>	<b>739.990.000</b>
<b>15. Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng VCB Bình Tây	26.435.491.267	23.236.950.510
<i>Văn phòng_ VND (*)</i>	937.000.000	
<i>Văn phòng_ USD (*) \$1.074.367,00</i>	19.275.218.347	
<i>KDVT- TBPT_ VND</i>	4.550.000.000	
<i>KDVT- TBPT_ USD \$93.840,00</i>	1.673.272.920	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn SGD II (**)	11.144.831.009	12.624.217.567
Ngân hàng BIDV Việt Nam (@)	12.738.931.307	11.473.832.449
<i>Văn phòng_ USD \$565.126,32</i>	10.138.931.307	
<i>Văn phòng_ VND</i>	2.600.000.000	
Ngân hàng ACB Việt Nam (***)	8.850.000.000	
Vay cá nhân CNV	10.999.100.000	14.294.712.702
<b>Cộng</b>	<b>70.168.353.583</b>	<b>61.629.713.228</b>

(\*) Ngân hàng VCB Bình Tây

<i>Hợp đồng tín dụng:</i>	106B09 ngày 20 tháng 5 năm 2009.
<i>Hạn mức tín dụng:</i>	40 tỷ đồng
<i>Mục đích:</i>	Bổ sung vốn lưu động
<i>Thời hạn:</i>	Tối đa 5 tháng ( trên từng GNN)
<i>Lãi suất:</i>	Của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ.
<i>Tài sản thế chấp:</i>	Tin chấp và Quyền sử dụng đất bên thứ 3: 1.527.000.000 đồng





**15. Vay ngắn hạn (tiếp theo):**

(\*\*) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn SGD II

<i>a. Hợp đồng tín dụng:</i>	1600 - LAV - 200900563 ngày 7 tháng 5 năm 2009 - 4.144.831.009.
<i>Số tiền vay:</i>	25 tỷ đồng
<i>Mục đích:</i>	Bổ sung vốn lưu động
<i>Thời hạn:</i>	Theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng
<i>Lãi suất:</i>	Của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ.
<i>Tài sản thế chấp:</i>	Tin chấp
<i>b. Hợp đồng tín dụng:</i>	6110 - LAV - 200900616 ngày 25 tháng 9 năm 2009
<i>Số tiền vay:</i>	7 tỷ đồng
<i>Mục đích:</i>	Bổ sung vốn mua cần cầu
<i>Thời hạn:</i>	6 tháng
<i>Lãi suất:</i>	Theo giấy dự nợ giảm dần, tại thời điểm ký là 10,5%/năm
<i>Tài sản thế chấp:</i>	Tin chấp và tài sản trị giá: 10.396.770 đồng.

(\*\*\*) Ngân hàng ACB Việt Nam

<i>Hợp đồng tín dụng:</i>	BIT.DN 01180709 ngày 18 tháng 7 năm 2009
<i>Số tiền vay:</i>	17,5 tỷ đồng
<i>Mục đích:</i>	Bổ sung vốn lưu động
<i>Thời hạn:</i>	Theo từng giấy nhận nợ
<i>Lãi suất:</i>	Của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ.
<i>Tài sản thế chấp:</i>	Quyền sử dụng đất bên thứ 3: 22.709.000.000 đồng

(@) Ngân hàng BIDV Việt Nam

<i>Hợp đồng tín dụng:</i>	00130/2008/0000757 ngày 18 tháng 4 năm 2008
<i>Số tiền vay:</i>	19 tỷ đồng
<i>Mục đích:</i>	Bổ sung vốn lưu động
<i>Thời hạn:</i>	Theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn
<i>Lãi suất:</i>	Của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ.
<i>Tài sản thế chấp:</i>	Nhà xưởng, máy móc, phương tiện vận chuyển: 2.993.000.000 đồng.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (\*)**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Thuế giá trị gia tăng	512.246.042	2.086.394.325
Thuế xuất, nhập khẩu	401.186.963	879.627.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.694.266.860	1.241.161.953
Thuế thu nhập cá nhân	3.098.026	19.836.573
Các loại thuế khác	1.872.530	2.152.529
<b>Cộng</b>	<b>2.612.670.421</b>	<b>4.229.172.648</b>

**17. Chi phí phải trả:**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Chi phí điện nước, thuê nhà, thuê kho	4.584.538.142	4.301.875.748
<b>Cộng</b>	<b>4.584.538.142</b>	<b>4.301.875.748</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09- DN

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Kinh phí công đoàn	222.233.792	172.329.871
Bảo hiểm xã hội	22.418.419	
Bảo hiểm y tế	675.880	1.762.392
Bảo hiểm thất nghiệp	(374.757)	
Phải trả về cổ phần hóa	274.500.000	339.850.000
Phải trả khác	7.020.408.923	5.030.902.906
<i>Công ty Tâm Tâm</i>	684.052	684.052
<i>Công ty may Thái Dương</i>	19.000.000	19.000.000
<i>Trương Huệ Thường (ký quỹ thuê kho)</i>	22.950.000	22.950.000
<i>Công ty TNHH Nhật Minh (ký quỹ thuê kho)</i>	200.000.000	200.000.000
<i>Phải trả cán bộ công nhân viên</i>	1.589.374.405	1.622.914.405
<i>Cổ tức của cổ đông</i>	2.909.040.000	511.500.000
<i>Công đoàn Công ty</i>	13.990.721	13.990.721
<i>DNTN nội thất văn phòng TVA (ký quỹ thuê kho)</i>	180.000.000	140.000.000
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	100.000	100.000
<i>Công ty TNHH VT KT Thái Việt</i>	18.000.000	18.000.000
<i>Trái phiếu Nhà máy Thủy điện Dakglun</i>		1.027.000.000
<i>Công ty TNHH Hoàng Minh</i>		12.992.100
<i>Công ty TNHH TM DV Đạt Mỹ</i>		6.779.280
<i>Công ty TNHH đo đạc công trình và bản đồ NEH</i>	285.000	
<i>Công ty TNHH Cơ điện Trường Nam Hải</i>	32.384.000	
<i>Công ty TNHH Hansoll Vina</i>	10.000.000	
<i>Công ty TNHH Phi Lan World</i>	25.000.000	
<i>Công ty TNHH Nhân Dũng</i>	15.000.000	
<i>Công ty Cổ phần N&amp;M</i>	70.000.000	
<i>Công ty TNHH Giấy Khải Hoàng</i>	6.000.000	
<i>Công ty TNHH Duy Luận</i>	25.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Việt Phát</i>	20.000.000	
<i>Công ty TNHH Sơn Tài Trí</i>	10.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghệ SUMIMOTO</i>	20.000.000	
<i>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phát Nghĩa</i>	10.000.000	
<i>Công ty TNHH Vật liệu điện Ánh Sáng</i>	12.000.000	
<i>Công ty TNHH TV DT PT Bách Khoa</i>	310.852.778	
<i>Công ty Cổ phần Thương Mại NOVA</i>	36.000.000	
<i>Công ty TNHH NEO Việt Nam</i>	45.000.000	
<i>Lộc (Lô gỗ, máy lạnh, đèn)</i>	1.244.544.767	
<i>Nguyễn Đình Triết</i>	9.039.700	9.039.700
<i>Nguyễn Thanh Tâm</i>	12.000.000	12.000.000
<i>Lê Văn Minh</i>	153.403.233	153.403.233
<i>Anh Lộc</i>		1.244.544.767
<i>Khác</i>	760.267	16.004.648
<b>Cộng</b>	<b>7.539.862.257</b>	<b>5.544.845.169</b>

K.K.O  
T  
KIẾ  
T  
QUẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09- DN

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

20. Vay và nợ dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
Ngân hàng Phát triển (#)	80.000.000.000	
Trái phiếu phát hành (Xây dựng nhà máy thủy điện Dakglun)	2.498.220.000	
<b>Cộng</b>	<b>82.498.220.000</b>	

(#) *Hợp đồng tín dụng:* 09-2009/HDTDDT - NHPT ngày 8 tháng 5 năm 2009  
*Số tiền vay:* 492.347.770.000 Đồng  
*Mục đích:* Đầu tư nhà máy thủy điện Đắk Glun  
*Thời hạn:* 96 tháng  
*Lãi suất:* 6,9%/ năm  
*Tài sản thế chấp:* Tài sản Đầu tư nhà máy thủy điện Đắk Glun; 488.747.770.000 đồng.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem Phụ lục trang 21).

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2009	01/01/2009
Vốn đầu tư của Nhà nước (5,08%)	4.092.000.000	4.092.000.000
Vốn đầu tư của các cổ đông (94,92%)	76.508.000.000	76.508.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.600.000.000</b>	<b>80.600.000.000</b>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận	31/12/2009	01/01/2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	80.600.000.000	63.223.319.091
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>		17.376.680.909
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>		
<i>Vốn góp cuối năm</i>	80.600.000.000	80.600.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	15,00%	15,50%

d. Cổ phiếu	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.060.000	8.060.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.060.000	8.060.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.060.000	8.060.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành*	8.060.000	8.060.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	8.060.000	8.060.000
* Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

03/11/2009  
 NHPT  
 NHPT

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09- DN

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

**e. Mục đích trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính:**

- Quỹ đầu tư phát triển: Đầu tư máy móc trang thiết bị, bổ sung vốn cho công ty khi gặp khó khăn trong huy động vốn và cần đổi mới máy móc thiết bị.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh và những khoản lỗ của Công ty theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh**

	Năm 2009	Năm 2008
<b>25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>588.053.115.782</b>	<b>656.229.241.932</b>
Doanh thu bán hàng	561.858.356.779	626.826.983.301
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.222.382.082	19.344.260.548
Doanh thu hợp đồng xây dựng	13.972.376.921	10.057.998.083
	<b>723.725.970</b>	<b>9.527.051.734</b>
<b>26. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán trị trả lại	414.559.200	9.391.823.820
Thuế xuất khẩu	309.166.770	135.227.914
	<b>587.329.389.812</b>	<b>646.702.190.198</b>
<b>27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần bán hàng	561.134.630.809	617.299.931.567
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	12.222.382.082	19.344.260.548
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	13.972.376.921	10.057.998.083
	<b>540.411.065.734</b>	<b>601.388.307.025</b>
<b>28. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng bán	532.459.186.509	584.757.340.755
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.483.063.131	7.297.772.914
Giá vốn công trình xây dựng	5.468.816.094	9.333.193.356
	<b>1.618.567.300</b>	<b>2.705.094.489</b>
<b>29. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	421.968.638	1.251.720.610
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thanh toán	813.136.766	496.373.565
Lãi bán hàng trả chậm	69.259.285	955.185.314
Doanh thu hoạt động tài chính khác	314.202.611	1.815.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09- DN

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

<b>30. Chi phí tài chính</b>	<b>11.460.291.526</b>	<b>11.889.938.253</b>
Lãi tiền vay	7.340.038.252	9.455.464.422
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thanh toán	3.846.732.429	2.174.473.831
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	273.520.845	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		260.000.000
<b>31. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
Tổng lợi nhuận-kế toán trước thuế	19.963.521.447	13.193.627.860
Tổng thu nhập chịu thuế	19.963.521.447	13.193.627.860
Chi phí thuế TNDN ước tính chịu thuế năm hiện hành	4.990.880.362	3.694.215.801
<i>Thuế TNDN ước tính được miễn giảm</i>	<i>3.102.447.597</i>	<i>2.119.409.727</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	1.888.432.765	1.574.806.073
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	18.075.088.682	11.618.821.787
<b>33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	157.844.909	176.620.227
Chi phí nhân công	5.147.672.117	4.743.003.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.775.341.218	1.325.810.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.990.801.368	9.623.970.168
Chi phí khác	1.219.772.442	1.404.516.675
<b>Cộng</b>	<b>17.291.432.054</b>	<b>17.273.921.350</b>

30.  
31.  
33.  
C.T  
HỮU  
Ả DỊ  
ẢNH  
MIN  
Ổ C

**VIII. Những thông tin khác:**

Trong năm 2009, Công Ty đang đầu tư thực hiện những dự án trọng điểm như: Nhà máy Thủy điện Dakglun, Chung cư Machinco - Thủ Đức, Trung tâm thương mại, Khách sạn 5 sao - 458 Nguyễn Tất Thành - Quận 4.

Người Lập biểu



Kế toán trưởng



TRƯỞNG PHÒNG TCKT  
 LÝ THỊ HỒNG VINH

TP.HCM, ngày 02 tháng 2 năm 2010

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC  
 NGUYỄN ĐÌNH HIỀN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B03- DN

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm 2008</b>	<b>63.223.319.091</b>	<b>13.400.830.909</b>	<b>3.663.506.112</b>	<b>638.209.819</b>	<b>65.643.316</b>	<b>-</b>	<b>80.991.509.247</b>
Tăng vốn năm 2008	17.376.680.909	737.668.091					18.114.349.000
Lãi năm 2008						13.363.631.217	13.363.631.217
Tăng các quỹ từ lãi năm 2008			2.504.073.184	488.921.052		(2.923.954.830)	69.039.406
Giảm quỹ tăng vốn đầu tư CSH		(14.138.499.000)	(1.530.540.406)	(16.328.133)	(3.558.242)		
Giảm lãi do trích quỹ 2008							
Chia cổ tức từ lãi năm 2008						(10.024.805.000)	(10.024.805.000)
Giảm khác (trích quỹ KT+PL...)						(414.871.387)	(414.871.387)
<b>Số dư cuối năm 2008, đầu năm 2009</b>	<b>80.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.637.038.890</b>	<b>1.110.802.738</b>	<b>62.085.074</b>	<b>-</b>	<b>86.409.926.702</b>
Lợi nhuận tăng năm nay						18.075.088.682	18.075.088.682
Tăng quỹ từ lãi năm 2009			3.458.702.871	1.895.083.827		(5.353.786.698)	-
Chia cổ tức từ lãi năm 2009						(12.090.000.000)	(12.090.000.000)
Giảm quỹ trong năm			210.431.688				(210.431.688)
Tăng khác						155.886.233	155.886.233
Trích quỹ KT+PL năm 2009						(787.188.217)	(787.188.217)
<b>Số dư cuối năm 2009</b>	<b>80.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>7.885.310.073</b>	<b>3.005.886.565</b>	<b>62.085.074</b>	<b>-</b>	<b>91.553.281.712</b>



Bản thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính.

BỘ CÔNG THƯƠNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN

-----000-----



PHỤ LỤC IV  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ II/2010**

Đơn vị báo cáo: Cty CP Thiết Bị Phụ tùng Gài Gòn

Mẫu số B 01-DN

Địa chỉ : Số 8 Lê Duẩn, Q1.TPHCM

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 )	<b>100</b>		<b>444.877.240.053</b>	<b>382.912.320.810</b>
<b>I.Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>45.543.001.036</b>	<b>26.871.542.513</b>
1. tiền	111	V.01	35.543.001.036	26.871.542.513
2.Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	
<b>II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		<b>200.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			200.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III.Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>291.546.038.432</b>	<b>291.820.466.751</b>
1.phải thu khách hàng	131		199.909.986.725	183.012.635.453
2.Trả trước cho người bán	132		78.845.103.797	105.811.528.753
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5.Các khoản phải thu khác	136	V.03	12.790.947.910	2.996.302.545
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
<b>IV.Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>75.241.641.353</b>	<b>59.775.904.825</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	75.241.641.353	59.775.904.825
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V.Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.546.559.232</b>	<b>4.244.406.721</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		66.528.000	9.900.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.487.582.600	4.112.006.721
3.Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.05	1.018.032	100.000.000
4.Tài sản ngắn hạn khác	158		13.991.430.600	22.500.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 )	<b>200</b>		<b>184.753.071.939</b>	<b>35.019.614.976</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3.Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II.Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>184.013.081.939</b>	<b>34.279.624.976</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	7.361.001.661	5.573.829.076
- Nguyên giá	222		19.372.463.555	17.784.083.517
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.011.461.894)	(11.210.254.441)





TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	176.652.080.278	27.705.795.900
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>739.990.000</b>	<b>739.990.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	999.990.000	999.990.000
4. Dự phòng giảm đầu tư tài chính dài hạn(*)	259		(260.000.000)	(\$60.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>629.630.311.992</b>	<b>417.931.935.786</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>531.288.691.056</b>	<b>325.461.359.602</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>270.658.683.886</b>	<b>242.933.132.512</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	63.744.597.808	70.168.353.503
2. Phải trả người bán	312		152.686.030.506	114.036.579.539
3. Người mua trả tiền trước	313		42.871.761.156	43.987.628.112
4. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	314	V.16	3.725.823.096	2.612.670.421
5. Phải trả người lao động	315		1.062.828	3.500.458
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2.717.218.733	4.584.538.142
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả , phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	4.912.189.759	7.539.862.257
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>260.630.007.170</b>	<b>82.528.227.170</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	260.600.000.000	82.498.220.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.007.170	30.007.170
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B.- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>98.341.620.936</b>	<b>92.470.576.104</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>97.859.447.862</b>	<b>91.553.281.712</b>
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.600.000.000	80.600.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ(*)	414			
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7.Quỹ đầu tư phát triển	417		7.885.310.073	7.885.310.073
8.Quỹ dự phòng tài chính	418		3.005.886.565	3.005.886.565
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		62.085.074	62.085.074
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.306.166.150	
11.Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II.Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>482.173.074</b>	<b>917.294.392</b>
1.Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		482.173.074	917.294.392
2.Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 430 = 300 + 400 )</b>	<b>440</b>		<b>629.630.311.992</b>	<b>417.931.935.786</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHI TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận giữ công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại		USD 109.327 JPY 105.123	USD 90.000,02 JPY 105.123
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG TCKT  
LÝ THỊ HỒNG VINH

ngày 03 tháng 08 năm 2010

GIÁM ĐỐC



PHÒNG KIỂM SOÁT  
LÊ THỊ PHƯƠNG MAI

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐẾN 30 THÁNG 06 NĂM 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	247.606.932.510	267.197.256.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		183.721.972	723.725.970
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		247.423.210.538	266.473.530.980
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	226.291.520.194	242.577.229.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.131.690.344	23.896.301.640
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.190.227.098	737.864.349
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	6.535.673.970	6.481.935.240
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		4.492.916.818	4.024.417.771
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.387.112.847	8.256.671.175
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		8.399.130.625	9.895.559.574
11. Thu nhập khác	31		9.090.909	
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		9.090.909	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.408.221.534	9.895.559.574
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	2.102.055.384	974.857.625
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		6.306.166.150	8.920.701.949
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		78	111

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG TCKT  
LÝ THỊ HỒNG VINH

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG TỔNG GIÁM ĐỐC  
LÊ THỊ PHƯƠNG MAI

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

( Theo phương pháp trực tiếp)  
 Đến 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		288.240.462.029	235.908.107.814
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(234.700.498.874)	(170.023.525.688)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.722.593.139)	(2.600.531.053)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4.840.346.819)	(3.388.440.699)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(709.514.960)	(1.358.564.601)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		295.644.963.980	160.980.499.711
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(345.151.009.711)	(210.941.103.105)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.238.537.494)</b>	<b>8.582.442.379</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(26.242.700)	(106.475.426)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17.151.791)</b>	<b>(106.475.426)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		131.833.044.218	57.450.462.695
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(106.610.726.410)	(76.880.172.546)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.295.240.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>22.927.077.808</b>	<b>(19.429.709.851)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>18.671.388.523</b>	<b>(10.953.742.898)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>26.871.612.513</b>	<b>23.253.842.336</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70= 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>45.543.001.036</b>	<b>12.300.099.438</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG TKCT  
 LÝ THỊ HỒNG VINH

Ngày 03 tháng 08 năm 2010

GIÁM ĐỐC



THỦ TƯỚNG GIÁM ĐỐC  
 LÊ THỊ PHƯƠNG MAI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.

- 1 - Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- 2 - Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh thương mại, dịch vụ
- 3 - Ngành nghề kinh doanh : Thiết bị phụ tùng
- 4 - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 - Kỳ kế toán năm ( bắt đầu từ ngày 01/1/2010 kết thúc vào ngày 30/06/2010)
- 2 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Việt Nam đồng

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- 1 - Chế độ kế toán áp dụng : Áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam, ban hành theo QĐ15/2006-QĐ/BTC ngày 20/03/06
- 2 - Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam
- 3 - Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung từ

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.  
Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.
- 2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho
  - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc
  - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Đích danh
  - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kế khai thường xuyên
  - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:
  - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ ( Hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Theo nguyên giá
  - Phương pháp khấu hao TSCĐ ( Hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Khấu hao đường thẳng
- 4- Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:
  - Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:
  - Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.
- 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:
  - Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát;
  - Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn;
  - Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn khác;



- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn;
- 6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các chi phí đi vay :
  - Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay; Được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
  - Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ;
- 7- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:
  - Chi phí trả trước
  - Chi phí khác
  - Phương pháp phân bổ chi phí trả trước;
  - Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại.
- 8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.
- 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.
- 10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
  - Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu; Vốn góp cổ đông
  - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
  - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
  - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối; Lợi nhuận của hoạt động sản xuất, kinh doanh sau khi đã trừ thuế TNDN
- 11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:
  - Doanh thu bán hàng
  - Doanh thu cung cấp dịch vụ;
  - Doanh thu hoạt động tài chính;
  - Doanh thu hợp đồng xây dựng.
- 12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.
- 13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại.
- 14- Các nghiệp vụ rủi ro hối đoái.
- 15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

**V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

(Đơn vị tính: Đồng)

	Kỳ này	Kỳ trước
01- Tiền	13.180.175.766	2.494.321.546
- Tiền mặt	32.362.825.270	9.805.777.892
- Tiền gửi ngân hàng		
- Tiền đang chuyển		
<b>Cộng</b>	<b>45.543.001.036</b>	<b>12.300.099.438</b>
02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
<b>Cộng</b>		
03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác:	Kỳ này	Kỳ trước

- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động	12.790.947.910	48.637.691.036
- Phải thu khác	12.790.947.910	48.637.691.036
<b>Cộng</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
<b>04- Hàng tồn kho</b>		
- Hàng mua đang đi đường		1.646.996.971
- Nguyên liệu, vật liệu	75.372.473	69.458.667
- Công cụ, dụng cụ	23.747.668.672	12.744.987.689
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		206.918.821
- Thành phẩm	51.418.700.208	44.026.369.176
- Hàng hóa		
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hoá kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản		
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>75.241.641.353</b>	<b>58.694.731.324</b>
* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả		
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm		
* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	Kỳ này	Kỳ trước
<b>05- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.018.032	
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	1.018.032	
<b>Cộng</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
<b>06- Phải thu dài hạn nội bộ</b>		
- Cho vay dài hạn nội bộ		
- Phải thu dài hạn nội bộ khác		
<b>Cộng</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
<b>07- Phải thu dài hạn khác</b>		
- Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận uỷ thác		
- Cho vay không lấy lãi		
- Phải thu dài hạn khác		
<b>Cộng</b>		

Số: 01/2018

08-Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

KHỎAN MỤC		Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	TỔNG CỘNG
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>							
Số dư đầu năm		12.407.623.099	1.448.155.038	3.658.477.335	249.428.045	20.400.000	17.784.083.517
- Mua trong năm			1.661.297.200		20.840.138		1.682.137.338
- Đầu tư XD/CB hoàn thành		26.242.700					26.242.700
- Tặng khác			120.000.000				120.000.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ		12.433.865.799	2.989.452.238	3.658.477.335	270.268.183	20.400.000	19.372.463.555
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm		8.686.785.598	964.101.770	1.343.296.921	195.670.152	20.400.000	11.210.254.441
- Khấu hao trong năm		401.290.566	182.632.954	312.462.096	24.821.837		921.207.453
- Tặng khác							
- Chuyển sang BĐS đầu tư			120.000.000				120.000.000
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ		9.088.076.164	1.026.734.724	1.655.759.017	220.491.989	20.400.000	12.011.461.894
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>							
- Tại ngày đầu năm		3.720.837.501	484.053.268	2.315.180.414	53.757.893	-	6.573.829.076
- Tại ngày cuối năm		3.345.789.635	1.962.717.514	2.002.718.318	49.776.194	-	7.361.001.661

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Tổng số chi phí XD/CB dở dang
- Trong đó: (Nhưng công trình lớn)
  - + Công trình Thủy điện Dakglun
  - + Công trình
  - + Công trình

Kỳ này	Kỳ trước
176.652.080.278	386.376.588

176.652.080.278 / 386.376.588



12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khóa mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>				-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
<b>Giá trị còn lại bất động sản đầu tư</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

\* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

13- Đầu tư dài hạn khác:	Kỳ này		Kỳ trước	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu (Cty CP Vật tư Bến Thành)	33.333	999.990.000	33.333	999.990.000
- Đầu tư trái phiếu				
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu				
- Cho vay dài hạn				
- Đầu tư dài hạn khác				
<b>Cộng</b>	<b>33.333</b>	<b>999.990.000</b>	<b>33.333</b>	<b>999.990.000</b>
14- Chi phí trả trước dài hạn			Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ				
- Chi phí thành lập doanh nghiệp				
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn				
- Chi phí chờ giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn				
<b>Cộng</b>				
15- Vay và nợ ngắn hạn			Kỳ này	Kỳ trước
- Vay ngắn hạn			63.744.597.808	78.681.094.648
- Nợ dài hạn đến hạn trả				
<b>Cộng</b>			<b>63.744.597.808</b>	<b>78.681.094.648</b>
16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			Kỳ này	Kỳ trước
- Thuế giá trị gia tăng			496.125.119	3.192.375.897

- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu	138.020.451	540.620.610
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.086.807.284	857.454.977
- Thuế thu nhập cá nhân	2.997.712	45.477.675
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác	1.872.530	1.872.530
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b>3.725.823.096</b>	<b>4.637.807.689</b>
17- Chi phí phải trả	Kỳ này	Kỳ trước
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí thuê kho, nhà	2.717.218.733	5.677.633.260
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
<b>Cộng</b>	<b>2.717.218.733</b>	<b>5.677.633.260</b>
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Kỳ này	Kỳ trước
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	194.368.519	203.648.282
- Bảo hiểm xã hội	4.970.526	12.219.181
- Bảo hiểm y tế	(650.209)	339.577
- Bảo hiểm thất nghiệp		(110.199)
- Phải trả về cổ phần hoá	274.500.000	339.850.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.439.002.923	6.783.400.559
<b>Cộng</b>	<b>4.912.189.759</b>	<b>7.339.347.400</b>
19- Phải trả dài hạn nội bộ	Kỳ này	Kỳ trước
- Vay dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		
<b>Cộng</b>		
20- Vay và nợ dài hạn	Kỳ này	Kỳ trước
a - Vay dài hạn	260.600.000.000	
- Vay ngân hàng	180.000.000.000	
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành	80.600.000.000	
b - Nợ dài hạn		
- Thuế tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
<b>Cộng</b>	<b>260.600.000.000</b>	

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20.

22 - Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|   | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận chưa phân phối | Quỹ khen thưởng & phúc lợi | Quỹ khác của vốn chủ sở hữu | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ đầu tư phát triển | Cộng           |
|---|---------------------------|----------------------|--------------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------------|-----------------------|----------------|
|   | 1                         | 2                    | 4                        | 5                          | 6                           | 7                      | 8                     | 9              |
| <b>Số dư đầu năm trước</b>                    | 80.600.000.000            | -                    | -                        | 648.106.175                | 62.085.074                  | 1.110.802.738          | 4.637.038.890         | 87.058.032.877 |
| - Tăng vốn trong năm trước                    |                           |                      |                          |                            |                             |                        |                       |                |
| - Lãi trong năm trước                         |                           |                      |                          | 787.188.217                |                             | 1.895.083.827          | 3.458.702.871         | 6.140.974.915  |
| - Tặng khác                                   |                           |                      |                          |                            |                             |                        |                       |                |
| - Giảm vốn trong năm trước                    |                           |                      |                          |                            |                             |                        |                       |                |
| - Lỗ trong năm trước                          |                           |                      |                          | 518.000.000                |                             |                        | 210.431.688           | 728.431.688    |
| - Giảm khác                                   |                           |                      |                          |                            |                             |                        |                       |                |
| <b>Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay</b> | 80.600.000.000            | -                    | -                        | 917.294.392                | 62.085.074                  | 3.005.886.565          | 7.885.310.073         | 92.470.576.104 |
| - Tăng vốn trong năm nay                      |                           |                      | 6.306.166.150            |                            |                             |                        |                       | 6.306.166.150  |
| - Lãi trong năm nay                           |                           |                      |                          |                            |                             |                        |                       |                |
| - Tặng khác                                   |                           |                      |                          |                            |                             |                        |                       |                |
| - Giảm vốn trong năm nay                      |                           |                      |                          |                            |                             |                        |                       |                |
| - Lỗ trong năm nay                            |                           |                      |                          | 435.121.318                |                             |                        |                       | 435.121.318    |
| - Giảm khác                                   |                           |                      |                          |                            |                             |                        |                       |                |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                     | 80.600.000.000            | -                    | 6.306.166.150            | 482.173.074                | 62.085.074                  | 3.005.886.565          | 7.885.310.073         | 98.341.620.936 |

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                                      | Kỳ này         | Kỳ trước       |
|--------------------------------------|----------------|----------------|
| - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu |                |                |
| - Vốn góp của nhà nước               | 4.092.000.000  | 4.092.000.000  |
| - Vốn góp của các đối tượng khác     | 76.508.000.000 | 76.508.000.000 |
| <b>Cộng</b>                          | 80.600.000.000 | 80.600.000.000 |

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

\* Số lượng cổ phiếu quỹ:

1.000.000.000.000

|  | Kỳ này         | Kỳ trước       |
|--|----------------|----------------|
| c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận  |                |                |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu  | 80.600.000.000 | 80.600.000.000 |
| + Vốn góp đầu năm  |                |                |
| + Vốn góp tăng trong năm   |                |                |
| + Vốn góp giảm trong năm   | 80.600.000.000 | 80.600.000.000 |
| + Vốn góp cuối năm   |                |                |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia  |                |                |
| d- Cổ tức  |                |                |
| - Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:  |                |                |
| + Cổ tức đã thông báo trên cổ phổ thông  |                |                |
| + Cổ tức đã thông báo trên cổ phiếu ưu đãi   |                |                |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận   |                |                |
| d- Cổ phiếu  | Kỳ này         | Kỳ trước       |
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành  | 8.060.000      | 8.060.000      |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng   | 8.060.000      | 8.060.000      |
| + Cổ phiếu phổ thông   |                |                |
| + Cổ phiếu ưu đãi  |                |                |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại   |                |                |
| + Cổ phiếu phổ thông   |                |                |
| + Cổ phiếu ưu đãi  | 8.060.000      | 8.060.000      |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành  | 8.060.000      | 8.060.000      |
| + Cổ phiếu phổ thông   |                |                |
| + Cổ phiếu ưu đãi  |                |                |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành  | 10.000         | 10.000         |
| e- Các quỹ của doanh nghiệp  | 10.953.281.712 | 5.809.926.702  |
| - Quỹ đầu tư phát triển  | 7.885.310.073  | 4.637.038.890  |
| - Quỹ dự phòng tài chính   | 3.005.896.665  | 1.110.802.738  |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu  | 62.085.074     | 62.085.074     |
| * Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp   |                |                |
| g - Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể |                |                |
|  | Kỳ này         | Kỳ trước       |
| 23- Nguồn kinh phí   |                |                |
| - Nguồn kinh phí được cấp trong năm  |                |                |
| - Chi sự nghiệp  |                |                |
| - Nguồn kinh phí còn lại cuối năm  |                |                |
| 24- Tài sản thuế ngoài   | Kỳ này         | Kỳ trước       |
| (1)- Giá trị tài sản thuế ngoài  |                |                |
| - TSCĐ thuế ngoài  |                |                |
| - Tài sản khác thuế ngoài  |                |                |
| (2)- Tổng số tiền thuế lỗi thiếu trong tương lai của Hợp đồng thuế hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn            |                |                |
| - Từ 1 năm trở xuống   |                |                |

|  |                        |                        |
|--|------------------------|------------------------|
| - Trên 1 đến 5 năm   |                        |                        |
| - Trên 5 năm   |                        |                        |
| <b>VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b> |                        | (Đơn vị tính: đồng)    |
| <b>25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ( Mã số 01)</b>                                   | <b>Kỳ này</b>          | <b>Kỳ trước</b>        |
| Trong đó:  | 247.606.932.510        | 267.197.256.950        |
| - Doanh thu bán hàng   | 224.647.485.230        | 259.093.108.409        |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ   | 7.672.877.624          | 5.914.126.615          |
| - Doanh thu hợp đồng xây dựng ( Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)                           | 15.123.069.658         | 2.190.021.926          |
| - Doanh thu khác   | 163.500.000            |                        |
| + Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ   |                        |                        |
| + Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;     |                        |                        |
| <b>26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)</b>   | <b>183.721.972</b>     | <b>723.725.970</b>     |
| Trong đó:  |                        |                        |
| - Chiết khấu thương mại  |                        |                        |
| - Giảm giá hàng bán  |                        |                        |
| - Hàng bán bị trả lại  |                        | 414.559.200            |
| - Thuế GTGT phải nộp ( PP trực tiếp)   |                        |                        |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt   |                        |                        |
| - Thuế xuất khẩu   | 183.721.972            | 309.166.770            |
| <b>27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( Mã số 10)</b>                               | <b>247.423.210.538</b> | <b>266.473.530.980</b> |
| Trong đó:  |                        |                        |
| - Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa  | 239.750.332.914        | 260.559.404.365        |
| - Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ   | 7.672.877.624          | 5.914.126.615          |
| <b>28- Giá vốn hàng bán ( Mã số 11 )</b>   | <b>Kỳ này</b>          | <b>Kỳ trước</b>        |
| - Giá vốn của hàng hoá đã bán  | 209.907.035.893        | 241.294.826.607        |
| - Giá vốn của thành phẩm đã bán xây lắp  | 14.118.005.178         |                        |
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp  | 2.266.479.123          | 1.282.402.733          |
| - Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán                                |                        |                        |
| - Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư   |                        |                        |
| - Hao hụt, mất mát hàng tồn kho  |                        |                        |
| - Các khoản chi phí vượt mức bình thường   |                        |                        |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho   |                        |                        |
| <b>Cộng</b>  | <b>226.291.520.194</b> | <b>242.577.229.340</b> |
| <b>29- Doanh thu hoạt động tài chính ( Mã số 21 )</b>  | <b>Kỳ này</b>          | <b>Kỳ trước</b>        |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay   | 1.012.711.577          | 642.428.697            |
| - Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu   |                        |                        |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia  |                        |                        |
| - Lãi bán ngoại tệ   |                        |                        |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 170.475.521            | 26.703.085             |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện   |                        | 60.732.567             |
| - Lãi bán hàng trả chậm  | 7.040.000              |                        |
| - Doanh thu hoạt động tài chính khác   |                        |                        |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.190.227.098</b>   | <b>737.864.349</b>     |

|  |                      |                      |
|--|----------------------|----------------------|
| 30- Chi phí tài chính ( Mã số 22 )   | Kỳ này               | Kỳ trước             |
| - Lãi tiền vay   | 4.492.916.818        | 4.024.417.771        |
| - Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm   |                      |                      |
| - Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn  |                      |                      |
| - Lỗ bán ngoại tệ  |                      |                      |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện  | 2.042.757.152        | 2.457.517.409        |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện  |                      |                      |
| - Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn   |                      |                      |
| - Chi phí tài chính khác   |                      |                      |
| <b>Cộng</b>  | <b>6.535.673.970</b> | <b>6.481.935.240</b> |
| 31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành ( Mã số 51 )   | Kỳ này               | Kỳ trước             |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành                                | 2.102.055.384        | 974.857.625          |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay  |                      |                      |
| - <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>   | <b>2.102.055.384</b> | <b>974.857.625</b>   |
| 32- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại ( Mã số 52 )  | Kỳ này               | Kỳ trước             |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế        |                      |                      |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại       |                      |                      |
| - Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ                     |                      |                      |
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng |                      |                      |
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả     |                      |                      |
| - <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>  |                      |                      |
| 33- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố   | Kỳ này               | Kỳ trước             |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu  | 131.558.164          | 73.017.839           |
| - Chi phí nhân công  | 2.745.596.387        | 2.599.204.980        |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định   | 643.044.750          | 784.316.756          |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 3.405.644.178        | 4.454.027.033        |
| - Chi phí khác bằng tiền   | 461.269.368          | 346.104.507          |
| <b>Cộng</b>  | <b>7.387.112.847</b> | <b>8.256.671.175</b> |

**VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

(Đơn vị tính: Đồng)

- 34- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng
- a - Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu;
  - Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu;

Năm nay

Năm trước

- b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo
  - Tổng giá trị mua hoặc thanh lý
  - Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;
  - Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;
  - Phần giá trị tài sản ( Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ.
- c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện

#### VII- Những thông tin khác

- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- 3- Thông tin về các bên liên quan
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận ( theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 " Báo cáo bộ phận"
- 5- Thông tin so sánh ( Những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước);
- 6- Thông tin về hoạt động liên tục
- 7- Những thông tin khác

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG TCKT  
LÝ THỊ HỒNG VINH

Lập, Ngày 03 tháng 08 năm 2010



GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
LÊ THỊ PHƯƠNG MAI

BỘ CÔNG THƯƠNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN

-----000-----



**PHỤ LỤC V**  
**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**  
**ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG**  
**QUA VIỆC NIÊM YẾT**





TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2010

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**  
(V/v niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM)

- ❖ Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước CHXHCN Việt Nam năm 2005.
- ❖ Căn cứ Điều lệ tổ chức – hoạt động và Quy chế của Công ty.
- ❖ Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 27/3/2010 của Công ty

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua việc đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM trong năm 2010 như sau:

- Giao Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký niêm yết.
- Giao Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

**Điều 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban, đơn vị và toàn thể cổ đông có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

**Nơi nhận:**

- Ban kiểm soát để biết
- Lưu văn thư, HDQT



Nguyễn Đình Hiền